



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU TRÍ TUỆ
2019
INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES
ANNUAL REPORT



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: 024 62631704

Website: nxbthanhvien.vn; Email: info@nxbthanhvien.vn

Chi nhánh: 145 Pasteur, P.6, Q3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39106963.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2019

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập: Lê Thanh Hà

Biên tập: Chu Quang Khánh

Bìa & Trình bày: Công ty IP Media

In 300 cuốn khổ 21x29,7cm tại Công ty Cổ phần in Sách Việt Nam
ĐC: 22B Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số XN đăng ký xuất bản: 1022-2020/CXBIPH/33-20/TN
Quyết định XB số: 1165/QĐ-NXB TN cấp ngày 22/7/2020
Mã số ISBN: 978-604-9941-91-7
In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2019**

INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES ANNUAL REPORT

Lời nói đầu

Là năm bút phá để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ năm 2019 đã đạt được nhiều kết quả có ý nghĩa đối với sự phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước. Lần đầu tiên, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 (theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019) với mục tiêu phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam một cách đồng bộ và hiệu quả ở tất cả các khâu, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Năm 2019 cũng chứng kiến các hoạt động hợp tác quốc tế quan trọng mang tính cột mốc trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Chu Ngọc Anh lần đầu tiên tham dự và phát biểu khai mạc tại Phiên họp Đại hội đồng Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), đồng thời có các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương nổi bật như trao Văn kiện gia nhập Thỏa ước La-hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp. Cũng trong năm 2019, lần đầu tiên kể từ khi gia nhập ASEAN Việt Nam đã đảm nhận nhiệm vụ Chủ tịch Nhóm công tác về sở hữu trí tuệ của ASEAN (AWGIPC).

Bên cạnh đó, năm 2019 cũng tiếp tục ghi nhận những kết quả ấn tượng trong hoạt động đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp. Cục Sở hữu trí tuệ đã nhận được 75.742 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (tăng 26,7% so với năm 2018); xử lý được 65.029 đơn (tăng 51,7% so với năm 2018) và cấp 40.715 văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp (tăng 40,6% so với năm 2018). Kết quả này thể hiện sự nỗ lực của toàn bộ tập thể lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động của Cục Sở hữu trí tuệ, từng bước đáp ứng nhu cầu bảo hộ tài sản trí tuệ của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh tại Việt Nam.

Một kết quả nổi bật khác là việc Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ đã được Quốc hội khóa XIV thông qua để thi hành Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Cục Sở hữu trí tuệ cũng khởi động tiến trình sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ để nội luật hóa và thi hành các cam kết quốc tế trong Hiệp định CPTPP và Hiệp định EVFTA (được ký kết ngày 30/6/2019 tại Hà Nội).

Công tác đào tạo, tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật tiếp tục được triển khai có hiệu quả cho nhiều đối tượng khác nhau; công tác thông tin sở hữu công nghiệp

được duy trì, cơ bản đáp ứng nhu cầu của xã hội trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được triển khai, trở thành cơ sở và hình mẫu cho việc xây dựng, triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của các ngành và địa phương.

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, là năm cuối thực hiện kế hoạch 5 năm (2016-2020), chuẩn bị và tạo đà cho Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm (2021-2030) và các giai đoạn phát triển tiếp theo. Bên cạnh việc thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, Cục Sở hữu trí tuệ đang tập trung triển khai một số công việc trọng tâm bao gồm: Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và tổ chức thực hiện Kế hoạch này; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ; nghiên cứu xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ để trình Bộ trưởng ban hành; triển khai thành công các dự án về công nghệ thông tin và các dự án xây dựng, sửa chữa trụ sở Cục để tăng cường trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu công việc; xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2021-2030 và xây dựng Mạng lưới các trung tâm Sở hữu trí tuệ - chuyển giao công nghệ tại các trường đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp (IP-Hub); triển khai các dịch vụ sở hữu trí tuệ để chuyển hóa quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp và tổ chức thành tài sản quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế.

Để thực hiện thành công các nhiệm vụ nêu trên, đòi hỏi sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức và người lao động của Cục Sở hữu trí tuệ, qua đó phát huy vai trò hạt nhân của Cục trong toàn hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam, góp phần thúc đẩy sự phát triển hoạt động khoa học và công nghệ nói riêng và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

CỤC TRƯỞNG

ĐINH HỮU PHÍ

As a breakthrough year for the successful implementation of the socio-economic development plan in 2016-2020, the Intellectual Property Office of Viet Nam (IP Viet Nam) achieved various meaningful results to contribute to the scientific, technological and socio-economic development of the country in 2019. The Prime Minister approved the National Intellectual Property Strategy (under the Decision No. 1068/QĐ-TTg on August 22, 2018) with the aim of leveraging the Vietnamese intellectual property system synchronously and effectively in all stages, making intellectual property become a real tool to enhance competitiveness and promote the economic, cultural and social development of the country.

The year 2019 also witnessed an important milestone in international cooperation activities. Minister of Science and Technology - H.E. Chu Ngọc Anh for the first time attended and delivered the opening speech at the WIPO General Assembly meetings, and also attended important bilateral and multilateral events such as depositing the Accession Instrument of Hague Agreement on the International Registration of Industrial Designs. Also in 2019, for the first time since joining ASEAN, IP Viet Nam assumed the Chair of the ASEAN Intellectual Property Working Group (AWGIPC).

IP Viet Nam also recorded impressive results in the establishment of industrial property rights in 2019. The office received 75,742 IPR applications in total (an increase of 26.7% compared to 2018), handled 65,029 applications (up 51.7% compared to 2018) and granted 40,715 IPR protection titles (up 40.6% compared to 2018). This showed huge efforts of the leaders and employees of IP Viet Nam in meeting the needs of intellectual property protection of businesses and inventors, ensuring a facilitated and transparent business and investment environment for Viet Nam.

Another outstanding result of the year was that the Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Insurance Business and the Law on Intellectual Property was adopted by the National Assembly to help implement the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP). In 2019, IP Viet Nam also initiated the process of amending the Intellectual Property Law to internalise its commitments in the CPTPP and EVFTA free trade agreements.

Training, dissemination and dissemination activities were implemented effectively for various stakeholders; the

Foreword

industrial property information was maintained, basically meeting the needs of society in scientific research, technological development and innovation. The National IP Assets Development Programme was implemented properly, making it the model for the development and implementation of IP assets development programmes of industries and localities across the country.

The year of 2020 is particularly important for the country's socio-economic development because it is the final year in implementation of the five-year plan (2016-2020). It also is a preparation year for the implementation of the country's Socio-Economic Development Strategy in the coming 10 years (2021-2030) and the following stages of development. In addition to performing regular tasks well, IP Viet Nam is focusing on implementing a number of key projects, including formulating the Action Plan of the National Intellectual Property Strategy and submitting the Minister of Science and Technology for his approval, as well as successfully implementing the plan; initiating the process of amending the Intellectual Property Law; formulating a scheme to reform the organisational structure of IP Viet Nam; projects on modernisation of IP system and projects on building and repairing the headquarters of the office to provide better equipments and facilities to its staff; elaborating and submitting to the Prime Minister for the National Programme on IP Assets development in the period of 2021-2030; expanding technology transfer centres at universities, research institutes and enterprises and promoting services to transform IP rights into important assets for economic development.

To successfully carry out the above tasks, there is a need for solidarity and efforts from all IP Viet Nam's leaders, cadres, civil servants and employees, thereby promoting the crucial role of the department as part of Vietnam's intellectual property system, contributing to promoting the development of scientific and technological activities and serving the cause of socio-economic development of the country./.

DIRECTOR GENERAL

DINH HUU PHI

MỤC LỤC / CONTENTS

LỜI MỞ ĐẦU FOREWORD	4
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY LEGISLATION AND POLICIES	7
HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTERNATIONAL COOPERATION ON INTELLECTUAL PROPERTY	12
CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP REGISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	20
BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ASSURANCE OF INDUSTRIAL PROPERTY INFORMATION	30
ĐÀO TẠO, TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY RESEARCH, TRAINING AND PUBLIC AWARENESS	36
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ SUPPORTS FOR INTELLECTUAL PROPERTY ASSETS DEVELOPMENT	42
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP APPEAL SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	46
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY REPRESENTATION ACTIVITIES	50
HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES AT LOCAL LEVELS	52

PHỤ LỤC THỐNG KÊ / STATISTICS

1. SÁNG CHẾ PATENT	60
2. GIẢI PHÁP HỮU ÍCH UTILITY SOLUTION	62
3. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP INDUSTRIAL DESIGN	98
4. NHÃN HIỆU TRADEMARK	100
5. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ GEOGRAPHICAL INDICATION	106
6. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	107
7. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS	111

TRANG

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY LEGISLATION
AND POLICIES



Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia

Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Cục Sở hữu trí tuệ. Năm 2019 đã ghi nhận những kết quả đáng khích lệ trong công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ, trong đó nổi bật nhất là việc xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ và Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 22/8/2019 do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, với sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ ngành liên quan và sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới. Đây là lần đầu tiên Việt Nam ban hành một chiến lược mang tầm quốc gia về sở hữu trí tuệ, đánh dấu bước phát triển mới trong lĩnh vực này. Sự kiện đã khẳng định sở hữu trí tuệ là công cụ quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo cũng như phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Chiến lược sẽ là kim chỉ nam để các bộ, ngành, địa phương chủ động lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ vào hoạt động quản lý nhà nước, từ đó triển khai thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và từng ngành, lĩnh vực nói riêng.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 14/6/2019 theo trình tự, thủ tục rút gọn nhằm kịp thời nội luật hóa các nghĩa vụ phải thi hành ngay trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2019. Các nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ trong Luật này tập trung vào 5 nhóm vấn đề lớn, bao gồm: cách thức nộp đơn; sáng chế; nhãn hiệu; chỉ dẫn địa lý và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Sau khi Luật được ban hành, Cục Sở hữu trí tuệ đã tổ chức những cuộc hội thảo, tọa đàm để phổ biến và hướng dẫn thi hành chính sách, pháp luật cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên toàn quốc.

Cùng với việc sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ để thi hành cam kết theo Hiệp định CPTPP, trong năm 2019 Cục Sở hữu trí tuệ cũng tiếp tục tiến trình lập Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ với mục tiêu giải quyết các vướng mắc và bất cập sau hơn 10 năm thi hành, cũng như đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và bảo đảm thi hành các cam kết về sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật đã được trình xin ý kiến Chính phủ để

trình Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2021.

Cùng với việc chủ trì và phối hợp xây dựng các văn bản pháp luật, Cục Sở hữu trí tuệ cũng thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ do các cơ quan khác chủ trì soạn thảo, bao gồm: 01 công ước (Công ước về Công nhận và cho thi hành phán quyết của tòa án nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại), 3 đạo luật (Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án), 4 nghị định (Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích đổi mới sáng tạo mới sáng tạo quốc gia; Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Thi hành án dân sự; Nghị định về quản lý phân bón), 10 thông tư (Thông tư về nhãn hàng hóa; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư về giá trị hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; Thông tư về hệ thống tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam; Thông tư về quản lý, sửa dụng mã số, mã vạch và truy suất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa...) và nhiều văn bản pháp luật khác có nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Với vai trò là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ thường xuyên thực hiện việc giải đáp và hướng dẫn thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ cho các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các Sở Khoa học và Công nghệ và các doanh nghiệp như giải đáp vướng mắc về việc rút ngắn thời gian thẩm định, cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp; về đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 148 Luật Sở hữu trí tuệ; về thay đổi ủy quyền đại diện sở hữu công nghiệp; về phương án xử lý các đơn không đáp ứng quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi đăng ký ra nước ngoài; về quy định pháp luật liên quan đến đơn chuyển đổi do đăng ký quốc tế nhãn hiệu bị hủy bỏ hiệu lực theo Điều 9 của Nghị định thư Madrid...

Formulation and improvement of national legislation and policies

Formulation and improvement of intellectual property (IP) legislation and policies is always one of the key tasks in State management of IP of the Intellectual Property Office of Viet Nam (IP Viet Nam). In 2019, there were encouraging results in the work of formulation and improvement of IP legislation and policies, including: (i) the National Strategy on Intellectual Property (NSIP); (ii) the Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Insurance Business and the IP Law; and (iii) the Dossier of Proposal to formulate the Law amending and supplementing a number of articles of the IP Law.

The NSIP, which was formulated by the Ministry of Science and Technology (MOST) in close coordination with concerned ministries and agencies as well as the technical assistance of World Intellectual Property Organization (WIPO), was signed by the Prime Minister on August 22, 2019. This is the first time Viet Nam has issued a national strategy of IP, marking a new milestone in this field. This has also affirmed that IP is an important tool to contribute to promoting innovation activities as well as economic, cultural and social development of the country. The IP strategy will be a direction guideline for ministries, agencies and localities to integrate IP content into their State management activities, thereby effectively implementing IP policies in the development of the socio-economy and each branch and field.

Under the shortened order and procedures, the Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Insurance Business and the IP Law with the aim of implementing a number of obligations under the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) agreement which took effect for Viet Nam from January 14, 2019, was adopted by the XIV National Assembly at the 7th session on June 14, 2019. The law took effect from November 1, 2019. The IP related issues in this law focus on five major subjects, including: online application; patent; trademark; geographical indications and IP rights protection. After the law was enacted, IP Viet Nam held seminars and conferences to disseminate and guide the implementation of policies and regulations for businesses, organisations and individuals nationwide.

Along with the revision of the IP Law to comply with the CPTPP, in 2019 IP Viet Nam continued the process of drafting a proposal to formulate the law amending and supplementing a number of articles of the IP Law to address obstacles and shortcomings after 10 years of implementation, as well as meet the requirements of practice and ensuring compliance with IP obligations in free trade agreements Viet Nam has signed.

In addition to the above-mentioned policy-making activities, IP Viet Nam also regularly comments on IP content in legal documents drafted by other agencies, in particular: one convention (Convention on recognition and enforcement of judgments of foreign courts in civil or commercial fields); three laws (proposal for formulating the Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Promulgation of Legal Documents 2015; Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Investment and Enterprise Law; Law on Mediation, Dialogue at the Court); four decrees (Decree on Providing the penalties on administrative violations in commercial activities, production of, trading in counterfeit or banned goods and protection of consumer right; Decree on Preferential and incentive mechanisms and policies for the National Innovation Centre; Decree on Amending and supplementing the Decree guiding the implementation of the Law on Civil Judgment Execution; Decree on Fertiliser management); 10 circulars (Circular on Good labels; Circular on Amending and supplementing the Circular on customs value of import and export goods; Circular on the Criteria of Vietnam National Brand Program; Circular on Management and use of codes, barcodes and tracing of products and goods etc.); and many other legal documents with IP related content.

As the focal point for State management of IP, IP Viet Nam has answered and guided the implementation of IP laws and regulations for agencies and organisations, especially Departments of Science and Technology and businesses. Some main contents are: problems about shortening the period of examination and granting of industrial property protection titles; registration of IP licensing contracts under Article 148 of the IP Law; changing industrial property representation; solutions to patent applications that do not meet regulations on security control before registering abroad; implementation of laws related to the application for conversion due to invalidation of international trademark registration under Article 9 of the Madrid Protocol, etc.

Xây dựng chính sách, pháp luật quốc tế

Năm 2019, công tác pháp chế và chính sách quốc tế chủ yếu tập trung vào hai hoạt động cơ bản là tham gia đàm phán nội dung về sở hữu trí tuệ trong một số hiệp định thương mại tự do và chuẩn bị cho quá trình ký kết, phê chuẩn các Hiệp định đã kết thúc đàm phán.

Cụ thể, đối với Hiệp định Thương mại tự do giữa VN và EU (Hiệp định EVFTA): rà soát pháp lý Hiệp định với pháp luật VN; tham gia xây dựng Báo cáo nghiên cứu về đánh giá tác động của Hiệp định EVFTA; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị phổ biến Hiệp định EVFTA với chủ đề “Hiệp định EVFTA - một số cam kết quan trọng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và những điều cần lưu ý”...

Đối với Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN và 6 nước Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và Niu Di-lân (Hiệp định RCEP): Xây dựng phương án đàm phán Chương sở hữu trí tuệ và tham gia 6 phiên đàm phán; xây dựng phương án kết thúc đàm phán Chương sở hữu trí tuệ; nêu ý kiến về các nội dung pháp lý và thể chế và các nội dung liên quan đến mở cửa thị trường dịch vụ, phi dịch vụ, đầu tư...

Đối với Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EFTA (Khối Hiệp hội Thương mại tự do châu Âu bao gồm Thụy sỹ, Lich-ten-xtai, Na-uy và Ai-xơ-len): Cục góp ý Danh mục bảo lưu các biện pháp ngoại lệ đối với nghĩa vụ của Chương Đầu tư; tham gia 01 phiên đàm phán.

Đối với Hiệp định giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (Việt Nam - UK): Cục cung cấp thông tin rà soát thực hiện các nội dung thỏa thuận của Biên bản khóa họp Ủy ban hỗn hợp Việt Nam – UK lần thứ 10; đề xuất quan điểm về Dự thảo văn kiện Hiệp định song phương Việt Nam - UK; cho ý kiến về các nội dung phản hồi sau Phiên họp lần thứ 3 của Ban Công tác về Đối thoại Thương mại và Đầu tư Việt Nam - UK.

Đối với Thỏa ước La-hay về kiểu dáng công nghiệp: Văn kiện gia nhập Thỏa ước La-hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam trao cho Tổng Giám đốc WIPO ngày 30/9/2019. Thỏa ước chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 30/12/2019.

Bên cạnh đó, Cục Sở hữu trí tuệ còn tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm thi hành những điều ước quốc



Ảnh / Photo by: Quang Nguyen Vinh

tế về sở hữu trí tuệ như tiếp tục cung cấp thông tin về hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong năm 2019 theo yêu cầu của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội (Báo cáo 301). Ngoài ra, Cục còn đóng góp ý kiến cho việc đàm phán, gia nhập một số điều ước quốc tế khác như góp ý dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án sàn Hiệp định Việt Nam - Israel; chuẩn bị nội dung và tham dự phiên họp Hội nghị liên chính phủ về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học biển tại vùng biển nằm ngoài quyền tài phán quốc gia...

In 2019, international policy and legal frameworks mainly focused on two basic activities: participating in IP negotiations of some free trade agreements (FTA) and preparing for the signing and ratifying process of agreements that have been concluded.

Specifically, for the FTA between Vietnam and the EU (EVFTA), IP Viet Nam completed legal review process for the IP Chapter of the Agreement with Vietnamese law; participated in drafting a report on impact assessment of EVFTA; Coordinated with relevant agencies to organise the EVFTA dissemination conference with the theme “EVFTA - some important commitments in the field of IP and things to notice” etc.

International policy and legal frameworks

For the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement (RCEP) (between ASEAN and six countries: China, India, Japan, Korea, Australia and New Zealand), IP Viet Nam drafted proposal texts of IP Chapter and participated in six negotiation sessions; drafted proposal texts to finalise the IP Chapter; commented on legal and institutional contents and other contents related to service, non-service and investment market access etc.

For the VN - EFTA FTA (European Free Trade Association including Switzerland, Lichtenstein, Norway and Iceland), IP Viet Nam commented on reservations of NT exceptions for the non-service sector under the Investment Chapter and participated in one negotiation session.

For the agreement between Vietnam and the United Kingdom, the office provided information to review the implementation of the report of the 10th meeting of Vietnam - UK Joint Economic and Trade Committee; proposed opinions on the draft Vietnam - UK bilateral agreement; and commented on the UK’s feedback after the 3rd Meeting of the Working Group of Trade and Investment Dialogue Vietnam-UK.

For the Hague Agreement Concerning the International Registration of Industrial Designs, the instrument of accession to the Geneva Act of the Hague Agreement was deposited with the Director General of the WIPO by the Minister of Science and Technology on behalf of the Government of Viet Nam on September 30, 2019. The act entered into force in Viet Nam on December 30, 2019.

IP Viet Nam participated in activities to implement the international agreements on IP. It provided information on the IP protection and enforcement in 2019 at the request of the US Embassy in Hanoi (Special Report 301). Besides, IP Viet Nam also commented on the negotiation and accession to a number of international treaties, specifically it commented on the draft report to the Prime Minister on the proposed texts of Vietnam - Israel Agreement and prepared content and attended the meeting of the Intergovernmental Conference on Marine Biodiversity of Area Beyond National Jurisdiction.

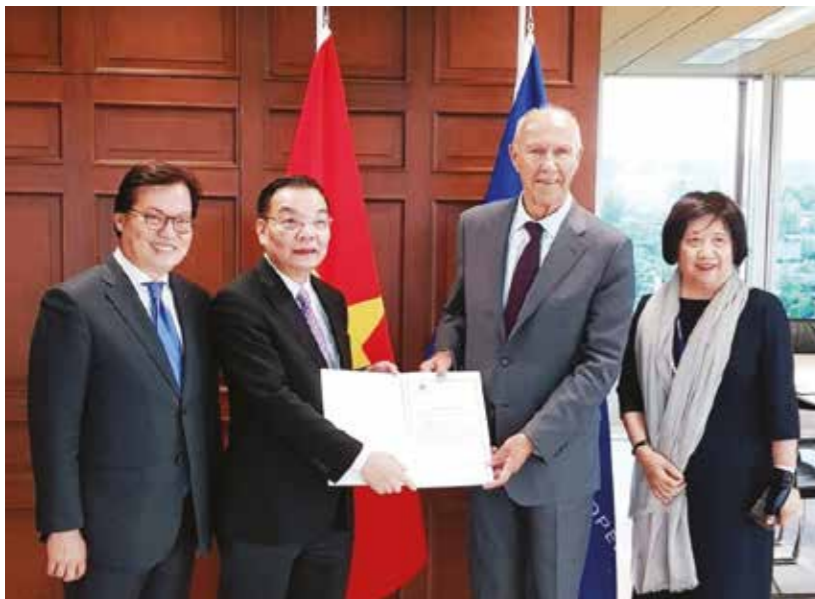


**HỢP TÁC QUỐC TẾ
VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**
INTERNATIONAL COOPERATION
ON INTELLECTUAL PROPERTY

Ảnh / Photo by: Shutterstock.com



Bộ trưởng Chu Ngọc Anh phát biểu tại Đại hội đồng WIPO 2019
Minister Chu Ngoc Anh's address to the WIPO General Assembly 2019



Bộ trưởng Chu Ngọc Anh trao văn kiện gia nhập Thỏa ước La Hay cho Tổng giám đốc WIPO Francis Gurry
Minister of Science and Technology Chu Ngoc Anh (second from left) deposits the instrument of accession to the Geneva Act of the Hague Agreement with Francis Gurry, WIPO Director General

Năm 2019 tiếp tục là một năm thành công của hoạt động hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ của Việt Nam, đặc biệt trong lĩnh vực ngoại giao đa phương.

Lần đầu tiên, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tham gia kỳ họp Đại hội đồng WIPO và có các hoạt động ngoại giao nổi bật. Thay mặt ASEAN và Việt Nam, Bộ trưởng Chu Ngọc Anh đã có hai bài phát biểu tại phiên khai mạc Đại hội đồng WIPO, trong đó ông nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình ở các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bộ trưởng cũng nêu bật các thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực khoa học công nghệ như sự gia tăng liên tục của Chỉ số đổi mới sáng tạo (GII) trong những năm vừa qua; việc ban hành Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia đến năm 2030 và việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ.

Tại kỳ họp lần này, Việt Nam cũng được bầu vào Ủy ban Điều phối và Ủy ban Kế hoạch và Ngân sách của WIPO - hai Ủy ban quan trọng của Tổ chức phụ trách vấn đề nhân sự và tài chính.

Bên lề hội nghị, thay mặt Chính phủ Việt Nam, Bộ trưởng đã trao văn kiện gia nhập Thỏa ước La Hay cho Tổng giám đốc WIPO. Với việc gia nhập này, Việt Nam đã trở thành Thành viên của tất cả 3 điều ước về đăng ký quốc tế đối với sáng chế, nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp do WIPO quản lý. Việc gia nhập điều ước này là một bước tiến của Việt Nam nhằm thực hiện cam kết trong các FTA thế hệ mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam đăng ký kiểu dáng công nghiệp ra nước ngoài, cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh của Việt Nam, góp phần thúc đẩy công cuộc hội nhập kinh tế sâu rộng của nước ta.

Nhân dịp này, Cục Sở hữu trí tuệ cũng ký kết Thỏa thuận hợp tác về Môi trường sở hữu trí tuệ kiến tạo với WIPO. Dự án này sẽ hỗ trợ nâng cao năng lực về sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ của các viện nghiên cứu và trường đại học trong hoạt động nghiên cứu/sáng tạo, đăng ký và thương mại hóa các sáng chế, cũng như chuyển giao công nghệ. Đội ngũ này sẽ đóng vai trò trung

The year 2019 was a successful year of international cooperation on intellectual property, particularly in multilateral frameworks.

Minister of Science and Technology Mr. Chu Ngoc Anh for the first time attended the General Assembly of WIPO and got involved in various diplomatic activities. On behalf of the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and Viet Nam, Minister Chu Ngoc Anh delivered two speeches at the opening session of WIPO General Assembly, underlining the role of science, technology and innovation in changing the growth model and escaping from the middle-income trap for developing countries, including Viet Nam, in the context of the fourth industrial revolution. The minister noted achievements gained by Viet Nam in science and technology, namely the country's improved rank on the Global Innovation Index (GII) over the past year; the approval of the National Strategy on Intellectual Property until 2030 and the amendment of Law on Intellectual Property, Law on Insurance.

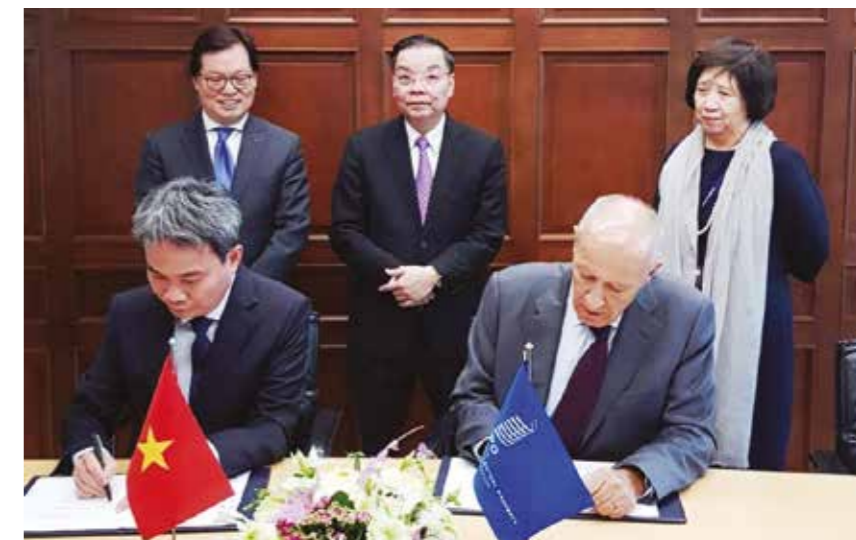
In this year's assembly, Viet Nam participated as Member of the Coordination Committee, Program and Budget Committee – two important Committees of WIPO in charge of personnel and finance issues.

On the sidelines, Minister Chu Ngoc Anh presented Viet Nam's instrument of accession to the Hague agreement to the WIPO Director General on behalf of the Vietnamese Government. With this accession, Viet Nam became a member of all three treaties on international registration for inventions, trademarks and designs administered by the WIPO. The event marked a new development of Viet Nam in implementing new-generation FTA commitments, creating favourable conditions for Vietnamese individuals and businesses to acquire international registration of their industrial designs, improving the business environment and contributing to the enhancement of deep and broad economic integration of the country.

On this occasion, IP Viet Nam signed the Cooperation Agreement on Enabling IP Environment with WIPO to help strengthen the capacity of staff at research institutions and universities in their researching/



Bộ trưởng Chu Ngọc Anh phát biểu khai mạc Triển lãm Thổ cẩm và Lụa truyền thống Việt Nam bên lề Đại hội đồng WIPO 2019
Minister Chu Ngoc Anh gives opening remarks at the Viet Nam Traditional Silk and Brocade Exhibition on the margins of the WIPO General Assembly 2019



Cục trưởng Đinh Hữu Phi và Tổng giám đốc WIPO Francis Gurry tại lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác về Môi trường sở hữu trí tuệ kiến tạo trước sự chứng kiến của Bộ trưởng Chu Ngọc Anh
IP Viet Nam Director General Dinh Huu Phi and WIPO Director General Francis Gurry sign the Cooperation Agreement on Enabling IP Environment with the witness of Minister Chu Ngoc Anh



Phó Cục trưởng Lê Ngọc Lâm phát biểu khai mạc Cuộc họp AWGIPC lần thứ 60
Deputy Director General Le Ngoc Lam gives opening remarks at the 60th AWGIPC Meeting

tâm giúp nâng cao số lượng, chất lượng và giá trị thương mại của sáng chế trong các viện nghiên cứu và trường đại học, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng, khai thác thông tin sáng chế để tránh trùng lặp trong nghiên cứu.

Năm 2019 cũng đánh dấu lần đầu tiên Cục Sở hữu trí tuệ đảm nhận vị trí Chủ tịch Nhóm công tác về Hợp tác sở hữu trí tuệ ASEAN (AWGIPC) kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức (năm 1995) đến nay. Cục Sở hữu trí tuệ đã điều hành tốt các cuộc họp của Nhóm AWGIPC cũng như các cuộc họp của ASEAN với các đối tác ngoại khối.

Trong năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ cũng tăng cường đẩy mạnh các hoạt động hợp tác song phương với các cơ quan sở hữu trí tuệ lớn như Cơ quan Sở hữu trí tuệ Liên bang Nga, Cục Sở hữu trí tuệ quốc gia Trung Quốc... Bên cạnh đó, Cục vẫn duy trì và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác truyền thống như Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Lào, Cuba...

Hoạt động hợp tác quốc tế trong năm vừa qua cũng đi vào chiều sâu, góp phần đắc lực trong việc nâng cao năng lực của Cục Sở hữu trí tuệ. Cụ thể, Cục bắt đầu triển khai Dự án "Hiện đại hóa hệ quản trị đơn sở hữu công nghiệp của Cục Sở hữu trí tuệ" (Dự án WIPO IPAS). Cấu phần quản trị đơn kiểu dáng công nghiệp chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/2019 và WIPO IPAS dự kiến sẽ vận hành đầy đủ vào



Cục trưởng Đinh Hữu Phi tiếp nhận vị trí Chủ tịch AWGIPC từ Indonesia
Director General Dinh Huu Phi takes over the Chair of AWGIPC from Indonesia



Cục trưởng Đinh Hữu Phi phát biểu khai mạc Cuộc họp lần thứ 2 Lãnh đạo Cơ quan Sở hữu trí tuệ các nước ASEAN - Hàn Quốc
Director General Dinh Huu Phi delivers opening remarks at the 2nd ASEAN - Korea Heads of IP Offices Meeting

innovative activities, registration and utilisation of inventions as well as technology transfer. The trained staff will play a central role in boosting inventions in terms of both quantity and quality, commercial value of inventions generated from research institutions and universities, at the same time, promoting the utilisation of patent information to avoid research duplication.

The year 2019 marked the first time IP Viet Nam took over the Chair of the ASEAN Working Group on IP Cooperation (AWGIPC) since its accession to the organisation in 1995. IP Viet Nam successfully chaired AWGIPC Meetings and other ASEAN Meetings with partner countries.

In 2019, IP Viet Nam promoted bilateral cooperation with big IP Offices such as the Federal Service for Intellectual Property of the Russian Federation (ROSPATENT) and the China National Intellectual Property Administration (CNIPA). Additionally, IP Viet Nam sustained and deepened its relations with traditional partners such as the Korean Intellectual Property Office, Japan Patent Office, IP Australia, Department of Intellectual Property of Laos PDR and Cuban Industrial Property Office...

International cooperative activities grew more in-depth over the year, contributing to the enhancement of capacity of IP Viet Nam. Among those, the office continued implementing the project "Modernisation of Business Services of the Intellectual Property Office of Viet Nam" (WIPO IPAS Project) with the installment of industrial design module in July 2019. The WIPO IPAS system was expected to be fully operational in mid-2020. Concerning Korean partners, IP Viet Nam was in cooperation with KIPO to launch the pilot PPH Programme in June 2019 and submitted to competent agencies the proposals of the Project on Enhancement of the Public Administration System in Intellectual Property Sector and Project on Designing National Geographical Indication Logo for Viet Nam. Moreover, IP Viet Nam work with WIPO, KIPO and VTV2 to hold the Patent Contest 2018. Training activities were also promoted over the year with supports of IP Australia, JPO, KIPO, CNIPA and WIPO.

In summary, international cooperation on intellectual property in 2019 contributed proactively to the implementation of external relations policy of the Party and State turning the



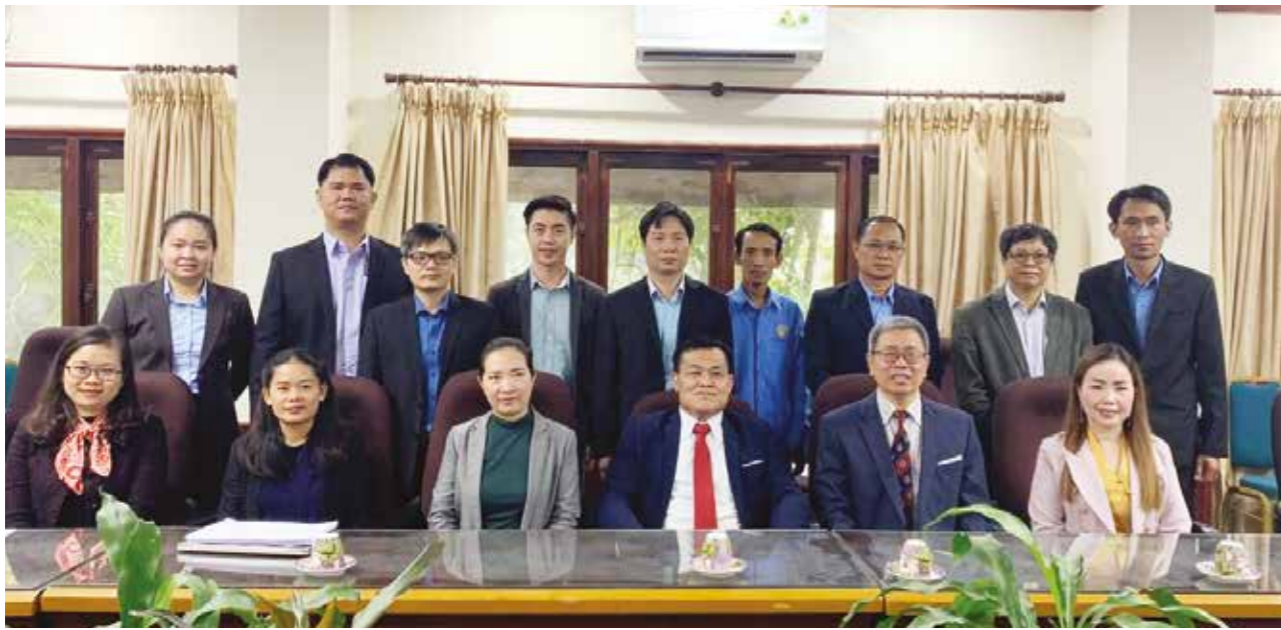
Cục trưởng Đinh Hữu Phi và Cục trưởng Shen Changyu ký kết Bản ghi nhớ hợp tác mới giữa Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Cục Sở hữu trí tuệ quốc gia Trung Quốc
Director General Dinh Huu Phi and Director General Shen Changyu renew the MOU between IP Viet Nam and CNIPA



Cục trưởng Đinh Hữu Phi tiếp và làm việc với Phó Tổng cục trưởng Cơ quan Sáng chế Nhật Bản
Director General Dinh Huu Phi receives Deputy Commissioner of the Japan Patent Office



Cục Sở hữu trí tuệ làm việc với Cơ quan Sở hữu trí tuệ Liên bang Nga
Meeting between IP Viet Nam and The Federal Service for Intellectual Property of the Russian Federation



Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức khóa đào tạo về kiểu dáng công nghiệp và chỉ dẫn địa lý cho đoàn cán bộ của Cơ quan Sở hữu trí tuệ Lào
IP Viet Nam organizes training courses on industrial design and geographical indication examination for Laos DIP

giữa năm 2020. Cục Sở hữu trí tuệ ký kết và triển khai Chương trình PPH thử nghiệm với Cơ quan Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (KIPO) từ tháng 6/2019. Ngoài ra, Cục cũng hoàn thiện hồ sơ xin viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc cho Dự án Nâng cao năng lực quản trị công và Dự án Xây dựng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia của Việt Nam. Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với WIPO, KIPO và VTV2 tổ chức thành công Cuộc thi Sáng chế 2018. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo cán bộ tiếp tục được quan tâm và đẩy mạnh thông qua sự trợ giúp của một số đối tác lớn như WIPO, Cơ quan Sáng chế Nhật Bản và Cơ quan Sở hữu trí tuệ các nước Ô-xtrây-li-a, Hàn Quốc, Trung Quốc...

Có thể nói, hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ năm 2019 đã góp phần tích cực vào việc thực hiện chủ trương đối ngoại của Đảng và Nhà nước - góp phần đưa Việt Nam trở thành "đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm" của ASEAN cũng như WIPO. Các hoạt động hợp tác này còn góp phần thiết thực nhằm nâng cao năng lực của Cục Sở hữu trí tuệ cũng như hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam.

Năm 2020 hứa hẹn cũng sẽ là một năm với nhiều hoạt động hợp tác quốc tế sôi động. Trong bối cảnh Việt Nam là Chủ tịch của ASEAN, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ triển khai một số hoạt động để góp phần cho thành công năm ASEAN Việt Nam 2020. Ngoài ra, một nhiệm vụ lớn của hoạt động quốc tế trong năm tới là tham gia triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia và thi hành Thỏa ước La Hay tại Việt Nam./.



Buổi giao lưu giữa những cán bộ từng học tập tại Liên bang Nga với đoàn công tác của Cơ quan Sở hữu trí tuệ Liên bang Nga

A get-together between former Vietnamese students in Russia Federation and ROSPATENT delegation in IP Viet Nam headquarters



Đoàn cán bộ, chuyên gia của Cục Sở hữu trí tuệ chia sẻ kinh nghiệm xây dựng Chiến lược Sở hữu trí tuệ với Cơ quan Sở hữu trí tuệ Cuba

IP Viet Nam officials and expert share experience in developing the National IP Strategy of Viet Nam with the Cuban Industrial Property Office

country into a "reliable partner and responsible member" of ASEAN as well as of WIPO. It also helped strengthen the capacity of IP Viet Nam and supported the development of the national IP system.

The coming year 2020 would be a promising year with envisaged vibrant international cooperative activities. To support the fulfillment of the Viet Nam's ASEAN Chairmanship 2020, IP Viet Nam would conduct a number of important activities, including the implementation of the National IP Strategy and the enforcement of the Hague Agreement in Viet Nam.



Thứ trưởng Phạm Công Tạc phát biểu khai mạc Lễ trao giải Cuộc thi Sáng chế 2018

Deputy Minister Pham Cong Tac delivers opening remarks at the Award Presenting Ceremony of the Invention Contest 2018



Đoàn cán bộ của Cục Sở hữu trí tuệ khảo sát hệ thống công nghệ thông tin tại Cơ quan Sáng chế Nhật Bản

IP Viet Nam delegation on an IT study visit to the Japan Patent Office



Cục Sở hữu trí tuệ làm việc với chuyên gia của Hàn Quốc để xây dựng đề xuất Dự án Nâng cao năng lực quản trị công / IP Viet Nam works with Korean experts on developing the Project proposal of "Enhancement of the Public Administration System in Intellectual Property Sector"



Đoàn cán bộ Cục Sở hữu trí tuệ tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về sáng chế tại Trung tâm Thẩm định sáng chế Tứ Xuyên, Trung Quốc

IP Viet Nam patent examiners on a training at the Patent Examination Cooperation Sichuan Center



**CÔNG TÁC TIẾP NHẬN,
XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU
CÔNG NGHIỆP**
REGISTRATION OF INDUSTRIAL
PROPERTY RIGHTS

Ảnh / Photo by: De Klahan



VỀ SỐ LIỆU ĐƠN ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐƯỢC TIẾP NHẬN

Năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận 93.909 đơn các loại (gồm 41.357 văn bằng bảo hộ (VBBH)/đơn xác lập quyền), trong đó có 14.820 đơn nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến), cụ thể:

- 65.425 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: 7520 đơn sáng chế (4.254 đơn nộp trực tuyến); 599 đơn giải pháp hữu ích (121 đơn nộp trực tuyến); 3.491 đơn kiểu dáng công nghiệp (502 đơn nộp trực tuyến); 53.801 đơn nhãn hiệu (5.147 đơn nộp trực tuyến); 14 đơn chỉ dẫn địa lý; 282 đơn đăng ký quốc tế có nguồn gốc Việt Nam (24 đơn sáng chế; 258 đơn nhãn hiệu);
- 28.484 đơn yêu cầu thuộc các thủ tục khác, liên quan đến 41.357 đối tượng là VBBH/đơn xác lập quyền, trong đó: sửa đổi đơn: 2.069 đơn/3.787 đơn xác lập quyền (185 đơn trực tuyến); chuyển nhượng đơn: 867 đơn /1.273 đơn xác lập quyền (82 đơn trực tuyến); cấp lại/phó bản VBBH: 1.876 đơn (213 đơn trực tuyến); gia hạn hiệu lực VBBH: 5.411 đơn/10.245 VBBH (813 đơn trực tuyến); sửa đổi VBBH: 2.500 đơn/5.989 VBBH (187 đơn trực tuyến); duy trì hiệu lực VBBH: 9.829 đơn (2.999 đơn trực tuyến); chuyển nhượng VBBH: 1.340 đơn/2.982 VBBH (120 đơn trực tuyến); chuyển giao quyền sử dụng VBBH: 198 đơn/417 VBBH (01 đơn trực tuyến); chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực VBBH: 413 đơn/423 VBBH; khiếu nại: 872 đơn; tra cứu: 10 đơn; phản đối cấp VBBH: 1.418 đơn/1.788 đơn xác lập quyền (194 đơn trực tuyến); các loại đơn khác: 1.565 đơn.

VỀ KẾT QUẢ XỬ LÝ CẤP VĂN BẰNG BẢO HỘ

Cục đã tiến hành thủ tục cấp văn bằng bảo hộ cho 33.924 đối tượng sở hữu công nghiệp, bao gồm 2.620 bằng độc quyền sáng chế; 302 bằng độc quyền giải pháp hữu ích; 2.172 bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp; 28.820 giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu quốc gia; 10 giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý; Cục đã thực hiện kiểm tra sơ bộ 24 đơn quốc tế về sáng chế có nguồn gốc Việt Nam.

BẢNG 1. SỐ LƯỢNG ĐƠN ĐĂNG KÝ SHCN ĐƯỢC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ VÀ ĐƯỢC CẤP VBBH TRONG NĂM 2019 (SO VỚI NĂM 2018)

TT	Loại đơn đăng ký Application types	Tiếp nhận đơn Received applications		
		2018	2019	So sánh (%)
1	Sáng chế/GPHI Inventions/utility solutions	6.628	8.119	↑22,5
2	Kiểu dáng công nghiệp Industrial designs	2.873	3.491	↑21,5
3	Nhãn hiệu đăng ký quốc gia Trademark applications filed directly with the IP Viet Nam	46.369	53.801	↑16,0
4	Đăng ký quốc tế nhãn hiệu (theo Madrid) có chỉ định Việt Nam International trademark applications under the Madrid System designating Viet Nam	8.785	10.035	↑14,2
5	Chỉ dẫn địa lý Geographical indications	6	14	↑133,3
6	Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu (theo Madrid) nguồn gốc Việt Nam International trademark applications under the Madrid System originated from Viet Nam	219	258	↑17,8
7	Đơn đăng ký quốc tế sáng chế (theo PCT) nguồn gốc Việt Nam International patent applications under the PCT System originated from Viet Nam	9	24	↑166,6
8	Tổng số Total	64.889	75.742	↑16,7

TABLE 1. NUMBER OF APPLICATIONS RECEIVED, PROCESSED AND OBTAINED PROTECTION TITLES OF 2019 COMPARISON WITH 2018

Xử lý đơn (Từ chối+chấp nhận bảo hộ) (comprising both refusal and acceptance of protection)			Số VBBH cấp ra Granted protection titles		
2018	2019	So sánh (%)	2018	2019	So sánh (%)
4.067	6.049	↑48,7	2.574	2.922	↑13,5
2.866	2.649	↓7,6	2.360	2.172	↓8,0
28.204	47.093	↑67,0	18.562	28.820	↑55,3
7.508	8.977	↑19,6	5.461	6.791	↑24,4
9	10	↑11,1	9	10	↑11,1
204	229	↑12,3			
9	22	↑144,4			
42.867	65.029	↑51,7	28.966	40.715	↑40,6

Application receiving

In 2019, IP Viet Nam received 93,909 applications of all kinds (41,357 protection titles/applications), including 14,820 applications filed online through the public service e-portal, specifically:

- 65,425 applications for registration of industrial property rights, including: 7,520 applications for inventions (4,254 applications filed online); 599 for utility solutions (121 online); 3,491 for industrial designs (502 online); 53,801 for trademarks (5,147 online); 14 for geographical indications; 282 for international applications originated from Viet Nam (24 for patents; 258 for trademarks);
- The number of other requests was 28,484, involving 41,357 subjects which were protection titles/applications, including 2,069 requests for application amendments/3,787 applications (185 online requests); 867 requests for application transfers/ 1,273 applications (82 online requests); 1,876 requests for re-grants/duplicates of protection titles (213 online requests); 5,411 requests for renewals of protection titles/10,245 protection titles (813 online requests); 2,500 requests for amendments of protection titles/5,989 protection titles (187 online requests); 9,829 requests for maintenance of protection titles' validity (2,999 online requests); 1,340 requests for assignment of protection titles/2,982 protection titles (120 online requests); 198 requests for license of IP rights/417 protection titles (one online request); 413 requests for termination/cancellation of protection titles/423 protection titles; 872 requests for appeals; 10 requests for searches; 1,418 requests for opposition of granting protection titles/1,788 applications (194 online requests) and 1,565 other requests.

Protection titles granting

In 2019, IP Viet Nam granted 33,924 IP protections, including 2,620 invention patents; 302 utility solution patents; 2,172 industrial designs patents; and 28,820 national trademark registrations; 10 geographical indication registrations. IP Viet Nam also conducted a preliminary examination of 24 international applications for inventions of Vietnamese origin.

TÌNH HÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ

24

Năm 2019, số đơn đăng ký sáng chế nộp vào Cục tăng khoảng 23% so với năm 2018. Điều này cho thấy nhu cầu đăng ký sáng chế của các tổ chức nghiên cứu, các doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu ngày càng tăng nhằm bảo vệ kết quả sáng tạo, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao các kết quả của mình. Để đẩy mạnh công tác xử lý đơn đăng ký sáng chế, Trung tâm Thẩm định Sáng chế đã chú trọng đến việc cải tiến, tối ưu hóa quy trình thẩm định đơn. Những cải tiến này chủ yếu ở hai khía cạnh: Thứ nhất là xác định rõ yêu cầu theo hướng đơn giản hóa những vấn đề mang tính hình thức và định mức cho từng loại đơn khác nhau như đơn Việt Nam và đơn nước ngoài; thứ hai là trên cơ sở nâng cao trách nhiệm của thẩm định viên, xác định rõ yêu cầu và trách nhiệm của các cấp phê duyệt kết quả thẩm định.

Bên cạnh các biện pháp về cơ chế, chính sách, Trung tâm đã tổ chức tọa đàm "Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực xử lý đơn đăng ký sáng chế" nhằm chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao năng lực xử lý đơn. Nhờ đó, Trung tâm đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc nâng cao năng suất xử lý đơn với số lượng đơn kết thúc thẩm định năm 2019 là 6.182 đơn, trong đó cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích là 4.023 đơn, và ghi nhận 296 yêu cầu sửa đổi, chuyển giao đơn đăng ký sáng chế.

Trong thời gian tới, Trung tâm Thẩm định Sáng chế lập kế hoạch rà soát lại các vướng mắc, thiếu sót để sửa đổi Quy chế thẩm định cho phù hợp với việc sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ, xây dựng cơ chế quản lý chất lượng để đảm bảo cả năng suất và chất lượng công việc, thực hiện việc xử lý đúng hạn theo quy định các đơn đăng ký sáng chế nộp theo Chương trình thẩm định nhanh đơn sáng chế (PPH) với JPO, KPO, các đơn nộp theo ASPEC và đặc biệt là các đơn của chủ đơn Việt Nam, nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

TÌNH HÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Mặc dù còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực, năm 2019 Trung tâm Thẩm định Kiểu dáng công nghiệp đã thực hiện được một khối lượng công việc tương đối lớn. Năm 2019, Trung tâm tiếp nhận 3.493 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, tăng 21,6% so với 2.873 đơn của năm 2018. Tổng số lượng đơn kết thúc quá trình xử lý (bao gồm từ chối và chấp nhận bảo hộ) đạt 2.795 đơn, giảm 2,5% so với 2.866 đơn năm 2017. Lượng đơn kết thúc xử lý giảm nhẹ do trong năm 2019 số lượng đơn bị từ chối chấp nhận đơn hợp lệ giảm mạnh so với năm 2018 nhờ chất lượng đơn nộp được cải thiện, trong khi lượng đơn kết thúc thẩm định nội dung năm 2019 vẫn duy trì ổn định so với năm 2018.

Trung tâm đã tập trung xử lý các đơn kiểu dáng công nghiệp nộp trước ngày 01/01/2018 để đảm bảo không để các đơn bị tồn sù. Mặc dù vẫn còn đơn kiểu dáng công nghiệp chưa được xử lý đúng hạn, nhưng về cơ bản công tác thẩm định đáp ứng được yêu cầu về số lượng cũng như về tiến độ xử lý đơn. Tất cả các thẩm định viên đều vượt định mức lao động, trong đó có nhiều thẩm định viên vượt ở mức cao.

Bên cạnh công việc xử lý đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, tháng 12 năm 2019, Trung tâm Thẩm định Kiểu dáng công nghiệp đã tổ chức thành công hai hội nghị giới thiệu về hệ thống La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh nhằm phổ biến các quy trình và cách thức sử dụng hệ thống cho người nộp đơn trong bối cảnh Văn kiện gia nhập Thỏa ước La Hay của Việt Nam chính thức có hiệu lực kể từ ngày 30/12/2019.

HANDLING OF APPLICATIONS FOR INVENTIONS

In 2019, the number of applications for inventions/utility solutions filed with IP Viet Nam increased by 23% compared to 2018. It shows increased demand from research institutions, businesses and researchers in registration for invention/utility solution protection not only to protect but also to promote the application and license of their creativity. To speed up the handling of applications for inventions/utility solutions, the Patent Examination Center (PEC) focused on improving and optimising the examination process. These improvements were mainly in two aspects: firstly, clear identification of requirements aiming towards simplifying formality examination and differing norms in handling different types of Vietnamese and foreign applications; secondly, based on the increase of responsibilities of examiners, clear identification of requirements and responsibilities of related levels of examination result approval.

In addition to such measures related to mechanisms and policies, the PEC held a workshop titled "Current situation and solutions to improve the capacity of handling invention/utility solution applications" to share professional experience and propose recommendations/solutions to improve examination capacity. Consequently, the PEC achieved certain results in improving productivity of handling applications, such as the number of handled applications with examination ending of 2019 was 6,182, of which 4,023 applications were for invention/utility solution protection, and 296 requests for amendment and license of invention applications.

In the near future the PEC plans to review difficulties and shortcomings for amending the Examination Manual to comply with the revision of the Intellectual Property Law, to develop a quality management mechanism to ensure both productivity and quality of work, to timely process requests for Patent Prosecution Highway (PPH) according to the Memorandums of Cooperation between IP Viet Nam and JPO, and between IP Viet Nam and KIPO as well as requests filed under the ASEAN Patent Examination Co-operation (ASPEC) Programme, especially requests filed by Vietnamese applicants to contribute to socio-economic development in Industry 4.0.

HANDLING OF APPLICATIONS FOR INDUSTRIAL DESIGNS

Despite difficulties relating to infrastructure and human resources, in 2019, the Industrial Design Examination Center conducted a relatively significant amount of work. In 2019, the centre received 3,493 industrial design applications, up 21.6% compared with 2,873 applications of 2018. The total number of applications ending examination (including both refusal and acceptance of protection) was 2,795 applications, down 2.5% in comparison with 2,866 applications in 2017. Such a slight decrease in 2019 was because of a reduction of refusals based on valid application acceptance in comparison with 2018 thanks to better quality of filed applications, while the stable number of applications which were completed substantive examination in 2019 in comparison with 2018.

The centre has focused on handling industrial design applications filed before 1 January 2018 to ensure applications were not put deeper in a state of backlog. Although there are still a certain number industrial design applications that have not been handled in time, basically the process of examination of industrial design applications has satisfied requirements of quantity as well as progress rate of application processing. All examiners exceeded the labour norm, many of them were with higher level.

In addition to above results, in December 2019, the Industrial Design Examination Center also successfully organised two workshops in Ha Noi and Ho Chi Minh City to introduce the Hague System of International Registration of Industrial Designs to provide information on procedures and how to use the system for applicants in the context of the Viet Nam's Instrument of Accession to the Hague Agreement came into effect on 30 December 2019.

25

TÌNH HÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Năm 2019 có khá nhiều dấu ấn đối với công tác xử lý đơn đăng ký nhãn hiệu. Đây là năm hoạt động trọn vẹn đầu tiên của Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu (sáp nhập từ Phòng Nhãn hiệu số 1 và số 2) và Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế (tiền thân là Phòng Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế). Định mức thẩm định đơn được điều chỉnh tăng lên khoảng 25%, trong khi chương trình tra cứu mới được đưa vào sử dụng và số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nộp vào tăng khoảng 18%.

Cùng với việc cải thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ đã chú trọng nâng cao chất lượng và năng suất thẩm định đơn thông qua các giải pháp như: Cải tiến thủ tục, cách thức xử lý đơn; thống nhất các nội dung chuyên môn phục vụ thẩm định; tập trung giải quyết các đơn phức tạp và các đơn tồn sâu trong giai đoạn thẩm định nội dung; điều chỉnh định mức xử lý đơn; động viên, khuyến khích các thẩm định viên nâng cao năng suất.

Bên cạnh đó, các thẩm định viên cũng tích cực hoạt

động chuyên môn như tham gia Tổ Công tác về nhãn hiệu của ASEAN, đóng góp ý kiến cho Quy chế Thẩm định đơn nhãn hiệu chung của ASEAN, cho ý kiến chuyên gia đối với các sửa đổi bổ sung của Bảng phân loại hàng hóa, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ phiên bản 11-2020...

Nhờ đó, công tác xử lý đơn đăng ký nhãn hiệu năm 2019 đạt được kết quả vượt trội. Việc xử lý các đơn sửa đổi, chuyển nhượng được thực hiện nhanh chóng, việc thẩm định hình thức đơn về cơ bản bảo đảm đúng thời hạn trong khi số lượng đơn đã được thẩm định nội dung tăng khoảng 59% so với năm 2018.

TÌNH HÌNH BẢO HỘ DẤU HIỆU CHỈ DẪN NGUỒN GỐC ĐỊA LÝ

Tình hình bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận trong năm 2019

Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận 380 đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho 287 nhãn hiệu tập thể (NHTT), nhãn hiệu chứng nhận (NHCN). Cơ cấu sản phẩm của các NHTT, NHCN được bảo hộ trong năm vừa

HANDLING OF APPLICATIONS FOR TRADEMARKS

The year 2019 marked many imprints relating to the handling of trademark applications. This is the first full-year operation for the Trademark Examination Center (merged from Trademark Divisions No. 1 and No. 2) and the Geographical Indication and International Trademark Examination Center (formerly the Geographical Indications and International Trademarks Division). The norm of examinations of trademark applications increased about 25%, while a new search tool was used and the number of filed trademark applications increased about 18%.

Along with the improvement of infrastructure and techniques for the examination of trademark applications, IP Viet Nam also focused on improving the quality and productivity of examination through various solutions, such as improvement of procedures and methods of handling applications; uniform of professional contents relating to trademark examination; concentration of applications which are complicated and/or deep-backlog in the period of substantive examination; modification of the norm of trademark application examination; and encouraging examiners to improve their productivity.

In addition to trademark examination, trademark examiners also participated in other professional activities, such as joining the ASEAN Trademark Taskforce, providing comments on the ASEAN Common Guidelines for the Substantive Examination of Trademarks, and providing comments on amendments and supplements of the Vietnamese version of the Nice Classification of Goods and Services (version 11-2020), etc.

Consequently, the handling of trademark applications in 2019 achieved outstanding results. The handling of requests for amendment and licensing was also carried out quickly; the formality examination was basically on time while the number applications was examined substantively increased by 59% in comparison with 2018.



Chỉ dẫn địa lý "xoài cát Cao Lanh"
Geographical indications "Cao Lanh mango"

PROTECTION INDICATIONS OF GEOGRAPHICAL ORIGINS

Registration of collective marks and certification marks

In 2019, IP Viet Nam received 380 applications for collective and certification trademarks and granted 287 certificates of collective and certification trademark registrations. The product class of registered collective and certification trademark has been mainly agricultural products, in which most are fresh products or raw materials instead of deep-processed products.

Registration of of geographical indications

In 2019, IP Viet Nam received 14 applications for geographical indications, issued 10 registration certificates and handled one request for amendments of protection titles. Geographical indications granted protection included Ba Ria - Vung Tau golden pulp longan, Cat Lo custard apple of Ba Ria - Vung Tau province, Ba Ria - Vung Tau salt, Huang Son antler of Ha Tinh province, Ha Giang beef, Dong Giao pineapple of Ninh Binh province, Vinh Chau purple onion of Soc Trang province, Ky Son ginger of Nghe An province, Cao Lanh mango of Dong Thap province and Dak Ha coffee of Kon Tum province.



Đoàn Khảo sát của Chương trình 68 tham quan mô hình trồng na tại Hợp tác xã Mè Lếch, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn
The Delegation of the Programme 68 visited a model of planting custard-apple at Me Lech Co-operative, Co Noi commune, Mai Son district

qua chưa có sự thay đổi nhiều, các sản phẩm nông sản vẫn chiếm tỷ lệ chủ yếu. Đa phần sản phẩm được bảo hộ là nông sản tươi sống, sản phẩm thô và nguyên liệu, trong khi bảo hộ cho sản phẩm chế biến sâu còn hạn chế.

Tình hình bảo hộ chỉ dẫn địa lý năm 2019

Cục Sở hữu trí tuệ đã tiếp nhận 14 đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý, trong đó cấp 10 giấy chứng nhận đăng ký và sửa đổi một giấy chứng nhận. Các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý năm 2019 bao gồm: nhãn xuống cơm vàng Bà Rịa - Vũng Tàu, măng cầu ta Cát Lở Bà Rịa - Vũng Tàu, muối ăn Bà Rịa - Vũng Tàu của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng hươu Hương Sơn của tỉnh Hà Tĩnh, thịt bò Hà Giang của tỉnh Hà Giang, dưa Đồng Giao của tỉnh Ninh Bình, hành tím Vinh Châu của tỉnh Sóc Trăng, gừng Kỳ Sơn của tỉnh Nghệ An, xoài Cao Lãnh của tỉnh Đồng Tháp và cà phê Đắk Hà của tỉnh Kon Tum.



Chỉ dẫn địa lý "cà phê Đắk Hà" dạng sản phẩm cà phê nhân
Geographical indications "Dak Ha coffee" in the form of coffee beans



Chỉ dẫn địa lý "cà phê Đắk Hà" dạng sản phẩm cà phê bột
Geographical indications "Dak Ha coffee" in the form of powdered coffee products

Trong số các sản phẩm được cấp giấy chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong năm vừa qua, các sản phẩm tươi sống vẫn chiếm tỷ lệ lớn (7/10 sản phẩm tương đương 70%); các sản phẩm chế biến chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (3/10 sản phẩm tương đương 30%). Đặc biệt, chỉ dẫn địa lý Đắk Hà đã được bảo hộ cho 4 loại sản phẩm, không chỉ bao gồm cà phê nhân, cà phê hạt rang mà còn bao gồm cả sản phẩm chế biến sâu là cà phê bột và cà phê tinh.

Các chỉ dẫn địa lý được bảo hộ trong năm 2019 đều do các tổ chức thuộc hệ thống chính quyền địa phương nộp đơn đăng ký và thực hiện vai trò quản lý chỉ dẫn địa lý. Sự tham gia của các nhà sản xuất, doanh nghiệp, hiệp hội các nhà sản xuất và kinh doanh sản phẩm vào quá trình xây dựng và phát triển chỉ dẫn địa lý còn hạn chế.

Định hướng phát triển năm 2020

Mặc dù số lượng các nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý hiện chiếm tỷ lệ thấp so với tiềm năng của các sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền của Việt Nam, nhưng do sự nỗ lực của cơ quan quản lý và chính quyền địa phương nên việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm mang dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý đã đưa lại những dấu hiệu tích cực trong sự phát triển của bảo hộ sở hữu trí tuệ và ngành nông nghiệp trong năm qua. Năm 2020 được kỳ vọng là năm có nhiều đột phá trong lĩnh vực bảo hộ dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý, xuất phát từ việc thay đổi phương pháp tiếp cận về mặt lý luận đến áp dụng phù hợp với thực tiễn phát triển của các địa phương.

Việc thực thi các Hiệp định thương mại đa phương và song phương mà Việt Nam tham gia, ký kết bao gồm các nội dung về sở hữu trí tuệ nói chung và chỉ dẫn địa lý nói riêng, đòi hỏi có sự sửa đổi về pháp luật sở hữu trí tuệ, đặt việc bảo hộ các dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý trước những cơ hội và thách thức không nhỏ. Sử dụng hiệu quả các công cụ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm mang dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý sẽ giúp bảo tồn đa dạng sinh học, văn hóa truyền thống, tăng cường khả năng cạnh tranh, giúp thúc đẩy tiềm năng của các nguồn lực địa phương. Ngược lại, nếu việc bảo hộ không hiệu quả có thể trở thành rào cản cho sự phát triển. Trong bối cảnh đó, cần có các chính sách cụ thể hỗ trợ các địa phương lựa chọn hình thức bảo hộ dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý phù hợp và hiệu quả hơn để phát huy tiềm năng và giá trị của các sản phẩm nông nghiệp, đặc sản vùng miền.

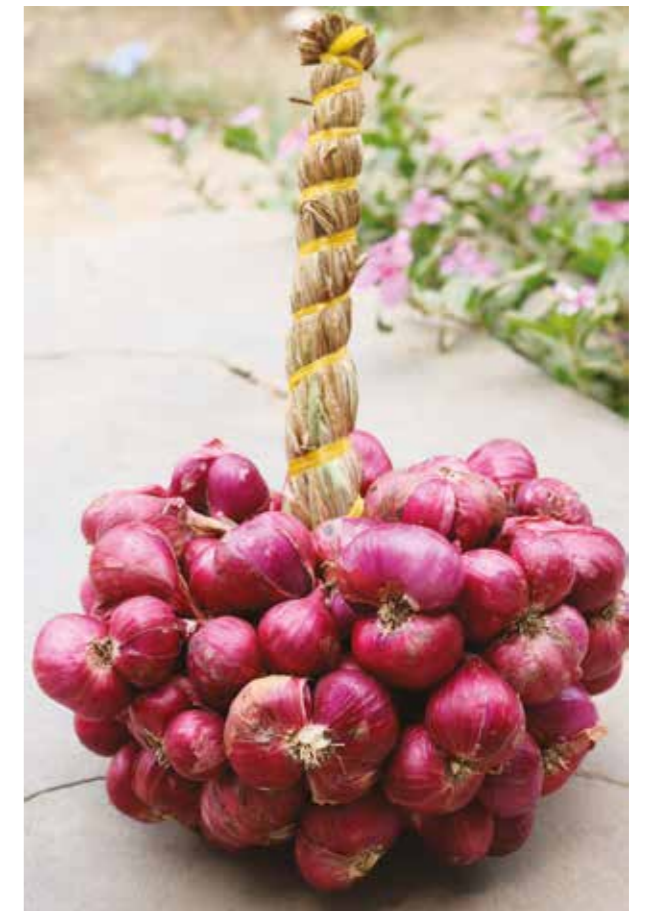
Among the products that were granted a certificate of protection for geographical indications in 2019, fresh products still accounted for a large proportion (7/10 products equivalent to 70%). Processed products only accounted for a small proportion (3/10 products equivalent to 30%). Specially, the geographical indication of Dak Ha was protected for four types of products, including not only green coffee beans and roasted coffee beans but also deep-processing products like powdered coffee and refined coffee.

In 2019, all geographical indications were filed and managed by local authorities. The participation of manufacturers, businesses, associations of manufacturers and traders in the process of developing geographical indications was limited.

Orientation towards 2020

The protection of products with indications of geographical origins has brought positive signs in the development of agriculture and intellectual property protection due to the efforts of administrative and local authorities, despite the fact that the number of collective marks, certification marks and geographical indications are all still below the potential of Vietnamese agricultural products and specialities. 2020 is expected to be a year of breakthroughs in the geographical indication protection due to changing the theoretical approach and localised implementation.

The implementation of intellectual property commitments in multilateral and bilateral trade agreements to which Viet Nam is a member, including geographical indication commitments, requires amendments of Vietnamese intellectual property law and challenges to the protection of geographical indications. Effective use of intellectual property tools to protect products bearing indications of geographical origin will help preserve biodiversity and traditional culture, enhance competitiveness and help promote local resources. In contrast, if the protection is not appropriate, it can become a barrier to development. In this context, specific policies are needed to assist localities in selecting an appropriate and effective way to protect products bearing indications of geographical origins to promote the potential and value of agricultural products and regional specialities.



Chỉ dẫn địa lý (CDDL) "Vinh Châu" cho sản phẩm hành tím
Geographical indication "Vinh Châu" for purple onion



BẢO ĐẢM THÔNG TIN

SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

ASSURANCE OF INDUSTRIAL PROPERTY
INFORMATION

CÔNG TÁC THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Công tác thông tin sở hữu công nghiệp được bảo đảm thông qua việc quản lý, phát triển và bảo đảm nguồn thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Cục và đáp ứng nhu cầu tra cứu của công chúng.

Định kỳ hằng tháng, Công báo sở hữu công nghiệp dưới dạng điện tử được xuất bản và công bố lên Cổng thông tin điện tử của Cục. Để thuận tiện cho việc tra cứu thông tin, bắt đầu từ số 376 - tháng 7/2019, Công báo sở hữu công nghiệp tập A và tập B lần lượt được tách thành ba quyển theo các nhóm đối tượng sở hữu công nghiệp như sau: Quyển 1: Sáng chế; Giải pháp hữu ích, Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; Quyển 2: Kiểu dáng công nghiệp; Quyển 3: Nhân hiệu, Chỉ dẫn địa lý.

Đối với công tác thống kê sở hữu công nghiệp, Cục đã công bố số liệu thống kê về đơn và văn bằng bảo hộ của các địa phương trên Cổng Thông tin điện tử của Cục để phục vụ công tác quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp của địa phương. Cục cũng thực hiện tốt việc cung cấp các số liệu thống kê về sở hữu trí tuệ theo định kỳ hằng năm để gửi cho WIPO. Đây chính là một

trong những nguồn dữ liệu dùng làm căn cứ để WIPO tính toán Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII).

Bên cạnh đó, Cục đã cập nhật và áp dụng phiên bản mới nhất của các Bảng phân loại quốc tế trong lĩnh vực sáng chế và nhãn hiệu để phục vụ đăng ký sở hữu công nghiệp, cùng thời điểm hiệu lực do WIPO áp dụng. Đây là một nỗ lực đáng ghi nhận trong những năm qua để đảm bảo sự đồng nhất về phân loại của đơn đăng ký sở hữu công nghiệp từ nước ngoài nộp vào Việt Nam cũng như của đơn Việt Nam nộp ra nước ngoài.

Trong hoạt động hợp tác với WIPO, nhằm thúc đẩy phổ biến kỹ năng khai thác thông tin khoa học công nghệ nói chung, thông tin sở hữu công nghiệp và cụ thể là thông tin sáng chế nói riêng, Cục đang tích cực triển khai các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng Mạng lưới TISC theo Dự án TISC của WIPO với gần 60 viện/trường trong toàn quốc đăng ký tham gia. Cục đã ký kết Bản ghi nhớ (MOU) với WIPO về hợp tác triển khai Dự án Môi trường Sở hữu trí tuệ kiến tạo (EIE) tại Việt Nam. Năm 2019, chương trình tập huấn cho các thành viên Mạng lưới TISC và IP-HUB lần đầu tiên được Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức một cách bài bản với 10 mô đun tập huấn chuyên sâu cho các thành viên ở cả khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 03/2019, Cục Sở

ACTIVITIES OF INDUSTRIAL PROPERTY INFORMATION

Activities of industrial property information were assured over the year with sound management and development of information to serve in-house professional operation and public access.

Industrial Property Gazettes in electronic form were published monthly and uploaded to the office website. To facilitate searches, Volumes A and B of the Gazette No.376 onward were split into subject matters, namely: Book 1. Patents, Utility Solutions, Semiconductor Integrated Circuit Layout-Designs; Book 2. Industrial Designs; Book 3. Trademarks, Geographical Indications.

Concerning industrial property statistics, IP Viet Nam published data on applications and registrations by provinces on the office website to support provincial management on IP. Statistics requested by WIPO were provided annually as one of the sources for WIPO to calculate the global innovation index (GII).

IP Viet Nam also updated and applied latest version of international classifications for patents and trademarks to facilitate the registration of industrial property rights at the same effective date by WIPO. This was a notable effort made compared to past years to ensure the compliance of classifications applied by domestic and foreign applications.

In cooperation with WIPO, IP Viet Nam was in the course of promoting the formation of TISC Network comprising nearly 60 institutions/universities from across the country to enhance scientific and technological information (including patent information) utilisation skills. A cooperation agreement was signed between IP Viet Nam and WIPO to implement the Enabling IP Environment (EIE) Project in Viet Nam.

A steering committee was established to coordinate TISC Network and IP-Hub, build up a specialised topic on TISC Network and IP-Hub to be associated with the Office website. Industrial Property Information Center (IP Viet Nam) was the focal point in implementing tasks related to TISC Network and IP-Hub. In 2019, IP Viet Nam for the first time trained IP-Hub and TISC members including those from Ha Noi and Ho Chi Minh cities with 10 intensive modules. In March 2019, IP Viet Nam conducted the seminar "Patent search for TISCs" (in collaboration with WIPO and Viet Nam

Academy of Science and Technology (VAST), the WIPO Regional Meeting on "Developing the ASEAN Regional TISC Network" (in collaboration with WIPO) with the participation of TISC representatives, WIPO experts and delegates from 10 ASEAN countries. In October 2019, IP Viet Nam jointly organised with WIPO, JPO, University of Science and Technology the Workshop "Intellectual Property Management and Technology Commercialization for Technology Managers of Spoke Institutions in the Framework of EIE Project".

IP Viet Nam also participated in activities to improve the Global Innovation Index (GII) and Global Competitiveness Index (GCI) related to intellectual property; organising various training courses, disseminating information and awareness on intellectual property to support organisations and individuals in technology development and innovation activities.

UTILISATION OF INFORMATION TECHNOLOGY

In 2019, the system of computers, servers, internet connection, IPAS, search systems, electronic libraries, emails, website, etc was basically assured for stable and safe operation. The office was now running online public service level 4 according to the directions of the Ministry of Science and Technology and the Government on improving administrative procedures.

Under the Cooperation Agreement between IP Viet Nam and WIPO concerning the deployment of WIPO IPAS, an industrial property administration software together with accurate database were deployed by IP Viet Nam. In 2019, the industrial design module was completed while other modules were still in progress.

Industrial property electronic libraries (IPLib, DigiPat) were updated monthly to serve social access. Apart from the support for the deployment of WIPO IPAS software, WIPO experts would also help develop an "industrial property digital library" based on WIPO Publish. The library was put into operation in November 2019 at wipopublish.ipvietnam.gov.vn and will be fully operational late 2020 in parallel with WIPO IPAS deployment.

To take over and optimise the WIPO IPAS system with a



Hội thảo về tra cứu thông tin sáng chế cho Mạng lưới các trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo (TISC) năm 2019
2019 Technology and Innovation Support Centers (TISCs) Training Workshop on Patent Search

hữu trí tuệ đã phối hợp với WIPO, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức Hội thảo “Tra cứu thông tin sáng chế dành cho Mạng lưới các Trung tâm hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo (TISC)” và phối hợp với WIPO, JPO tổ chức Hội thảo quốc tế “Phát triển Mạng lưới các Trung tâm Hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo (TISC) khu vực ASEAN” với sự tham gia của đội ngũ chuyên gia TISC của WIPO và đại biểu 10 quốc gia ASEAN. Tháng 10/2019, Cục đã phối hợp với WIPO, JPO và Trường đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức thành công Hội thảo “Quản trị tài sản trí tuệ và thương mại hóa công nghệ dành cho các viện/trường thành viên trong khuôn khổ dự án Môi trường sở hữu trí tuệ kiến tạo (EIE)”.

Cục tích cực tham gia vào các hoạt động nhằm cải thiện Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) và Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ; tổ chức nhiều hoạt động đào tạo, phổ biến thông tin và truyền thông về sở hữu trí tuệ nhằm phục vụ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

CÔNG TÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Năm 2019, hệ thống máy tính, máy chủ, thiết bị mạng, hệ thống IPAS, các hệ thống tra cứu, thư viện điện tử, email, trang web của Cục, v.v. về cơ bản tiếp tục được vận hành ổn định, an toàn để phục vụ cho công tác chuyên môn của Cục. Cục đang triển khai xây dựng Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 theo kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ cũng như yêu cầu của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính.

Theo Thỏa thuận hợp tác giữa Cục Sở hữu trí tuệ và Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) về việc triển khai Hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp (WIPO IPAS), một hệ thống phần mềm quản trị và xử lý đơn sở hữu công nghiệp theo quy trình rất linh hoạt cùng một cơ sở dữ liệu chuẩn về sở hữu công nghiệp sẽ được thiết lập tại Cục Sở hữu trí tuệ. Năm 2019, hệ thống đã chính thức áp dụng cho đối tượng kiểu dáng công nghiệp và đang xây dựng cho các đối tượng còn lại theo lộ trình dự kiến.

Các thư viện điện tử về sở hữu công nghiệp phục vụ công chúng truy cập (IPLib, DigiPat) được cập nhật định

kỳ hàng tháng, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Bên cạnh việc hỗ trợ triển khai phần mềm WIPO IPAS, các chuyên gia WIPO sẽ hỗ trợ Cục xây dựng một trang thư viện điện tử mới là hệ thống “Thư viện số về sở hữu công nghiệp” trên nền tảng WIPO Publish. Thư viện này được Cục đưa vào hoạt động thử nghiệm từ tháng 11/2019 tại địa chỉ thử nghiệm Wipopublish.ipvietnam.gov.vn. Dự kiến Thư viện sẽ hoạt động chính thức vào cuối năm 2020, song song với tiến độ của phần mềm WIPO IPAS.

Để tiếp nhận và triển khai tối ưu hệ thống của WIPO cũng như đáp ứng nhu cầu nâng cao năng lực xử lý đơn nói chung, Cục đã đầu tư nguồn lực để lập dự án “Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin của Cục Sở hữu trí tuệ” nhằm nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư từ năm 2009. Dự án đã được lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và dự kiến sẽ được hoàn thành vào cuối năm 2022. Trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng nội bộ cùng các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại sẽ được thiết lập tại Cục. Các kho đăng bạ quốc gia được số hóa để tăng độ chính xác của cơ sở dữ liệu và góp phần rút ngắn quy trình, nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống. Các công cụ đáp ứng quy trình xử lý đặc thù cũng được thiết lập nhằm đảm bảo Cục có một hệ thống quản lý sở hữu công nghiệp đầy đủ và có độ thống nhất cao.

Bên cạnh đó, Cục đã đăng cai tổ chức thành công Hội nghị khu vực ASEAN về công nghệ thông tin vào tháng 10/2019 tại Đà Nẵng và tổ chức Đoàn khảo sát để học hỏi về hệ thống công nghệ thông tin của Cơ quan Sáng chế Nhật Bản trong tháng 11/2019.

Năm 2020 sẽ là năm bản lề trong việc thiết lập lại hệ thống công nghệ thông tin của Cục Sở hữu trí tuệ nhằm đáp ứng các kỳ vọng của Chính Phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Tổ chức quốc tế và công chúng. Trước xu thế hội nhập với hệ thống sở hữu trí tuệ thế giới, cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ và sự tăng trưởng nhanh về đơn sở hữu công nghiệp, cần có sự đầu tư phù hợp, kịp thời cho hệ thống công nghệ thông tin nhằm thiết lập hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đáp ứng công tác quản lý và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Cục trong giai đoạn tới.

view to meeting the need for enhancing the capacity of industrial property examination, the office invested resources to implement the project “Modernisation of Business Services of the Intellectual Property Office of Viet Nam” to replace the existing administration system built up in 2009. The project’s feasibility study was approved by the Ministry of Science and Technology while the project will be tetatively completed by the end of 2022. Data centres, intranet system, internet connection and modern IT equipment will be installed in IP Viet Nam. The national registry will be digitised to increase the accuracy of the database and shorten processes and improve productivity.

Data centres, intranet systems and modern information technology equipment will be set up in the office. The national registry was digitised to increase the accuracy of the database and shorten processes, improving the processing efficiency of the system. Additional tools for specific processes were also established to ensure the availability of an adequate and highly consistent industrial property administration system in place.

In addition, the office successfully hosted the ASEAN Regional Conference on Information Technology in October 2019 in Da Nang and organised a study visit to learn about the industrial property administration system in the Japan Patent Office in November 2019.

The coming year of 2020 would be a crucial year in re-establishing the information technology system of IP Viet Nam to meet expectations of the Government, Ministry of Science and Technology, international organisations and the public. To keep up with the integration into the world intellectual property system, the ongoing fourth industrial revolution and rapid growth of industrial property applications, it would be necessary to have an appropriate and timely investment in the information technology system which was modern and effective enough to meet the management and professional activities of the office in the coming period.



Hội thảo Phát triển Mạng lưới các Trung tâm Hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo (TISC) khu vực ASEAN.
WIPO Regional Meeting on Developing the ASEAN Regional Technology Innovation Support Center (TISC) Network

ĐÀO TẠO, TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY RESEARCH, TRAINING AND PUBLIC AWARENESS

36

37

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TIẾP TỤC ĐƯỢC NÂNG CAO MỘT BƯỚC

Nhằm góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Cục Sở hữu trí tuệ và các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp từ trung ương đến địa phương, trong năm qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ đã được Cục đẩy mạnh. Tính đến ngày 31/12/2019, có 70 lớp đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ được tổ chức trong nước với 5.435 lượt người tham dự đến từ các doanh nghiệp, cơ quan quản lý, sinh viên, giảng viên đại học, viện nghiên cứu và hội nghề nghiệp tham dự (cao hơn so với năm 2018 chỉ có 6 lớp với 385 học viên). Một số hoạt động đào tạo đáng chú ý gồm:

- Đào tạo nâng cao năng lực cho hệ thống sở hữu trí tuệ nói chung và các đối tượng khác liên quan được thực hiện mạnh mẽ: Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với các địa phương, viện nghiên cứu, trường đại học tổ chức 62 lớp đào tạo, bồi dưỡng với sự tham gia của 5.160 học viên đến từ các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ, giảng viên, sinh viên các trường đại học, viện nghiên cứu. Trong đó tổ chức được 10 lớp với 930 học viên dành riêng cho giảng viên, sinh viên năm cuối nhiều trường đại học, trang bị những kiến thức căn bản về sở

hữu trí tuệ để hỗ trợ cho quá trình nghiên cứu, học tập tại các môi trường học thuật và sáng tạo. Đồng thời, Cục Sở hữu trí tuệ cũng xác định đây là một trong những đối tượng ưu tiên đào tạo nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trong xã hội, là nhân tố quan trọng để tạo dựng “văn hóa sở hữu trí tuệ” trong tương lai.

- Công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, thẩm định viên tiếp tục được chú trọng: Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức 8 khóa đào tạo trong nước cho 275 lượt cán bộ, thẩm định viên, trong đó có 3 lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thẩm định sáng chế do các chuyên gia của Cơ quan Sáng chế Nhật Bản trực tiếp giảng dạy, đồng thời đã cử 26 đoàn công tác với 65 cán bộ, thẩm định viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn về sở hữu trí tuệ tại các cơ quan sở hữu trí tuệ nước ngoài như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Liên minh Châu Âu, Pháp...

- Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020” (Chương trình OCOP), Cục Sở hữu trí tuệ đã xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo cho các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình OCOP về sở hữu trí tuệ và hỗ trợ đăng ký, bảo vệ và quản lý quyền sở hữu công nghiệp.

- Cục Sở hữu trí tuệ đã phối hợp với Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tổ chức 2 khóa đào tạo dài hạn, chuyên sâu cho

INTELLECTUAL PROPERTY TRAINING TO BE CONTINUOUSLY LEVERAGED

To strengthen the capacity of IP Viet Nam staff, different organisations, individuals and businesses from central to provincial level, training on intellectual property over the year was strongly promoted. There were 70 training courses held with the participation of 5,435 people from businesses, public agencies, students, university lecturers, institutions and professional associations (in comparison with only six courses with 385 trainees in 2018). Some notable points in the training over the year included:

- Training to enhance the capacity of the intellectual property system as a whole and other participants: IP Viet Nam in collaboration with provinces, research institutions, universities organised 62 training courses with the participation of 5,160 people. Of which, 10 training courses with 930 trainees were tailored for lecturers and last-year students to equip them with fundamentals on intellectual property. The knowledge acquired would help them in their academic research and creativity. IP Viet Nam put a strong emphasis on training this target group as they would be crucial stakeholders to formulate an “IP culture” in the future.



Chào mừng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26.4.2019
Celebration of 2019 World Intellectual Property Day

- Training to enhance the capacity of examiners paid due attention to: eight domestic training courses held for 275 examiners including three basic and three intensive courses run by JPO experts, 26 training courses participated in by 65 trainees in the US, EU, Japan, China, South Korea and France.



Cuộc thi về Sở hữu trí tuệ dành cho sinh viên
Intellectual property competitions for students

38



Hội nghị về Sở hữu trí tuệ dành cho sinh viên
Conferences on Intellectual property for students

108 học viên đến từ các doanh nghiệp, văn phòng luật, đại diện sở hữu công nghiệp (các học viên đã đủ điều kiện hoàn thành khóa học). Đây là nguồn nhân lực quan trọng đưa công tác sở hữu trí tuệ vào thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh doanh nghiệp, hoặc các nhu cầu liên quan đến đăng ký, khai thác, thực thi quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân liên quan.

Có thể đánh giá, công tác đào tạo, bồi dưỡng tập huấn kiến thức về sở hữu trí tuệ đã được Cục triển khai mạnh mẽ với số lượng các lớp bồi dưỡng, tập huấn và học viên tăng so với năm 2018, hình thức đào tạo, nội dung đào tạo được thực hiện bài bản, nội dung phong phú và từng

bước đáp ứng nhu cầu của học viên, góp phần hoàn thành những nhiệm vụ và mục tiêu đào tạo của Cục Sở hữu trí tuệ theo chủ trương của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ và yêu cầu của hội nhập quốc tế.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TIẾP TỤC ĐƯỢC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc tăng cường các biện pháp tuyên truyền, phổ biến vai trò, tầm quan trọng sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, góp nâng cao nhận thức của công chúng, Cục Sở hữu trí tuệ đã thực hiện hàng loạt các hoạt động tuyên truyền rộng rãi và đạt nhiều kết quả khích lệ.

Cục Sở hữu trí tuệ chủ động hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 26 hội nghị, tọa đàm và sự kiện cộng đồng về sở hữu trí tuệ với 2.753 lượt người từ các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nhân, viện nghiên cứu, trường đại học, tầng lớp thanh niên, sinh viên. Trong đó có nhiều sự kiện lớn được tổ chức đã tác động tích cực tới công chúng, điển hình là:

(a) Chuỗi hoạt động kỷ niệm ngày sở hữu trí tuệ thế giới 26/4

Chào mừng kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới (26/4) và tôn vinh hoạt động đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ trong đời sống kinh tế, xã hội theo Chủ đề của năm 2019 “Vươn tới Giải Vàng – Sở hữu trí tuệ và Thể thao”, Cục Sở hữu trí tuệ đã tổ chức chuỗi hội thảo, tọa đàm, thi tìm hiểu về sở hữu trí tuệ và sự kiện cộng đồng chào mừng kỷ niệm Ngày sở hữu trí tuệ thế giới dành cho khối doanh nghiệp như: Hội thảo “Tạo dựng và phát triển tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp – doanh nghiệp khởi nghiệp” (Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An tổ chức ngày 23/3/2019, có 120 đại biểu tham dự); Hội nghị khoa học sinh viên về sở hữu trí tuệ do Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) tổ chức thu hút các sinh viên, giảng viên, nhà khoa học của 6 trường đại học, học viện¹ tham dự; Hội thảo “Sinh viên nhận diện, tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ”, Hội thảo “sở hữu trí tuệ với văn hóa, thể thao và du lịch” (do các văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ tại Đà Nẵng và TP Hồ Chí

¹ Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Trường đại học Luật Hà Nội, Trường đại học Ngoại thương, Trường đại học Kinh tế quốc dân, Trường đại học Luật thuộc Đại học Huế và Học viện Phụ nữ Việt Nam.

- Training to enhance capacity in IP (registration, protection and management of IP) of organisations and individuals participating in the One Commune One Product (OCOP) Programme period 2018 – 2020.

- Training to enhance capacity of businesses, IP agents, law firms: two courses held for 108 trainees under the collaboration between IP Viet Nam and University of Law Ho Chi Minh City. This involved core human resources to bring intellectual property to business activities or address social needs for registration, utilisation and enforcement of intellectual property.

In summary, IP Viet Nam strongly conducted training on intellectual property with an increasing number of courses and participants compared with 2018. Training content and format were enriched to meet the need of trainees and support the achievement of the training objectives set out by IP Viet Nam in compliance with the Government’s and Ministry of Science and Technology’s international integration policies.

PUBLIC AWARENESS ACTIVITIES TO BE CONDUCTED EFFECTIVELY

In the implementation of the Government and Ministry of Science and Technology’s policies on promoting IP dissemination in the context of international economic integration, IP Viet Nam conducted series of widespread awareness programmes and gained encouraging outcomes.

IP Viet Nam organised or jointly organised 26 events including seminars, roundtables and community activities with the participation of 2,753 people from public management agencies, businessmen, research institutions, universities, young people and students. Many activities left positive impression on the public, namely:

(a) Series of activities to celebrate the World IP Day 26 April:

Under the World IP Day 2019’s theme “Reach for Gold: IP and Sports”, IP Viet Nam conducted series of activities including seminars, roundtables, contests and community events. Activities consisted of the seminar for businesses “Creating and developing IP assets in enterprises – entrepreneurs” (jointly held 23 March 2019 by IP Viet Nam and Department of Science and Technology of Nghe An Province with 120 attendees); the workshop on IP for students (held by IP Viet Nam and the University of Social Sciences and Humanities - Viet

Nam National University, Hanoi with the participation of audience from six universities, academies); the seminar “Students to identify, respect and protect IP”, the seminar “IP with culture, sports and tourism” (held by IP Viet Nam’s representative offices in Ho Chi Minh City and Da Nang City); the IP Entrepreneurship Contest for students (held by IP Viet Nam and the University of Social Sciences and Humanities – Viet Nam National University, Hanoi).

The activities to celebrate World IP Day were conducted with diversified content and in various forms to transfer information about IP to a mass audience.

One of the activities to celebrate World IP Day was the community event held on 24 April 2019 at the Youth Culture House. This was the main event of the action month to welcome the IP Day jointly organised for the first time by the Ministry of Science and Technology, People’s Committee of Ho Chi Minh City and Viet Nam Youth Union. The event attracted 500 participants who were students, managers, scientists, local business community and media agencies. Attending the event were Mr. Pham Cong Tac, Deputy Minister of Science and Technology, Mr. Bui Quang Huy, Secretary of Viet Nam Youth Union, Chairman of Viet Nam Central Student Association and leaders from the Viet Nam Copyright Office, as well as other departments and branches of the city.

It was the 5th year such a community event to celebrate the World IP Day had been held on a large scale. The event was reported on WIPO news. Additionally, there were more than 30 news items, articles and reports about the IP Day reflected by different mass media agencies.

(b) Invention Contest 2018 and Award Presenting Ceremony

The Invention Contest 2018 was launched in 2018 – 2019 under the theme “Creating technologies for daily life”. The contest was jointly held by IP Viet Nam, WIPO, KIPO and the Education and Science Department, Viet Nam Television (VTV2) to encourage innovation/creativity to create new technologies which can be applied widely, easily and cost effective, meeting social needs, contributing to socio-economic development. Six months after launch (from 16 August 2018 until 31 January 2019), there were 212 competition dossiers, an increase of 146 dossiers received in 2013, 176 dossiers received in 2014. Among the dossiers received this year, 10 best solutions were selected to the final round of which one First Prize awarded to the Bio-Chemical Technology and Science Joint Stock Company with the technological solution “Producing organic fertilizer from domestic solid waste”, one Second Prize given to the Key

39

Minh tổ chức); Cuộc thi Khởi nghiệp dựa trên quyền sở hữu trí tuệ dành cho sinh viên do Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) tổ chức. Các hoạt động chào mừng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới đã được thực hiện đa dạng, phong phú cả về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về sở hữu trí tuệ của nhiều đối tượng.

Đáng chú ý là sự kiện cộng đồng kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới với chủ đề “Vươn tới Giải Vàng – Sở hữu trí tuệ và Thể thao” được tổ chức tại Nhà Văn hóa Thanh niên TP Hồ Chí Minh ngày 20/4/2019. Đây là một hoạt động chính của Tháng hành động chào mừng kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ, đánh dấu lần đầu tiên Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với UBND TP Hồ Chí Minh, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức tại TP Hồ Chí Minh. Sự kiện thu hút hơn 500 đại biểu là sinh viên, các nhà quản lý, các nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và nhiều cơ quan báo chí đến đưa tin. Về phía Bộ Khoa học và Công nghệ có Thứ trưởng Phạm Công Tạc, phía Trung ương Đoàn có Bí thư, Chủ tịch Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam Bùi Quang Huy và lãnh đạo các ban ngành của thành phố và Cục Bản quyền tác giả tham dự.

Đây là lần thứ 5 sự kiện cộng đồng chào mừng Ngày Sở hữu trí tuệ Việt Nam được tổ chức với quy mô lớn, đảm bảo an ninh, an toàn và thu hút được sự quan tâm của công chúng. Hoạt động này được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) ghi nhận đăng trên bản tin của WIPO. Ngoài ra còn có hơn 30 tin, bài, phóng sự của cơ quan báo chí đưa tin về các hoạt động chào mừng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới của Cục Sở hữu trí tuệ.

(b) Cuộc thi sáng chế năm 2018 và Lễ trao giải

Cuộc thi Sáng chế 2018 tại Việt Nam được thực hiện trong năm 2018 -2019 với chủ đề “Sáng chế vì cuộc sống cộng đồng”. Đây là sự kiện được Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Tổng Cục Sở hữu trí tuệ Hàn Quốc (KIPO) và Ban Khoa giáo Đài truyền hình Việt Nam (VTV2) tổ chức. Cuộc thi nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo để tạo ra các công nghệ mới, có tính ứng dụng rộng rãi, dễ dàng và tiết kiệm chi phí, đáp ứng các nhu cầu thiết thực của cuộc sống và góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sau 6 tháng phát động (từ ngày 16/8/2018 đến hết ngày 31/01/2019), Ban Tổ chức nhận được 212 hồ sơ dự thi, nhiều hơn so với năm 2013 (146 hồ sơ) và 2014 (176 hồ sơ). Ban Tổ chức chấm sơ khảo và lựa chọn được 10 hồ sơ xuất sắc nhất vào vòng chung khảo và trao một Giải Nhất thuộc về Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Hóa Sinh với giải pháp kỹ thuật “Quy trình sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải rắn sinh hoạt”; một Giải Nhì thuộc về Phòng Thí nghiệm trọng điểm quốc gia về động lực học sóng biển thuộc Viện khoa học thủy lợi Việt Nam với giải pháp kỹ thuật “Hệ thống hợp thép mạ kẽm bọc nhựa PVC chứa đá học liên

kết dạng bậc so le bảo vệ mái hạ lưu đập đá để giảm lũ quét và bùn đá”; một Giải Ba thuộc về tác giả Trịnh Đình Năng với giải pháp kỹ thuật “Phương pháp và hệ thống thiết bị sản xuất hỗn hợp Fullerenes”; 7 Giải Khuyến khích thuộc về các tổ chức, cá nhân gồm Công ty cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (BUSADCO) với giải pháp “Cấu kiện lắp ghép bảo vệ bờ sông, hồ và đê biển”, Công ty Cổ phần Sao Thái Dương với giải pháp “Hỗn hợp dược liệu chăm sóc tóc, lông và chế phẩm chứa hỗn hợp này”, nhóm tác giả Nguyễn Vinh Phúc và Nguyễn Vinh Sơn với giải pháp “Chậu tự động cung cấp nước cho quy trình tự tưới cây”, tác giả Hoàng Ngọc Kỳ với giải pháp “Đập mở chặn thủy triều và giữ nước sông”, nhóm tác giả Vũ Văn Anh và Chu Đào Ngọc Minh với giải pháp “Hệ thống thu thập, quản lý thông tin bệnh tật, khám bệnh, chữa bệnh”, tác giả Nguyễn Đức Thành với giải pháp “Thiết bị cảnh báo lũ từ xa sử dụng tín hiệu pháo hiệu, cảnh báo cho các đoạn đường ngập nước”, tác giả Phạm Huỳnh Phong với giải pháp “Thiết bị phát sáng đeo tay và phương pháp điều khiển”.

Cuộc thi Sáng chế 2018 đạt được nhiều kết quả tốt đẹp, thu hút được một lượng lớn hồ sơ dự thi thuộc nhiều lĩnh vực, giải pháp khác nhau. Phần lớn các giải pháp kỹ thuật có những giá trị kỹ thuật và thực tiễn cao, có khả năng ứng dụng rộng rãi và góp phần thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo trong việc tạo ra các giải pháp hữu ích cải thiện cuộc sống hằng ngày cho người dân.

2019 cũng là năm Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với nhiều tổ chức quốc tế, cơ quan sở hữu trí tuệ nước ngoài tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo thu hút các đối tượng đến từ doanh nghiệp, cơ quan quản lý, các viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội nghề nghiệp tham dự, như: Hội thảo về “Sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội”, chuỗi hội thảo về “Sử dụng hiệu quả Hiệp ước hợp tác về sáng chế (Hệ thống PCT) dành cho người dùng tại Việt Nam” (phối hợp với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO); hội thảo “Chỉ dẫn địa lý” (phối hợp với Dự án ARISE + IPR của Liên minh Châu Âu); Hội thảo “Bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (phối hợp với Cơ quan Sáng chế Nhật Bản)... Qua đó đã giúp đại biểu tham dự sớm tiếp cận những vấn đề mới của sở hữu trí tuệ và những kinh nghiệm trong tạo lập, quản lý, khai thác tài sản trí tuệ từ các nước khác nhau để có kế hoạch, chiến lược và áp dụng vào thực tiễn quản lý, sản xuất kinh doanh của đơn vị.



Phó Cục trưởng Lê Ngọc Lâm và các đại biểu tham dự Phiên thảo luận “Làm gì để thực thi hiệu quả các cam kết về sở hữu trí tuệ trong EVFTA”
Deputy Director Le Ngoc Lam and other participants in the Discussion Session “How to effectively implement commitments on intellectual property in EVFTA”

Laboratory of Water and Coastal Engineering, Viet Nam Academy for Water Resources for the solution “Galvanized steel box system covered with PVC containing stones in a staggered form to protect downstream dams and reduce flash floods and mudslides” and one third prize presented to the solution “Method and system of equipment for Fullerene production” by inventor Trinh Dinh Nang. The contest also awarded seven consolation prizes to the other organisations and individual authors, namely Viet Nam Science and Technology Joint Stock Company (BUSADCO) with the solution “Assembled components to protect rivers, lakes and sea dikes”, Sao Thai Duong Joint Stock Company with the solution “Mixture of medicine materials for hair care and preparations containing this mixture”, co-authors Nguyen Vinh Phuc and Nguyen Vinh Son with the solution “Auto-watering pots in planting”, author Hoang Ngoc Ky with the solution “Open dam for blocking tide and preserving river water”, co-authors Vu Van Anh and Chu Dao Ngoc Minh with the solution “System of collecting and managing disease information, medical examination and treatment”, author Nguyen Duc Thanh with the solution “Remote warning equipment using signal flare over floods and flooded roads”, author Pham Huynh Phong with the solution “Luminous wristlet devices and its control methods”.

The Invention Contest 2018 gained good results,

attracting a large number of applications from various fields and solutions. Most technical solutions contained high-tech and practical values with industrial applicability which encouraged an innovation spirit through creating useful solutions to improve daily life for citizens.

The year 2019 was also the year when IP Viet Nam collaborated with various international organisations and IP offices to hold many conferences and seminars attracting participants from businesses, public agencies, research institutes, universities and professional associations. Most productive events included: the workshop on “Intellectual property, innovation and socio-economic development”, seminar series on “Effective use of Patent Cooperation Treaty system (PCT system) for users in Viet Nam ” (in collaboration with WIPO); seminar on “Geographical Indications” (in collaboration with the European Union’s ARISE + IPR Project); workshop “Protection and enforcement of intellectual property rights in the context of the fourth industrial revolution” (in collaboration with JPO). Those seminars brought the audiences chances to study new IP related issues and the experiences of other countries in creating, managing and exploiting intellectual property. These could be good lessons for businesses in making plans and strategies and applying them in the management and production practices.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

SUPPORTS FOR INTELLECTUAL
PROPERTY ASSETS DEVELOPMENT

Ảnh / Photo by: Quang nguyen vinh

Hoạt động hỗ trợ và phát triển tài sản trí tuệ đã giúp nhiều tổ chức, cá nhân và địa phương phát huy được lợi thế cạnh tranh. Trong khuôn khổ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (gọi tắt là Chương trình 68), năm 2019 là năm bản lề của việc thực hiện Chương trình để cơ quan quản lý và các đơn vị thụ hưởng kết thúc các dự án vào năm 2020. Các hoạt động tuyên truyền nhằm thúc đẩy việc sử dụng, phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được tăng cường (thông qua hàng loạt các bài viết, bình luận trên báo chí, truyền hình, hội thảo) nhằm cung cấp cho công chúng những thông tin cụ thể về việc triển khai các dự án thuộc Chương trình 68. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ được đẩy mạnh, góp phần giúp doanh nghiệp quản lý và khai thác tốt nguồn tài sản trí tuệ, từ đó phát huy lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Nhiều dự án đã và đang được thực hiện tại các doanh nghiệp và dẫn phát huy hiệu quả như dự án xây dựng, vận hành tổ chức quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ tại Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội, Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long, Công ty CP Vĩnh Thăng...

Nhằm tăng cường công tác nghiên cứu, triển khai, đưa các sáng chế và kết quả nghiên cứu khoa học vào cuộc sống, năm 2019, Chương trình tiếp tục triển khai công tác hỗ trợ khai thác, áp dụng sáng chế của nhiều tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp Việt Nam như: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Dược liệu, Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Công ty CP Phân bón Fitohocomon... Qua đó giúp khẳng định giá trị các kết quả nghiên cứu khi được đưa vào khai thác một cách phù hợp và hiệu quả trên thực tế.

Một trong những điểm đáng lưu ý của năm 2019 là Chương trình 68 đã tăng cường hỗ trợ việc bảo hộ, quản lý và nâng cao giá trị các sản phẩm đặc thù, chủ lực của địa phương. Năm 2019, Chương trình đã hỗ trợ bảo hộ chỉ dẫn địa lý và công tác kiểm soát nguồn gốc, quản lý chất lượng và khai thác, phát triển quyền sở hữu trí tuệ sau khi được bảo hộ cho 20 sản phẩm chủ lực, đặc thù khác gồm: (1) Cam Cao Phong, tỉnh Hòa Bình; (2) Bưởi năm roi Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; (3) Tôm sú Cà Mau, tỉnh Cà Mau; (4) Vịt Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; (5) Khóm Cầu Đúc Hậu Giang, tỉnh Hậu Giang; (6) Trứng bào xác Artemia Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; (7) Chuối ngự Đại Hoàng, tỉnh Hà Nam; (8) Cam Hà Giang, tỉnh Hà Giang; (9) Yến sào Cù Lao Chàm - Hội An, tỉnh Quảng Nam; (10) Ba ba gai Văn Chấn - Yên Bái, tỉnh Yên Bái; (11) Sâm Nam Núi Dành, tỉnh Bắc Giang; (12) Tôm hùm bông Phú Yên,

tỉnh Phú Yên; (13) Gà đồi Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; (14) Chanh leo Quế Phong, tỉnh Nghệ An; (15) Chè Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; (16) Quế Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi; (17) Dầu tràm Huế, (18) Cam Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, (19) Gạo Điện Biên, (20) Gạo Sóng Cù, tỉnh Lào Cai.

Bên cạnh đó, Chương trình đã tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm và đánh giá hiệu quả hoạt động bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù của địa phương (tại Phú Quốc, Sơn La và Hà Tĩnh) nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức cho các cán bộ quản lý của địa phương và doanh nghiệp, đồng thời xác định, định hướng nội dung hỗ trợ từ Chương trình trong giai đoạn tới.

Thông qua việc hỗ trợ bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng các sản phẩm chủ lực địa phương, Chương trình 68 nói riêng và hoạt động sở hữu trí tuệ nói chung đã trực tiếp góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường, dịch chuyển từ mô hình sản xuất đơn lẻ sang sản xuất tập trung, chuyển đổi từ sản phẩm thô sang sản phẩm có bao bì và tem nhãn, thay đổi thói quen của cộng đồng từ việc sản xuất, phát triển sản phẩm tự do thành sản xuất kinh doanh sản phẩm được kiểm soát về nguồn gốc và chất lượng. Việc bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù địa phương còn góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc, tri thức truyền thống, phát huy và tôn vinh giá trị sản phẩm được sản xuất theo quy trình bản địa.

Kết quả triển khai Chương trình là một trong những luận cứ khoa học và thực tiễn để Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019.

Trong thời gian tới, nhằm tiếp tục quán triệt, hiện thực hóa các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh các giải pháp phát triển bền vững kinh tế - xã hội, Cơ quan quản lý dự án là Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tham mưu cho Bộ Khoa học và Công nghệ ưu tiên, tập trung hỗ trợ hoạt động kiểm soát nguồn gốc, chất lượng, phát triển sản phẩm chủ lực địa phương được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo chuỗi giá trị, tăng cường hỗ trợ bảo hộ tài sản trí tuệ của Việt Nam tại các thị trường lớn trên thế giới.

Supporting activities in the development of IP assets helped many organisations, individuals and locals to promote their competitive advantages. Within the framework of the National Programme of IP Assets Development for 2016-2020 (Programme 68), 2019 was pivotal so that management agencies and beneficiaries can close projects by 2020. Propaganda activities for promoting the use and development of IP assets continued to be strengthened (through a series of articles and comments in press, television and seminars) to provide the public with detailed information on the implementation of projects under Programme 68. Besides, activities in supporting enterprises to develop IP strategies and asset management were strengthened, contributing to IP asset management and exploitation of enterprises effectively, thereby enterprises' competitive advantage in the market is promoted. Many projects under Programme 68, implemented by enterprises, gradually became effective such as the project on building and operating organisation in terms of the management of IP activities and assets at Ha Noi Milk Joint Stock Company, DABACO Group Joint Stock Company, Ha Long Shipbuilding Company and Vinh Thang Joint Stock Company, etc.

To enhance the research, implementation, application of inventions and scientific research results into practical life in 2019, the programme continued to support many science and technology organisations and Vietnamese enterprises to exploit and apply their inventions, namely Vietnam Academy of Science and Technology, Hanoi University of Science and Technology, Soils and Fertilizers Research Institute, National Institute of Medicinal Materials, Institute of Natural Products Chemistry and Fitohocomon Fertilizer Joint Stock Company, etc. This support affirmed the value of research when being applied appropriately and effectively in practical life.

One of remarkable points in 2019 was that Programme 68 strengthened support for protection, management and enhancement of the value of key and specialized products of localities. In 2019, the programme supported GI protection and control of product origin and quality as well as exploitation and development of IPRs for 20 key and specialised products including: (1) Cao Phong Orange of Hoa Binh province; (2) Binh Minh Nam Roi Pomelo of Vinh Long province; (3) Ca Mau Shrimp of Ca Mau province; (4) Co Lung Duck of Ba Thuoc district, Thanh Hoa province; (5) Cau Duc Pineapple of Hau Giang province; (6) Vinh Chau Brine Shrimp (Artemia) Cysts of Soc Trang province; (7) Dai Hoang Banana of Ha Nam province; (8) Ha Giang orange of Ha Giang province; (9) Cu Lao Cham Salanganes Nest of Quang Nam province; (10) Van Chan Wattle-necked Softshell Turtle of Yen Bai province; (11) Danh Mountain's

Boerhaavia Diffusa of Bac Giang province; (12) Phu Yen Panulirus Ornatus of Phu Yen province; (13) Phu Binh Hill Chicken of Thai Nguyen province; (14) Que Phong Passion Fruit, of Nghe An province; (15) Phu Tho Tea of Phu Tho province; (16) Tra Bong Cinnamon of Quang Ngai province; (17) Hue's Cajeput Tree Oil, (18) Ham Yen Orange of Tuyen Quang province, (19) Dien Bien Rice, (20) Seng Cu Rice, Lao Cai province.

In addition, the programme organised study visits to learn and evaluate the effectiveness of activities in IP asset protection, management and development for local specialised products (in provinces as Phu Quoc, Son La and Ha Tinh) to improve skills and knowledge for local managers and enterprises as well as identify and direct the support needed from the programme in the near future.

Through support for protection, development of IP assets, control of origin and quality of local key products, Programme 68 in particular and IP activities in general contributed to improving product value, increasing competitive advantage in the market, shift from single production model to concentrated production one, change from raw products to products with packaging and labels, changing the habit of the community from free production and development of products to production and business with controlled origin and quality. IP protection of local specialised products also contributed to the preservation of national cultural value, traditional knowledge, value promotion and honour of products manufactured by local processes.

The implementation results of the programme were one of the scientific and practical foundations for the Prime Minister to consider and approve the IP strategy by 2030 under the Decision No. 1068/QĐ-TTg dated August 22, 2019.

In the coming time, to continue to implement and realise the guidelines and policies of the Party and State for promoting the solutions for socio-economic sustainable development, the Project Management Office – IP Viet Nam will advise the Ministry of Science and Technology to prioritise and concentrate on activities concerning product origin and quality, development for local key products to create the value chain; support for IP asset protection in large markets in the world.



GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

APPEAL SETTLEMENT OF
INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

Năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận 845 đơn khiếu nại, trong đó có 679 đơn đã được thụ lý và 166 đơn chưa đủ điều kiện thụ lý. Cục Sở hữu trí tuệ nhận được 413 đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực và đơn hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ.

Cục đã giải quyết được 894 đơn khiếu nại, trong đó chấp nhận lý do khiếu nại bảo hộ cho 347 đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia và 181 đơn đăng ký nhãn hiệu quốc tế, không chấp nhận lý do khiếu nại của 200 đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia và đơn đăng ký nhãn hiệu quốc tế, chấp nhận lý do khiếu nại của 34 đơn đăng ký sáng chế, không chấp nhận lý do khiếu nại của 10 đơn đăng ký sáng chế, chấp nhận lý do khiếu nại của 22 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, không chấp nhận lý do khiếu nại của 01 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, không thụ lý 99 đơn khiếu nại.

Cục đã giải quyết được 45 đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực, trong đó chấp nhận hủy bỏ hiệu lực 20 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, không chấp nhận hủy bỏ hiệu lực 15 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chấp nhận hủy bỏ hiệu lực 02 Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, không chấp nhận hủy bỏ hiệu lực 02 Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, không chấp nhận hủy bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế, không thụ lý đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực 05 Văn bằng bảo hộ.

Cục đã giải quyết được 172 đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực, trong đó chấp nhận chấm dứt hiệu lực 130 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và Đăng ký quốc tế nhãn hiệu, không chấp nhận chấm dứt hiệu lực 5 Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu, không thụ lý 37 đơn đề nghị chấm dứt hiệu lực.

Thực hiện theo quy trình giải quyết khiếu nại lần 2, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức đối thoại với người nộp đơn trong quá trình giải quyết khiếu nại. Cục đã cử cán bộ đã tham gia nhiều buổi đối thoại của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ với doanh nghiệp, giải quyết 43 vụ khiếu nại lần 2.

Đối với công tác phối hợp trong hoạt động thực thi, Cục đã tiếp nhận và xử lý công văn đề nghị cung cấp ý kiến chuyên môn của các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ là Thanh tra Khoa học và Công nghệ, Quản lý thị trường, Cảnh sát kinh tế và Hải quan liên quan đến 148 vụ việc, trong đó có 4 vụ việc liên quan đến sáng chế, có 136 vụ việc liên quan đến nhãn hiệu và 8 vụ việc liên quan đến kiểu dáng công nghiệp.

Cục đã cử cán bộ tham dự các buổi tham vấn chuyên môn và giải đáp thắc mắc trong quá trình thực thi quyền do Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội tổ chức



Cục trưởng Đinh Hữu Phi phát biểu khai mạc Hội thảo Bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ IV

Director General Dinh Huu Phi gives opening remarks at the Workshop on IPRS Protection and Enforcement in industry 4.0

trong 4 vụ (8 buổi họp), tham gia và trình bày ý kiến tại các cuộc họp của Hội chống hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng, Tổng Cục Quản lý thị trường, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, làm việc với các cơ quan thực thi (Hải quan, Thanh tra Khoa học công nghệ các cấp, Quản lý thị trường, Công an kinh tế) trong việc cung cấp thông tin và trình bày quan điểm nhằm đảm bảo hoạt động thực thi quyền.

Cục đã cử đại diện tham gia 6 vụ kiện hành chính tại Tòa án, trả lời 15 công văn của Tòa án, tham dự 10 phiên xét xử hoặc hòa giải của người nộp đơn, bên thứ ba liên quan, hoặc là bên liên quan đối với các quyết định hành chính đã ban hành của Cục tại Tòa án nhân dân Hà Nội, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa cấp cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, Cục đã cử cán bộ tham gia giảng bài cho 13 lớp về thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho Tổng cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý và giám sát hải quan, Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan, Tổng cục Đường sắt, Tổng công ty cổ phần Bia, Rượu và Nước giải khát Hà Nội, Hội chống hàng giả Hà Nội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Học viện Khoa học Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh Điện Biên, Phú Yên, Bình Thuận, An Giang, Quảng Nam.

In 2019, IP Viet Nam received 845 appeals in which 679 requests were accepted and 166 were not accepted. IP Viet Nam received 413 requests for invalidation and cancellation of protection titles of individuals, organizations and enterprises due to not satisfying protection requirements.

IP Viet Nam settled 894 complaints, among them, accepting grounds of 347 appeals on national trademarks and 181 appeals on international trademarks, refusing the grounds of 200 appeals on national and international trademarks, accepting the grounds of 34 appeals on patents and refusing the grounds of 10 appeals on patents, accepting the grounds of 22 appeals on industrial designs and refusing the grounds of one appeal on industrial design. A total of 99 appeals were not accepted for review by IP Viet Nam.

IP Viet Nam handled 45 requests for invalidation of protection titles, of which it accepted to invalidate 20 trademarks, two industrial designs; refused invalidation of 15 trademarks, two industrial designs and one patent. IP Viet Nam did not accept five requests for review.

Regarding termination of protection titles, 172 requests were settled by IP Viet Nam, among them, accepting grounds for terminating the validity of 130 trademarks

and international trademarks; refusing to terminate the validity of five trademarks. IP Viet Nam did not accept 37 requests for review.

Following procedures for second-complaint settlement, the Ministry of Science and Technology held dialogues with applicants during the complaint settlement process. IP Viet Nam's representatives participated in many dialogues between leaders of the Ministry of Science and Technology and enterprises and settled 43 second-complaint cases.

Regarding coordination in enforcement activities, IP Viet Nam received and processed written requests for professional opinions from IPR enforcement agencies such as the Inspectorates for Science and Technology, Vietnam Market Surveillance, Economic Police and Customs related to 148 cases, among them, four relating to patents, 136 to trademarks and eight to industrial designs.

IP Viet Nam's representatives attended professional consultation meetings, chaired by Hanoi's Market Surveillance Department, concerning the IPRs enforcement process in four cases with eight meetings; provided professional opinions in meetings of Anti-Counterfeiting, Consumer Protection Association, Vietnam Directorate of Market Surveillance, Vietnam Chamber of Commerce and Industry; worked with enforcement agencies (Customs, Inspectorate of Science and Technology at all levels, Market Surveillance, Economic Police) to provide information and present opinions to ensure IRPs enforcement activities.

Representatives of IP Viet Nam participated in six administrative lawsuits in courts, provided courts with 15 professional comments, attended 10 hearings or conciliation sessions with applicants, related third-parties or related parties concerning the administrative decisions issued by IP Viet Nam at the Ha Noi People's Court, the Ho Chi Minh City People's Court, the High Courts in Ha Noi and Ho Chi Minh City.

Additionally, IP Viet Nam sent lecturers to 13 classes on IPRs enforcement organized by the Vietnam Directorate of Market Surveillance; Customs Control and Supervision Department, Anti-Smuggling and Investigation Department-General Department of Vietnam Customs; Vietnam Railway Authority, Hanoi Beer Alcohol Beverage Joint Stock Corporation; Hanoi Association for Anti-Counterfeiting; Vietnam Chamber of Commerce and Industry; Vietnam Institute of Science Technology and Innovation, Departments of Science and Technology of Dien Bien, and Phu Yen, Binh Thuan, An Giang and Quang Nam provinces.



QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY REPRESENTATION ACTIVITIES

50

Công tác quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp tiếp tục được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động này, hỗ trợ tích cực cho các tổ chức, cá nhân trong việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Trong năm 2019, Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận mới 11 tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, ghi nhận sửa đổi, bổ sung thông tin (sửa đổi tên và địa chỉ, xóa tên tổ chức, bổ sung/xóa tên thành viên trong Danh sách của Tổ chức) cho 34 tổ chức; cấp/cấp lại 6 Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Tính đến hết năm 2019, cả nước có 203 tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp và 331 cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

Với mục tiêu tiếp tục phát triển số lượng đại diện sở hữu công nghiệp để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, cá nhân, tháng 10/2019, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo định kỳ hai năm/lần. Có 238 thí sinh đăng ký dự kiểm tra tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với tổng số 5 môn: Pháp luật sở hữu công nghiệp, thông tin sở hữu công nghiệp, sáng chế và thiết kế bố trí, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý. Kết thúc việc tổ chức làm bài kiểm tra, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục triển khai việc chấm bài để công bố kết quả cho các thí sinh.

Bên cạnh các hoạt động nêu trên, Cục Sở hữu trí tuệ cũng tích cực tổ chức hội thảo, tọa đàm với các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp để trao đổi về công tác quản lý hoạt động đại diện và giám định sở hữu công nghiệp cũng như các nội dung chuyên môn về sở hữu công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động này nói riêng và các hoạt động của hệ thống sở hữu trí tuệ nói chung. Năm 2019, lần đầu tiên Cục phối hợp với Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức hoạt động này ở cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Năm nay, nội dung thảo luận xoay quanh các quy định pháp luật về nhãn hiệu như đăng ký nhãn hiệu chứa tên địa danh, nhãn hiệu bị từ chối vì tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã hết hạn hiệu lực chưa quá 5 năm, cơ sở pháp lý để từ chối/phản đối đơn đăng ký và hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã được cấp dựa trên động cơ không trung thực... Thông qua các hội thảo, tọa đàm này, nhiều vướng mắc trong áp dụng pháp luật về sở hữu công nghiệp đã được tháo gỡ, đồng thời gợi mở một số định hướng cho việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật liên quan.

Ảnh / Photo by: De vianvu

The management of industrial property representation activities continued to be regularly carried out and contributed to improve the quality of this activity, actively supported organisations and individuals in establishing and protecting industrial property rights. In 2019, 11 new organisations were recognised; 34 organisations were recorded as changing information and status (amendment of name and address, deletion of organisation, addition/deletion to the list of industrial property representatives); six representative agents were granted/re-granted certificates. By the end of 2019, there were 203 industrial property representative organisations and 331 representative agents that were granted certificates.

Aiming to raise the amount of industrial property representatives to better meet the needs of organisations and individuals, the biennial professional exam for industrial property representatives was held in October 2019 in Ha Noi and Ho Chi Minh City with 238 candidates registered and in five subjects (industrial property laws and regulations, industrial property information, invention and layout design, industrial design, trademark and geographical indications). The result was graded and published after the exam finished.

In addition to the above-mentioned activities, IP Viet Nam also organised seminars and workshops with industrial property representation organisations to discuss the management of representation and assessment activities, as well as other specialised issues of this field, to improve the quality of these activities in particular and the activities of the whole IP system in general. In 2019, IP Viet Nam for the first time coordinated with the Vietnam IP Association to organize this activity in both Ha Noi and Ho Chi Minh City. The content of the discussion focused in several topics, including: trademark bearing geographical names, ground for trademark refusal based on prior marks that have expired for less than five years, legal ground for trademark refusal/cancellation based on bad faith etc. Through these workshops and seminars, many legal obstacles were clarified and settled, and proposals were also suggested for the amendment and supplementation of relevant laws and regulations.

51





HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES AT
LOCAL LEVELS

52

53

Ảnh / Photo by: Quang nguyen vinh

Hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại các địa phương trong năm 2019 đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về sở hữu công nghiệp tiếp tục là điểm nhấn trong các hoạt động của địa phương nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và công chúng. Nhiều địa phương đã chủ động và tích cực trong việc tuyên truyền, tập huấn các nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ như các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu, khai thác quyền sở hữu trí tuệ ở địa phương... Công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tiếp tục được chú trọng và tăng cường. Năm 2019, các vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nhất là xử lý bằng biện pháp hành chính, tăng mạnh cả về số vụ và số tiền phạt. Điều đó thể hiện nhận thức và sự quan tâm ngày càng lớn của doanh nghiệp và các chủ thể quyền sở hữu công nghiệp đối với tài sản trí tuệ, đồng thời cho thấy sự tích cực vào cuộc của các cơ quan có thẩm quyền trong thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Công tác hướng dẫn xác lập quyền, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nhà sản xuất, kinh doanh ở địa phương nhằm nâng cao sức cạnh tranh và giá trị tài sản trí tuệ. Các dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ phát huy được hiệu quả, đặc biệt là hỗ trợ phát triển thương hiệu các đặc sản địa phương, các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu cũng được chú trọng đầu tư đúng mức, góp phần tạo động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế-xã hội. Bên cạnh đó, các biện pháp khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động sáng kiến, đổi mới sáng tạo cũng được tổ chức đều khắp trên cả nước với nhiều hoạt động phong phú.

Một số điểm chính trong kết quả hoạt động sở hữu trí tuệ tại địa phương năm 2019 được tổng kết dưới đây.

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Năm 2019, tổ chức bộ máy của đơn vị quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại các Sở Khoa học và Công nghệ trong cả nước không có nhiều thay đổi so với 2018. Hiện chỉ có 2 Sở Khoa học và Công nghệ có bộ phận chuyên trách quản lý về sở hữu công nghiệp (Phòng Sở hữu trí tuệ) là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Các địa phương còn lại chức năng quản lý sở hữu trí tuệ chủ yếu ghép chung với các lĩnh vực khác như công nghệ, an toàn bức xạ... với tên gọi chung là phòng Quản lý chuyên ngành.

Về nhân sự, cả nước có tổng số 163 cán bộ thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại các Sở Khoa học và Công nghệ (trong đó có 53 cán bộ chuyên trách và 110 cán bộ kiêm nhiệm), cơ bản không thay đổi so với năm 2018. Đa số cán bộ này đều đã tham gia các lớp tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ do Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Công tác xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp vẫn được các Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thường xuyên. Năm 2019 đã có 46 văn bản được các địa phương ban hành, với nội dung chủ yếu liên quan đến các chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ địa phương (các quyết định ban hành kế hoạch thực hiện, phê duyệt kinh phí...), các quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận. Đặc biệt, rất nhiều địa phương đã ban hành quy định liên quan đến hoạt động sáng kiến nói chung và quy định về kinh phí dành cho hoạt động sáng kiến nói riêng sau khi Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 của Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến được ban hành. Hoạt động này góp phần không nhỏ vào việc đưa pháp luật sở hữu trí tuệ vào cuộc sống trên cơ sở nhu cầu thực tiễn và điều kiện phát triển kinh tế cụ thể của mỗi địa phương.

The administration of IP in local authorities in 2019 saw many encouraging results. Propaganda and dissemination of knowledge, policies and laws on industrial property continued to be a highlight activities to raise the awareness of all levels, branches, enterprises and the public. Many localities implemented propaganda and training on IP, including regulations and laws on intellectual property, guidance of trademark registration, exploitation of IP rights in localities etc. The protection of IP rights continues to be focused and strengthened. In 2019, cases of handling infringement of IP rights, especially administrative sanctions, sharply increased in both the number of cases and sanctioned amount. This demonstrated growing awareness and interest of enterprises and IP rights holders to their IP assets, and also showed the effective enforcement of IP rights of competent authorities.

Guidance on the establishment and protection of industrial property rights plays an increasingly important role in supporting local producers and businesses to enhance the competitiveness and value of their IP assets. Supporting projects in the development of IP assets promoted their efficiency, especially the development of local specialities were highly supported, products with export potential paid due attention to investment, and that created strong motivation for the development of the socio-economy. In addition, measures to encourage and promote innovative and creative activities were implemented across the country with many diversified activities.

Some key points of 2019 IP activities in localities are summarised below.

ORGANISATIONAL STRUCTURE AND HUMAN RESOURCES FOR THE STATE MANAGEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY

Compare to 2018, the organisational structure in charge of industrial property at the Departments of Science and Technology in local authorities remained stable. Currently, there are still only two Departments of Science and Technology in Ha Noi and Ho Chi Minh City that have specialised sections in charge of industrial property management (IP Section), while in other provinces, the State management function of industrial property is combined with other sectors (technology, radiation safety etc.) under the common name of specialised management.



Hội nghị về sở hữu trí tuệ năm 2019
2019 Conference on Intellectual property

In terms of human resources, the number of officials was basically unchanged compared to 2018. Currently there are 163 officials taking the responsibility of the State management of industrial property at Departments of Science and Technology (53 full-time officials and 110 part-time officials). Most of these officials have participated in IP training courses organised or jointly organised by IP Viet Nam.

FORMULATION AND ISSUANCE OF GUIDING DOCUMENTS FOR THE STATE MANAGEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY

Formulation and issuance of guiding documents for the State management of industrial property was carried out by Departments of Science and Technology. In 2019, there were 46 documents issued by local authorities, mostly related to local support programmes in the development of IP assets (issuance of implementation plans, approval of funds etc.), guidelines on the management of geographical indications, certification marks. Specifically, in guiding Circular No. 03/2019/TT-BTC of the Minister of Finance dated 15th January 2019 stipulating budgeting, items and funding from the State budget to implement initiative activities, many localities issued regulations related to implementing initiative activities and budgeting for initiative activities. These issuances contributed significantly to bringing IP laws to life based on practical needs and the specific economic conditions of each locality.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về sở hữu trí tuệ ngày càng được các địa phương quan tâm và thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như tập huấn, hội thảo, hội nghị, trao đổi trực tuyến, làm tin bài, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng. Năm 2019, các địa phương đã tổ chức 50 hội thảo, 169 lớp tập huấn và 166 lượt tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ, tăng 15% so với năm 2018. Bên cạnh sự hỗ trợ của Cục Sở hữu trí tuệ (giảng viên và tài liệu), các địa phương cũng đã chủ động tổ chức các sự kiện trên cơ sở nhu cầu thực tiễn của địa phương, như Kiên Giang (16 hội thảo), Bến Tre (32 lớp tập huấn), Lạng Sơn (01 hội thảo và 13 lớp tập huấn)...

CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN XÁC LẬP, BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Thời gian qua, công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ dần trở thành một trong những hoạt động trọng tâm của hầu hết các Sở Khoa học và Công nghệ. Bên cạnh hệ thống các tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (chỉ tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh...) thì các Sở Khoa học và Công nghệ vẫn luôn là địa chỉ đáng tin cậy để hàng ngàn lượt tổ chức, cá nhân tìm đến để được tư vấn về sở hữu công nghiệp. Đối tượng được quan tâm nhiều nhất vẫn là nhãn hiệu (3.464 lượt), tiếp đến là kiểu dáng công nghiệp (144 lượt), sáng chế (120 lượt). Nổi bật trong hoạt động này là các địa phương Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Quảng Ninh, Bắc Giang.

CÔNG TÁC THỰC THI, XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Hiện nay, biện pháp xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được áp dụng nhiều và hiệu quả nhất vẫn là biện pháp hành chính. Năm 2019, đã có 3.293 vụ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp bị xử lý hành chính với tổng số tiền phạt là 26.536.667.000 đồng, tăng 81,8% số vụ và 11% tổng số tiền phạt so với năm 2018. Ngoài ra có tổng cộng 2.029.032 sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu công

nghiệp bị các cơ quan chức năng xử lý. Đối tượng bị xâm phạm nhiều vẫn là nhãn hiệu, chiếm 99% số vụ và 91,5% tổng số tiền phạt. Các địa phương thực hiện xử lý xâm phạm nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, Nam Định, Lạng Sơn.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ vẫn đang thực hiện rất hiệu quả ở hầu khắp các địa phương. Đã có 43/63 tỉnh/thành phố có Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của địa phương với tổng số 66 dự án được triển khai, 153 sản phẩm đặc thù địa phương được hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền sở hữu trí tuệ, 59 tổ chức tập thể được thành lập để quản lý tài sản trí tuệ cộng đồng, 1.197 doanh nghiệp được hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, 98 lượt phát sóng truyền hình tuyên truyền về sở hữu trí tuệ. Các Chương trình này được triển khai dưới nhiều hình thức như: Chương trình hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, Chương trình "Xây dựng và phát triển thương hiệu cho nông sản tỉnh...", Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh...

TRIỂN KHAI CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ, THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Việc thúc đẩy hoạt động sáng kiến tiếp tục được hầu hết các địa phương quan tâm, đẩy mạnh dưới nhiều hình thức khác nhau, như soạn thảo và trình các cấp có thẩm quyền ban hành quy định quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn, tổ chức lớp tập huấn về sáng kiến, thành lập các Hội đồng cấp tỉnh để xem xét và đánh giá sáng kiến... Các hoạt động nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo tiếp tục được các địa phương quan tâm và thúc đẩy. Năm 2019 đã có 20 tỉnh/thành phố tổ chức các Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, 19 tỉnh/thành phố tổ chức các Hội thi Sáng tạo thanh thiếu niên bên cạnh các Hội thi và Giải thưởng khác đã và đang được triển khai như: Giải thưởng Bằng lao động sáng tạo tỉnh, Giải thưởng sáng tạo công nghệ thông tin và truyền thông...

PROPAGANDA AND DISSEMINATION OF KNOWLEDGE, POLICIES AND LAWS ON IP

Propaganda and dissemination of knowledge, policies and laws on IP were concerned and implemented in many different forms such as training, seminars, conferences, livestreams, news and report broadcasting etc. In 2019, 50 seminars, 169 training courses and 166 sessions of propaganda and dissemination of knowledge on IP were organised by localities, increased of 15% in comparison with 2018. In addition to the support of IP Viet Nam (lecturers and materials), local authorities organised events based on their practical needs, including Kien Giang (16 workshops), Ben Tre (32 training courses) and Lang Son (one workshop and 13 training courses).

GUIDANCE ON THE ESTABLISHMENT AND PROTECTION OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

Over the past few years, guidance on the establishment and protection of IP rights to organisations and individuals has become one of the key activities of most Departments of Science and Technology. Besides the network of industrial property representative organisations (mostly concentrated in big cities like Ha Noi, Ho Chi Minh City), Departments of Science and Technology have been a reliable address for thousands of organisations and individuals seeking consultation on industrial property with 3,464 turns of trademarks, 144 turns of industrial designs and 120 turns of patents. Outstanding localities in these activities were Ho Chi Minh City and provinces such as Ha Tinh, Don Nai, Quang Ninh and Bac Giang.

ENFORCEMENT AND HANDLING OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS INFRINGEMENT

The measure to handle infringements of industrial property rights that was most often used and most effective was administrative sanctions. In 2019, 3,293 cases infringing industrial property rights were administratively sanctioned with a total amount of 26,536,667,000 VND (81.8 percent up in the number of cases and 11 percent up in sanctioned amount compared to 2018). In addition,

2,029,032 products infringing industrial property rights were handled by competent authorities. Among these, subject to be infringed mostly were trademarks at 99 percent of the total cases and 91.5 percent of the total sanctioning amount. The provinces that handled the most infringement cases were Ho Chi Minh City, Nam Dinh and Lang Son.

SUPPORTING ACTIVITIES FOR THE DEVELOPMENT OF IP ASSETS

Supporting activities in the development of IP assets were implemented effectively in most provinces. A total 43/63 provinces/cities have established local support programmes for the development of IP assets, in which 66 projects were implemented, 153 specific local products were supported for IP protection and management, 59 collective organisations were established to manage community IP assets, 1,197 businesses were supported on IP and 98 sessions of IP propaganda were broadcasted. These programmes were carried out in many forms such as support programmes on building collective marks and certificated marks, a programme on "Establishment and development of trademarks for provincial agricultural products" and local support programmes for the development of IP assets.

IMPLEMENTATION OF MEASURES TO PROMOTE INITIATIVES, INNOVATIVE AND CREATIVE ACTIVITIES

Promoting initiative activities was strengthened by most localities in many different ways such as formulating and submitting to authorities to issue regulations on management of initiative activities, holding training courses on initiatives, establishing provincial council to review and evaluate initiatives etc. Promoting innovative and creative activities was strengthened by most localities. In 2019, 20 provinces/cities held technical innovation contests, 19 provinces/cities held children and youth creativity contests in addition to some other contests such as: Award of Provincial Creative Labour, Communication and Information Technology Innovation Award etc.

PHỤ LỤC THỐNG KÊ STATISTICS



Ảnh / Photo by: Baimaple

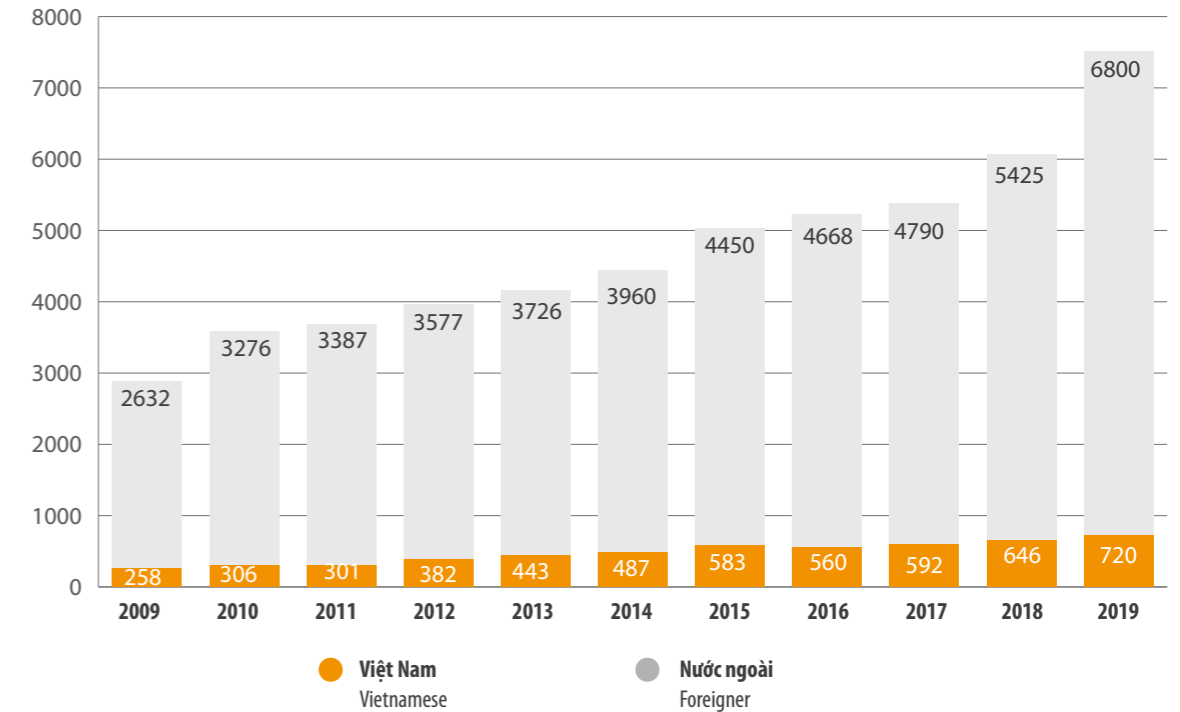
1. SÁNG CHẾ / INVENTION

• Đơn đăng ký sáng chế đã nộp và bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ 1981 đến 2019

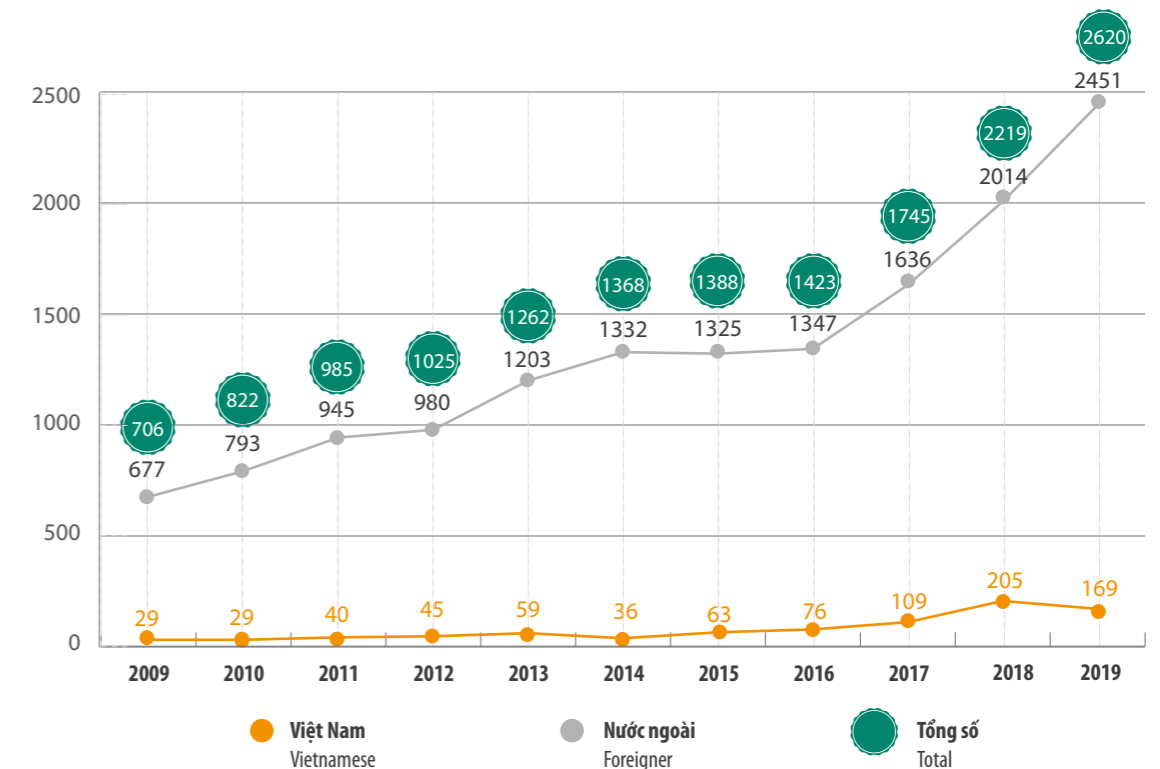
Invention applications filed and Invention patents granted from 1981 to 2019

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký sáng chế đã nộp Filed Invention applications			Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp Granted Invention patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1981-1989	506	25	531	74	7	81
1990	62	17	79	11	3	14
1991	39	25	64	14	13	27
1992	34	49	83	19	16	35
1993	33	194	227	3	13	16
1994	22	270	292	5	14	19
1995	23	659	682	3	53	56
1996	37	971	1008	4	58	62
1997	30	1234	1264	0	111	111
1998	25	1080	1105	5	343	348
1999	35	1107	1142	13	322	335
2000	34	1205	1239	10	620	630
2001	52	1234	1286	7	776	783
2002	69	1142	1211	9	734	743
2003	78	1072	1150	17	757	774
2004	103	1328	1431	22	676	698
2005	180	1767	1947	27	641	668
2006	196	1970	2166	44	625	669
2007	219	2641	2860	34	691	725
2008	204	2995	3199	39	627	666
2009	258	2632	2890	29	677	706
2010	306	3276	3582	29	793	822
2011	301	3387	3688	40	945	985
2012	382	3577	3959	45	980	1025
2013	443	3726	4169	59	1203	1262
2014	487	3960	4447	36	1332	1368
2015	583	4450	5033	63	1325	1388
2016	560	4668	5228	76	1347	1423
2017	592	4790	5382	109	1636	1745
2018	646	5425	6071	205	2014	2219
2019	720	6800	7520	169	2451	2620
Tổng số/Total	7259	67676	74935	1220	21803	23023

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2019 / Statistics is calculated up to 31 December 2019



Số lượng đơn đăng ký sáng chế từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Invention applications filed from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner



Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Invention patents granted from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner

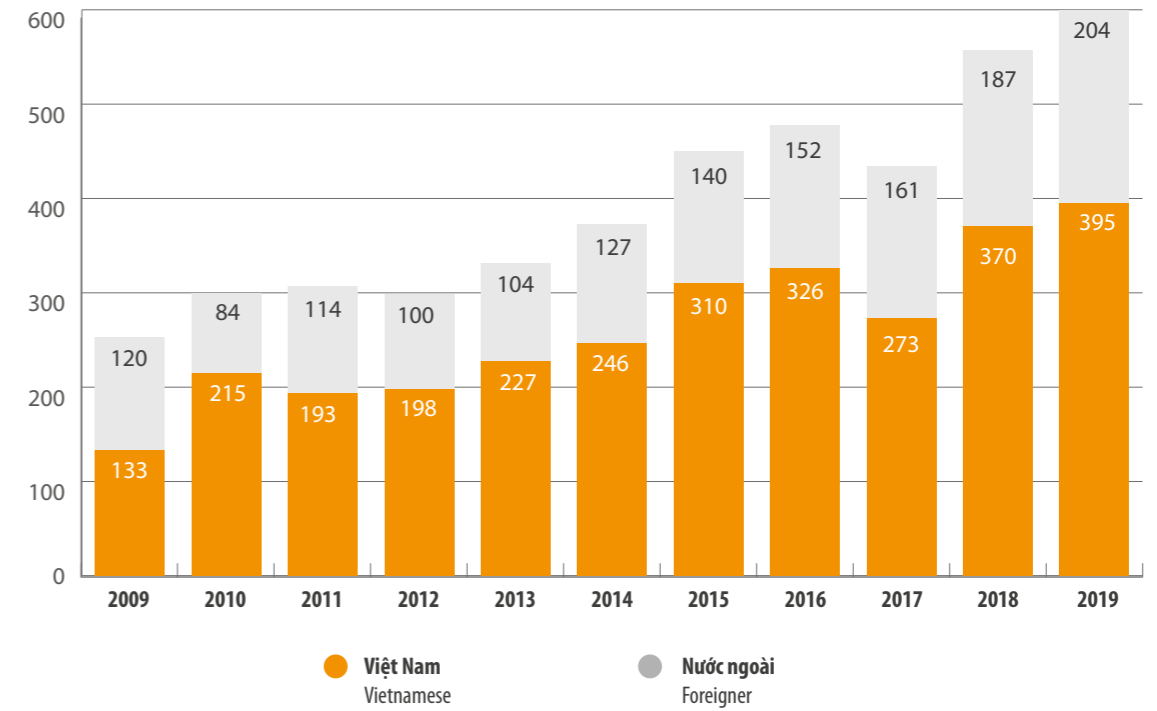
2. GIẢI PHÁP HỮU ÍCH / UTILITY SOLUTION

• Đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ 1989 đến 2019

Utility solution applications filed and Utility solution patents granted from 1989 to 2019

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp Filed utility solution applications			Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp Granted utility solution patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1989	25	0	25	0	0	0
1990	39	25	64	23	0	23
1991	52	01	53	44	1	45
1992	32	01	33	23	1	24
1993	38	20	58	9	1	10
1994	34	24	58	18	9	27
1995	26	39	65	8	16	24
1996	41	38	79	5	6	11
1997	24	42	66	8	12	20
1998	15	13	28	3	14	17
1999	28	14	42	6	12	18
2000	35	58	93	10	13	23
2001	35	47	82	17	9	26
2002	67	64	131	21	26	47
2003	76	51	127	28	27	55
2004	103	62	165	44	25	69
2005	182	66	248	41	33	74
2006	160	76	236	45	25	70
2007	120	100	220	49	36	85
2008	116	168	284	48	27	75
2009	133	120	253	45	19	64
2010	215	84	299	35	23	58
2011	193	114	307	46	23	69
2012	198	100	298	59	28	87
2013	227	104	331	74	33	107
2014	246	127	373	66	20	86
2015	310	140	450	86	31	117
2016	326	152	478	114	24	138
2017	273	161	434	118	28	146
2018	370	187	557	290	65	355
2019	395	204	599	230	72	302
Tổng số/Total	4134	2402	6536	1613	659	2272

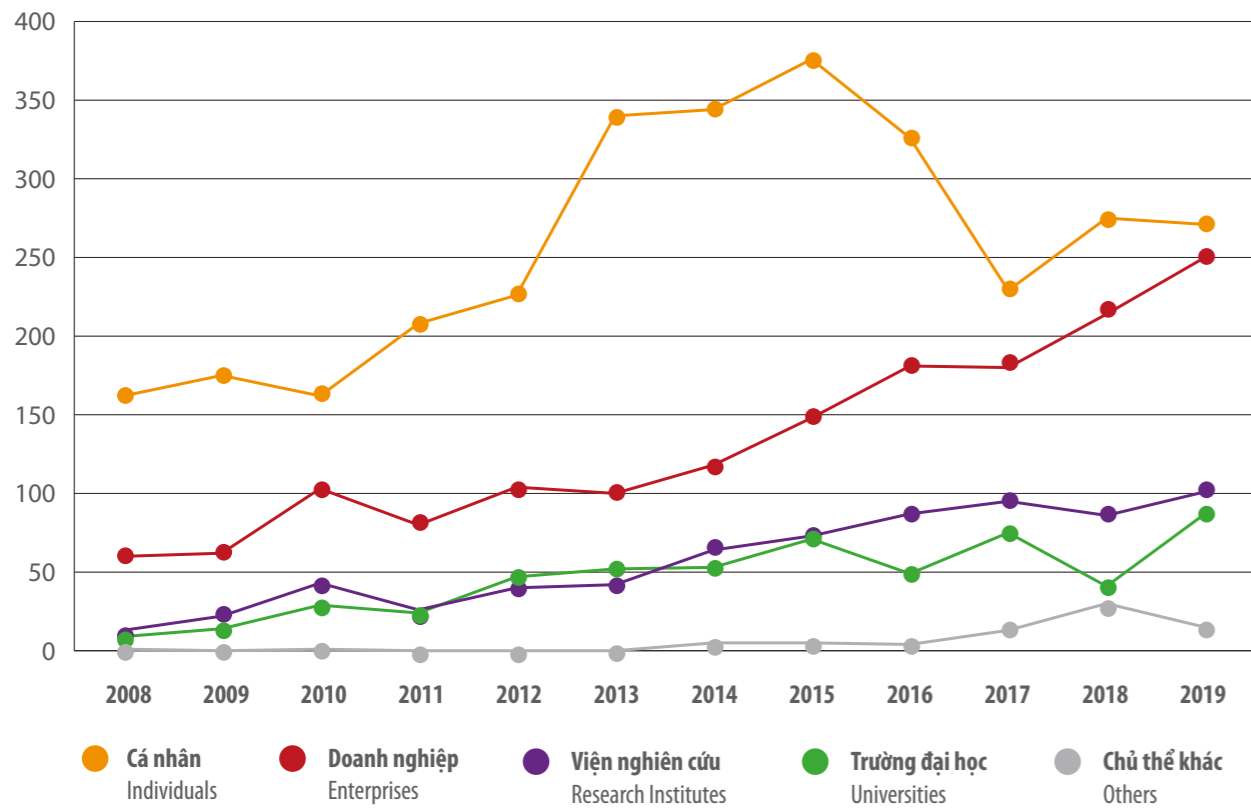
* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2019 / Statistics is calculated up to 31 December 2019



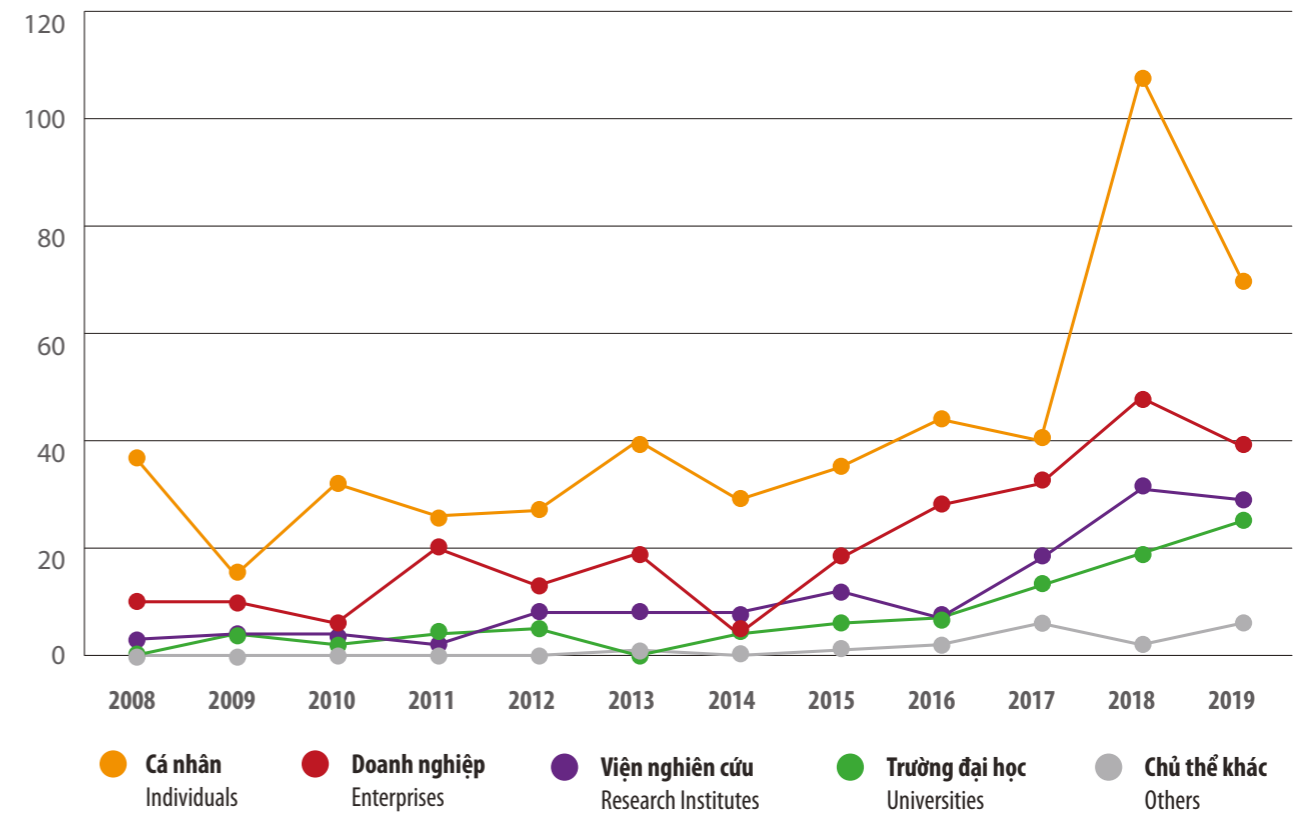
Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Utility solution applications filed from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner



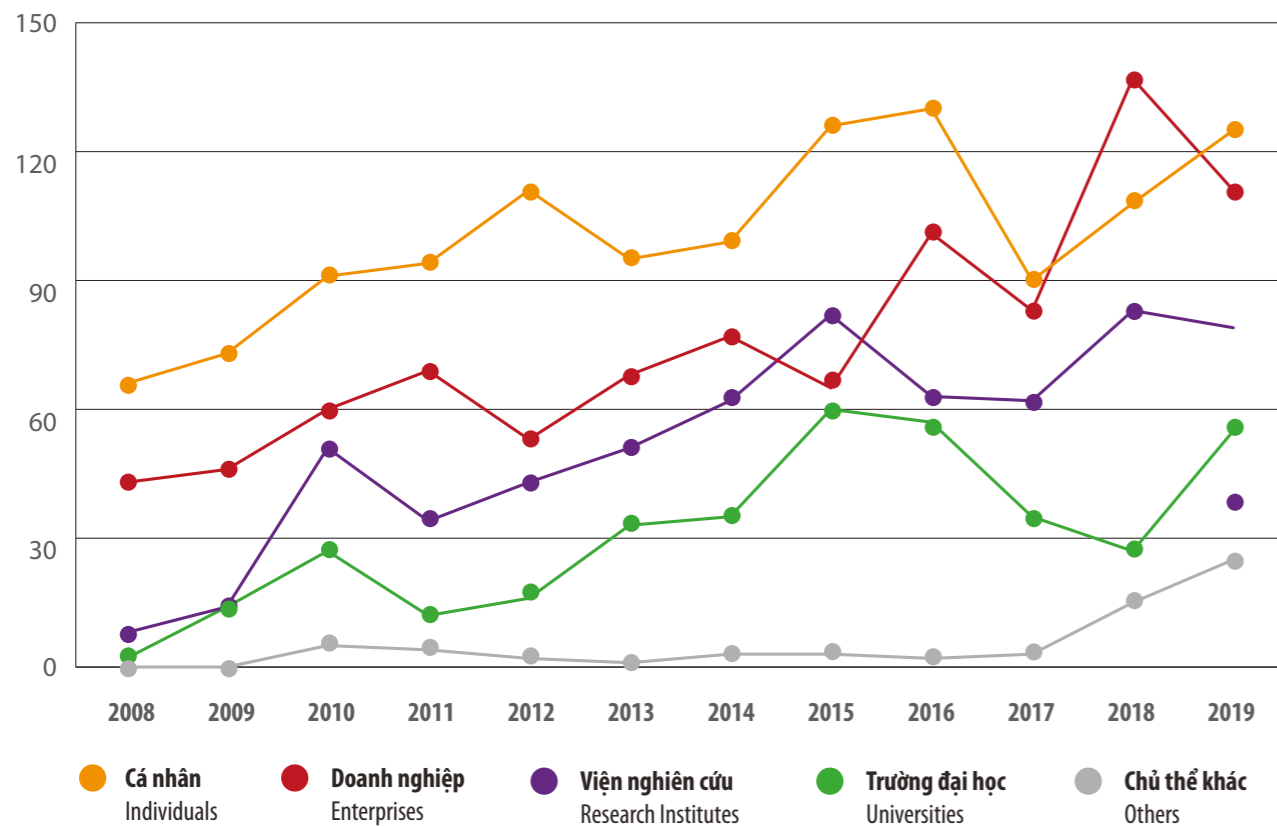
Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Utility solution patents granted from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner



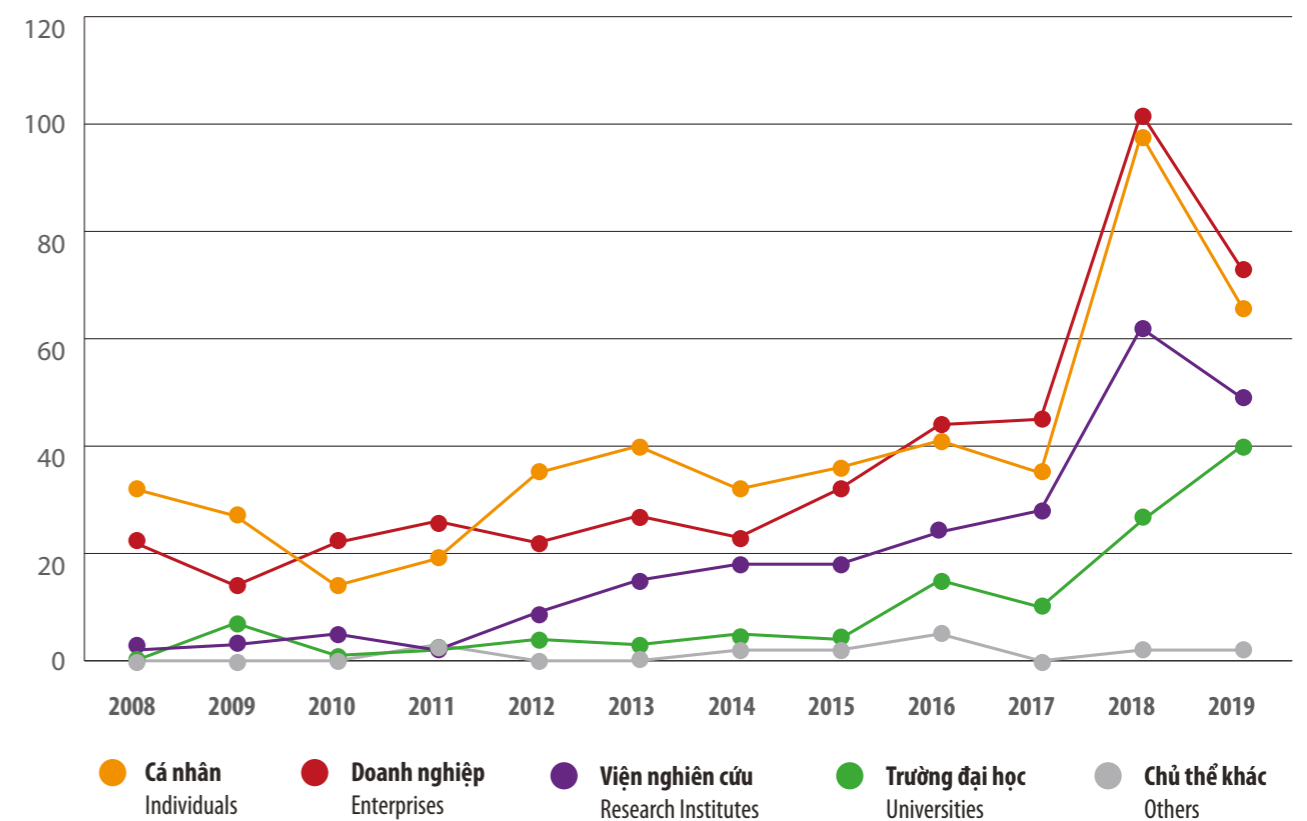
Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2008-2019 theo chủ thể
Vietnamese invention applications by holders from 2008 to 2019



Số lượng bằng độc quyền sáng chế của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2008-2019 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese inventions by holders from 2008 to 2019



Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2008-2019 theo chủ thể
Vietnamese utility solution applications by holders from 2008 to 2019

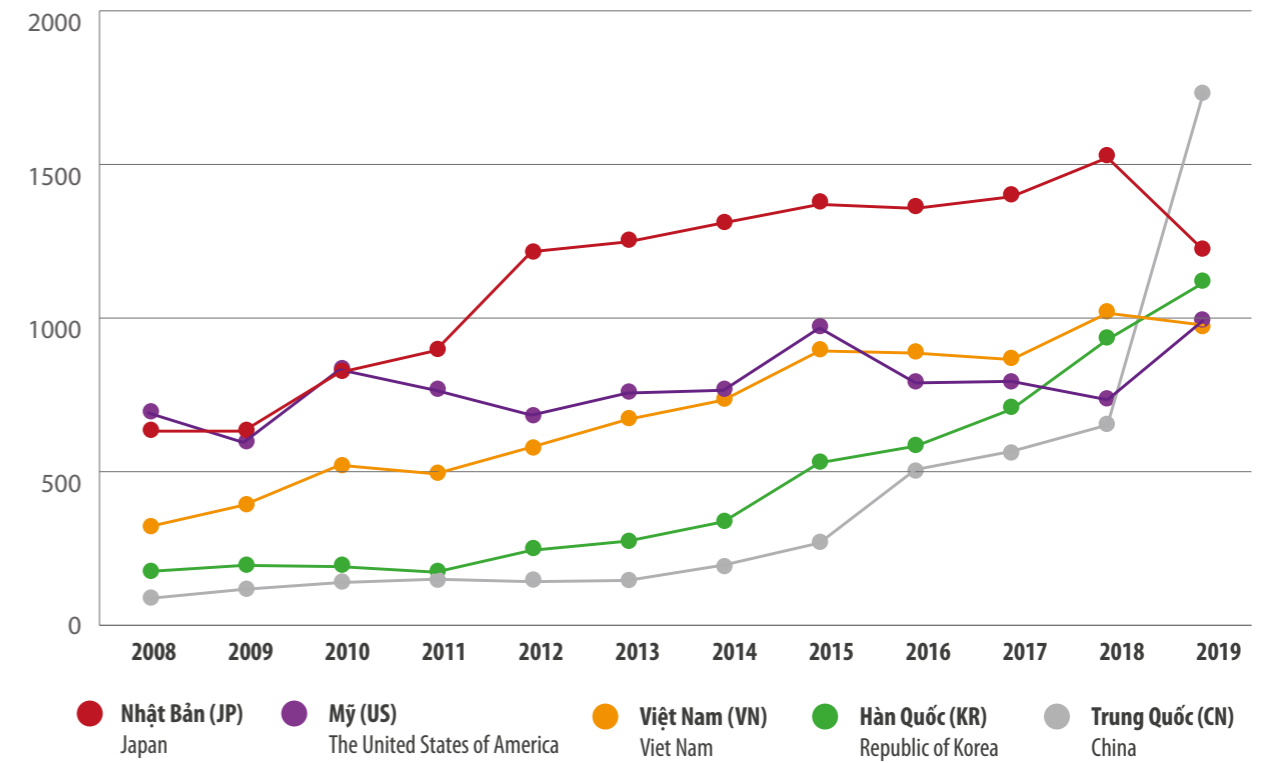


Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2008-2019 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese utility solutions by holders from 2008 to 2019

• Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nước xuất xứ/vùng lãnh thổ từ năm 2003 đến 2019

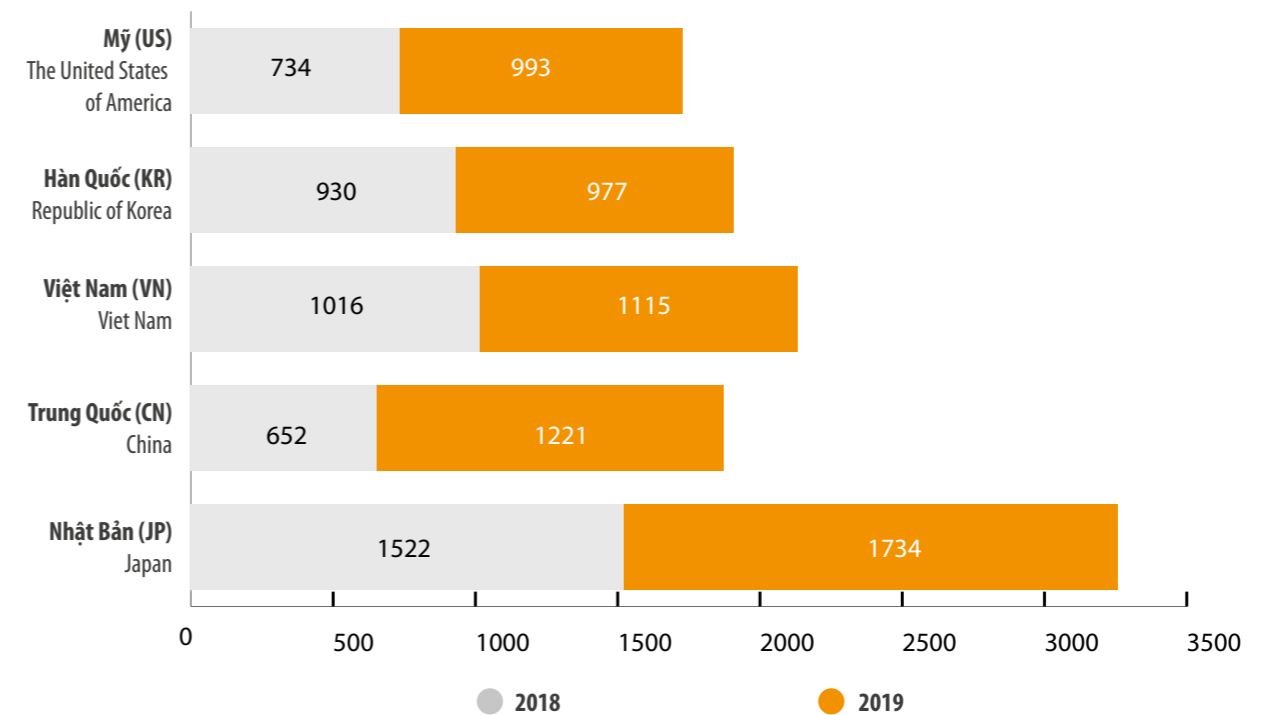
Patent and utility solution applications directly filed with IP VIET NAM by country/territory of origin from 2003 to 2019

Nước/vùng lãnh thổ xuất xứ Country/Territory of Origin	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Ôxtrâyliá (AU) Australia	21	30	31	31	39	61	36	41	53	28	34	43	44	43	37	57	57
Bỉ (BE) Belgium	16	24	28	46	84	80	58	53	45	47	37	29	42	30	42	34	52
Canada (CA) Canada	5	25	14	13	16	18	8	17	28	24	25	22	16	31	22	11	19
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	59	97	93	56	107	135	118	153	154	200	192	205	189	234	174	211	182
Trung Quốc (CN) China	18	10	19	27	63	87	117	139	150	142	146	196	268	507	566	652	1221
CHLB Đức (DE) Germany	91	134	165	185	215	235	195	216	282	206	206	214	212	240	210	259	279
Đan Mạch (DK) Denmark	16	25	17	33	30	45	33	35	48	19	28	33	28	24	28	43	46
Pháp (FR) France	40	43	74	79	92	120	107	140	144	138	127	127	118	94	100	102	88
Anh (GB) Great Britain	45	31	61	70	83	98	59	71	63	63	67	41	45	60	82	70	70
Italia (IT) Italy	11	27	23	30	34	35	44	41	47	43	46	45	66	61	63	59	76
Nhật Bản (JP) Japan	261	257	376	357	425	632	632	823	894	1216	1248	1310	1370	1357	1395	1522	1734
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	47	50	67	112	174	175	195	191	173	244	274	337	529	583	703	930	977
Hà Lan (NL) Netherlands	37	59	66	68	117	113	107	98	118	96	115	99	126	124	106	111	133
Na Uy (NO) Norway	7	7	7	16	9	14	13	10	9	19	14	16	8	8	8	17	13
Thụy Điển (SE) Sweden	1	2	9	11	10	19	13	51	35	29	40	40	54	50	52	70	74
Đài Loan (TW) Chinese Taipei	73	106	142	137	247	321	192	202	187	181	185	184	173	242	229	282	352
Mỹ (US) The United States of America	278	356	523	564	738	692	595	832	765	684	756	765	968	789	794	734	993
Việt Nam (VN) Viet Nam	149	206	362	196	339	320	391	521	493	580	670	733	893	886	865	1016	1115
Các nước khác Other countries/territories	102	107	116	371	763	283	230	247	307	298	294	355	340	358	362	436	638
Tổng số Total	1277	1596	2195	2402	3585	3483	3143	3881	3995	4257	4500	4820	5483	5706	5816	6628	8119



Sự gia tăng tổng số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của các nước có đơn nộp nhiều nhất trong giai đoạn 2008 đến 2019

The increase in invention and utility solution applications of top countries during 2008-2019



Tổng số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của các nước nộp nhiều nhất năm 2018 so với năm 2019

Invention and utility solution applications of top countries in 2018 in comparison with 2019

Số lượng đơn sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2009 - 2019 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Invention applications by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2009 to 2019 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bản; Đặt bẫy; đánh cá	24	485	44	646	18	747
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	1	9	0	2	0	14
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	5	1	2	0	7
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	16	160	33	228	12	243
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	4	0	10	1	11
6	A41	Quần áo	1	6	0	5	2	13
7	A42	Mũ nón	0	6	0	1	0	5
8	A43	Sản xuất giấy dếp	0	51	4	28	1	35
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	1	9	0	12	0	13
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	0	5	3	9	1	15
11	A46	Đồ dùng để chải	0	38	0	52	0	18
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	11	50	13	54	10	49
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	22	2018	29	2644	34	2945
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	2	3	3	1	0	27
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	10	16	0	28	5	11
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	22	190	12	235	22	259
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	3	18	1	19	4	20
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	3	8	2	9	1	17
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	1	1	0	9	0	6
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	2	45	3	39	0	47
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	1	0	0	0	4
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	1	5	0	7	3	6
24	B08	Làm sạch	1	0	0	10	1	5
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	4	12	1	2	0	11
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	4	23	2	32	0	34
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	27	0	24	0	53
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	2	39	9	31	0	40
29	B24	Mài; đánh bóng	0	0	0	14	0	15
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	2	9	0	8	1	12
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	8	0	10	0	10
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	1	5	0	12	4	7
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	2	14	2	4	14	6
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	0	75	4	93	3	115
35	B30	Máy ép	2	0	0	2	1	1
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	4	0	1	0	5
37	B32	Các sản phẩm có lớp	1	62	0	60	2	97

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
28	675	40	809	49	696	53	563	86	573	60	577	65	595	64	633
1	10	0	17	3	7	0	15	2	11	0	0	3	9	3	22
0	0	0	0	0	2	1	6	0	3	0	7	0	0	0	1
16	320	44	351	20	372	20	375	43	267	29	290	40	433	60	554
0	18	0	22	0	72	0	27	1	84	0	29	0	75	0	67
1	23	3	10	3	16	0	28	2	27	4	57	4	47	8	73
0	10	0	9	0	7	1	2	2	4	1	3	1	1	2	21
1	50	3	38	1	87	7	148	4	166	2	123	2	174	0	220
0	35	0	11	0	21	1	41	0	30	0	29	3	42	2	45
4	8	0	10	1	24	1	26	2	21	0	20	4	44	4	43
0	51	0	50	3	27	0	41	0	54	2	10	1	16	3	25
11	55	10	55	33	86	26	63	14	94	19	108	19	148	37	121
39	2739	45	2395	62	2821	77	3086	61	2745	48	2705	122	3039	196	3602
7	7	0	17	1	18	6	12	13	19	4	19	5	40	3	36
3	13	3	9	6	44	7	25	14	36	3	31	2	53	2	75
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
15	348	31	374	31	314	19	261	26	204	47	292	24	344	26	427
5	3	4	23	2	9	7	16	2	19	4	5	5	13	1	30
5	18	1	12	2	9	1	11	0	14	1	6	1	17	5	19
0	10	7	2	2	10	0	12	0	11	1	3	0	1	0	3
3	29	10	70	6	63	3	48	3	64	7	79	2	52	4	134
0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	3	0	5	0	1
1	8	1	19	1	11	3	16	1	4	1	12	1	7	0	26
5	1	0	9	2	9	2	11	2	10	1	12	2	25	6	29
2	10	0	15	8	14	3	12	3	14	4	13	3	12	10	18
0	51	0	52	2	100	2	78	6	64	5	60	0	83	2	135
0	66	1	34	5	41	2	54	2	44	1	49	0	62	2	108
0	100	2	56	7	96	5	91	6	93	4	88	5	101	6	143
2	63	0	21	2	26	1	31	0	23	0	30	1	34	0	27
1	12	1	11	1	13	7	10	5	21	1	38	1	28	0	40
1	13	0	17	0	19	2	19	3	9	1	27	1	31	2	52
0	15	0	17	0	7	1	10	7	8	1	0	1	32	8	29
6	3	1	24	1	16	0	17	3	34	1	28	7	36	5	63
1	114	3	100	13	110	3	156	7	217	5	174	4	257	8	317
0	8	0	4	1	2	1	2	0	15	4	1	0	2	1	10
0	12	1	5	0	3	1	8	0	14	0	6	1	24	2	5
3	122	2	116	5	113	18	112	2	136	6	232	2	226	3	336

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	20	0	26	1	38
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	5	0	16	0	13
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	3	7	1	2	2	6
42	B44	Nghệ thuật trang trí	0	5	1	5	1	2
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	8	54	6	66	5	84
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	1	5	0	2	10	10
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	2	161	9	131	14	141
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	3	27	3	18	6	29
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	3	3	0	3	4	1
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	4	110	9	148	7	178
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	1	17	2	20	4	15
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	4	1	5	0	12
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	1	0	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	4	0	0	0	1	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phần lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	13	46	4	32	18	65
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	18	95	7	98	12	117
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	0	25	1	37	1	28
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	9	36	17	38	17	35
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	5	16	4	9	0	35
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	1	0	0	1	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	7	1313	20	1714	31	1798
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	8	197	13	275	7	324
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	1	114	1	114	1	177
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	4	100	9	115	5	155
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	4	82	2	98	2	94
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	17	280	20	271	8	368
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	2	0	2	0	7
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	0	1	0	2
69	C21	Luyện gang, thép	2	31	0	38	0	57
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	3	57	0	47	6	74
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	0	37	4	23	1	41
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	1	0	4
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phần lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	10	0	11
6	53	1	32	0	52	3	73	2	111	3	99	0	81	2	124
0	23	1	16	0	7	1	7	2	3	2	9	0	35	0	35
3	4	0	5	4	1	6	4	5	2	1	3	1	11	0	0
2	9	0	3	0	3	0	6	0	8	0	6	1	4	2	8
6	94	14	115	7	130	19	116	10	112	14	177	9	219	10	227
3	4	2	16	4	44	3	1	6	4	1	7	3	20	2	12
4	250	4	249	5	197	6	341	7	182	2	155	9	190	8	294
7	52	8	44	9	30	6	43	4	40	6	42	7	39	2	41
2	1	3	4	4	4	4	5	2	3	2	0	9	18	5	17
15	279	9	299	7	250	15	311	10	313	10	285	7	411	26	449
5	9	4	13	4	20	10	5	11	23	2	17	5	41	1	25
2	6	0	8	0	16	0	4	1	19	0	9	0	34	0	55
0	1	0	0	0	0	0	1	0	2	0	1	0	1	0	0
0	4	1	0	2	1	0	1	0	0	2	0	1	1	2	1
0	1	0	0	3	1	2	5	3	7	2	5	12	6	5	8
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	62	9	72	6	68	15	67	16	65	6	86	26	60	13	85
6	108	19	179	32	105	30	94	23	138	28	122	21	127	31	173
0	46	4	54	0	72	2	44	3	57	2	69	3	122	0	143
9	84	14	88	5	72	11	91	54	126	11	125	6	119	15	213
16	34	13	19	17	20	9	26	11	28	11	20	16	32	9	50
0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3
14	1474	18	1488	30	1449	35	1517	31	1356	41	1354	28	1574	49	1681
24	382	9	415	6	354	11	411	3	472	12	567	11	553	12	802
4	203	0	231	9	200	4	180	19	238	8	284	15	344	5	441
19	163	17	193	17	210	6	157	13	94	8	126	14	181	8	164
6	121	2	171	8	198	4	155	8	123	9	178	5	224	27	139
28	275	22	367	33	366	41	337	34	266	32	408	48	439	65	662
0	5	0	7	0	5	0	14	0	1	0	7	0	4	1	9
2	3	0	6	2	2	0	1	2	1	0	4	0	0	0	8
0	113	1	102	1	174	1	122	0	99	2	144	0	103	2	207
11	140	0	215	3	281	7	252	4	217	4	259	8	251	1	491
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	224
0	40	0	58	4	62	1	34	1	59	5	73	2	65	4	108
3	3	0	3	0	4	3	2	0	4	0	4	15	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	4
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	14	0	28	0	18
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	8	0	2	0	5
78	D03	Dệt	0	7	0	17	0	4
79	D04	Sự đan tết; sản xuất đăng ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	15	0	14	0	15
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cảm lông	0	2	0	9	1	10
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	49	3	76	0	62
82	D07	Dây cáp, dây chèo hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	4	0	3	0	3
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	4	16	3	42	2	27
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	1	6	1	13	1	15
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	5	22	6	37	9	73
87	E03	Cấp nước; thoát nước	7	5	3	8	1	6
88	E04	Công trình xây dựng	16	60	18	45	18	84
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	17	0	27	7	25
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	5	24	3	3	4	15
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	3	22	1	19	0	28
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	4	48	2	47	3	40
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	9	78	2	92	4	95
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	4	25	12	54	9	25
96	F04	Máy thủy lực dẫn nở thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	2	22	1	26	8	17
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	2	0	3	4	8
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	11	134	7	150	18	187
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	4	0	10	0	7
100	F21	Chiếu sáng	1	17	1	15	0	17
101	F22	Sinh hơi	0	3	0	12	0	3
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	9	41	1	64	1	28
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	5	15	8	24	3	40
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hoá lỏng hay hoá rắn các chất khí	2	12	0	24	0	31
105	F26	Sấy	0	3	9	3	2	5
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	4	0	24	0	28
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	2	0	17	0	17
108	F41	Vũ khí	0	1	1	1	1	1
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	1	1	0	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	3	72	8	107	9	132
112	G02	Quang học	0	34	1	27	0	32
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	32	0	16	3	40
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	1	0	1	0	1
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	2	5	1	15	0	8
116	G06	Tính toán; Đếm	2	57	5	127	6	147
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	5	0	18	0	8

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
2	40	0	32	1	30	4	30	0	56	2	60	1	38	1	90
0	4	0	14	0	12	2	7	0	11	0	21	0	8	0	16
0	12	0	5	0	3	0	11	0	26	1	19	3	37	0	17
0	18	0	25	0	36	0	47	0	58	0	70	1	87	0	80
0	8	0	29	0	24	0	15	1	33	0	29	0	35	0	31
3	57	0	63	0	95	2	71	11	86	0	158	17	130	4	127
0	5	0	2	0	0	0	0	0	6	0	2	0	5	0	6
0	50	0	34	0	30	1	46	0	29	0	63	0	79	0	69
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	26	2	20	0	26	6	16	6	17	7	24	7	32	4	48
19	49	9	52	16	58	42	36	27	71	37	57	38	80	15	71
6	24	6	26	7	37	12	20	27	28	12	31	4	36	5	19
18	108	21	77	19	82	38	94	40	84	28	96	19	194	22	187
4	24	0	18	6	23	2	22	1	29	6	38	4	42	2	56
3	8	3	8	0	41	3	18	7	31	4	35	1	30	7	45
1	44	0	45	2	51	7	37	7	37	8	19	1	30	2	47
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	75	9	80	8	51	1	38	10	42	1	67	1	71	3	70
0	114	8	122	4	127	10	107	16	114	3	104	5	95	8	151
12	32	17	35	21	18	21	19	19	28	29	35	12	27	23	30
2	48	7	20	6	22	1	19	4	47	5	82	5	51	14	58
1	0	0	9	0	3	0	7	0	11	3	16	0	27	3	44
18	144	21	191	18	215	22	112	10	173	7	238	14	297	10	361
0	14	0	10	0	16	0	11	2	4	0	19	0	12	1	12
0	34	6	24	3	31	4	21	1	43	3	55	11	38	8	182
0	7	0	21	0	28	0	15	2	16	1	8	6	13	5	13
7	46	6	61	13	44	24	36	5	46	10	32	8	31	12	51
14	31	3	31	7	55	9	59	5	49	7	72	7	112	3	148
2	40	1	28	2	30	2	54	5	74	5	94	2	53	5	72
2	12	4	19	7	16	6	10	9	11	4	21	1	35	2	24
1	54	1	38	0	56	3	45	0	33	1	33	0	42	1	32
1	15	2	15	0	18	1	6	0	22	0	38	3	52	0	32
6	2	1	2	0	0	1	3	1	8	4	5	3	4	2	8
0	0	0	3	0	2	0	2	1	0	0	0	3	6	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	94	11	104	24	153	32	132	23	206	100	233	41	229	60	371
0	46	1	50	0	57	1	110	8	174	9	189	11	248	12	256
3	36	3	87	3	70	1	87	9	65	5	81	2	107	0	99
0	0	0	3	0	1	0	1	0	1	0	0	0	12	0	7
1	8	1	20	3	17	3	12	3	25	5	35	4	39	3	48
14	156	33	210	20	221	24	281	30	276	47	400	36	649	52	801
3	12	0	39	1	35	1	45	4	30	6	68	2	42	3	25

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
118	G08	Phát tín hiệu	1	6	2	6	1	12
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	1	10	1	6	0	13
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	1	17	0	31	2	16
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	52	0	77	0	55
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	1	0	0	1	6
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	6	122	6	158	5	240
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	6	57	5	49	4	85
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	12	0	20	3	14
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	1	563	5	1005	5	627
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	3	17	3	33	2	43
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
3	8	3	13	6	41	9	30	4	43	5	43	8	37	5	63
2	14	4	26	5	27	1	33	5	42	5	43	8	100	5	108
3	32	1	31	4	10	3	113	3	204	3	86	3	52	1	60
0	66	0	28	0	19	0	13	1	20	0	10	2	9	0	23
0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
0	13	1	24	0	7	0	15	0	32	1	27	0	11	0	27
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	232	9	240	17	242	5	308	10	377	40	412	28	642	44	743
5	104	7	107	9	121	16	110	12	163	25	166	16	185	23	256
2	33	6	18	0	23	0	21	0	38	5	59	8	25	5	64
9	510	15	591	10	635	15	897	11	1081	51	1122	37	1408	50	2732
2	66	1	77	3	112	2	101	7	91	3	79	5	163	8	160
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Số lượng đơn giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2009 - 2019 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Utility solution applications by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2009 to 2019 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bản; Đặt bẫy; đánh cá	13	8	22	4	18	0
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	1	0	2	3	0	0
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	1	0	0	0	1
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	8	0	12	3	9	0
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	2	0	0	1	0
6	A41	Quần áo	1	2	0	1	1	0
7	A42	Mũ nón	0	5	0	1	3	1
8	A43	Sản xuất giấy dếp	0	3	1	6	4	11
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	2	0	2	0	1
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	0	1	0	1	1	0
11	A46	Đồ dùng để chải	0	0	0	0	0	0
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	19	12	19	6	9	3
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	13	2	28	1	24	2
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	1	0	5	0	4	5
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	0	3	2	4	0	3
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	1	1	5	2	6	6
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	1	2	1	0	2	0
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	4	0	0	0	1	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
16	5	30	5	47	12	40	21	33	15	49	21	38	10	69	7
1	0	0	1	0	0	3	0	1	0	0	0	2	0	1	0
0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	0	8	3	20	0	37	5	20	2	21	0	35	4	56	0
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	1	0	0	5	0	0	1	0	1	3	7	2	7	3	1
4	0	0	1	0	0	2	0	0	1	0	0	3	0	0	1
0	12	0	10	1	17	0	21	0	21	0	14	2	8	1	16
0	2	0	1	0	0	1	1	0	1	0	6	0	0	1	1
1	0	4	2	1	4	1	2	4	1	1	2	1	1	0	0
0	0	1	3	0	0	1	0	0	0	1	2	0	0	0	5
9	4	10	8	7	4	7	22	7	12	16	13	9	19	13	22
20	6	17	9	24	7	25	24	32	4	35	11	49	11	61	45
0	1	0	0	0	1	0	0	4	0	2	0	0	2	7	0
4	0	8	3	4	5	0	0	0	1	1	1	2	15	4	5
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	9	19	2	22	6	7	12	17	5	11	5	19	7	11	4
3	0	2	0	1	1	2	3	3	0	1	1	4	0	1	4
3	0	0	0	4	0	0	0	1	0	3	0	1	0	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	3	0	0
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	2	0	1	2	1	1
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	0	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất lỏng; phân loại	1	0	1	0	0	0
24	B08	Làm sạch	3	0	0	0	0	0
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	1	0	1	0	0	0
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	1	0	0	0	1
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	0	1	0	0	0
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	0	4	1	0	11	1
29	B24	Mài; đánh bóng	1	0	0	0	0	0
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	4	1	0	1	3
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	2	0	1	0	0
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	0	1	2	0	2	0
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	1	0	2	0	1	0
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	0	2	1	6	2	8
35	B30	Máy ép	0	0	0	1	0	0
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	0	0	0	0	1
37	B32	Các sản phẩm có lớp	1	4	0	0	0	1
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	0	0	1	1	0
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	0	0	0	3	0
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	0	0	0	0	1	2
42	B44	Nghệ thuật trang trí	2	2	0	0	2	0
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	0	1	4	2	2	4
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	4	0	1	0	0	0
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	2	5	5	3	3	10
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	1	1	3	0	4	0
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	0	0	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	6	6	14	13	3	12
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	2	5	2	2	0	0
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	0	0	0	1	1
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	1	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	0	0	1	0	1	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	6	0	3	0	2	1
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	2	1	4	1	14	0
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	0	0	1	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	1	0	0	0	7	0	0	0	0	0	0
0	2	4	0	0	8	3	2	0	1	3	1	5	0	2	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	1	0	2	0	2	0	0	2	2	0	7	3	0	0
0	0	2	0	0	1	1	0	0	0	3	0	2	0	4	3
3	0	0	0	1	1	2	0	2	0	1	0	2	0	3	0
1	0	4	0	0	0	1	2	3	6	1	0	0	1	5	1
0	0	0	0	0	4	2	0	0	0	0	0	2	0	1	0
0	0	4	0	2	0	4	6	0	2	0	9	0	3	4	10
0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0
0	1	0	1	1	0	1	6	2	1	0	0	3	5	1	7
0	1	1	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0
2	0	2	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	1
0	0	3	0	2	0	8	1	4	0	4	1	4	0	1	0
1	2	4	7	1	3	3	12	1	20	2	6	1	4	3	4
3	0	0	0	2	0	0	0	0	1	1	0	1	0	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	2
0	2	1	1	0	2	3	3	5	3	0	4	1	2	1	6
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	2	0	3	0	2	2	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
0	1	0	0	0	1	0	2	0	0	0	1	0	2	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	6	0
3	1	6	7	3	10	1	4	2	7	3	17	1	9	7	9
2	0	0	0	0	0	2	0	3	0	0	2	3	0	0	0
5	17	3	5	1	7	2	13	0	16	1	12	4	4	1	8
2	0	1	0	1	0	11	1	2	0	6	0	3	2	2	1
1	0	1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0
5	19	24	19	8	15	6	15	6	16	8	15	13	19	10	25
3	3	2	0	1	1	0	0	0	4	0	6	2	0	8	0
1	0	0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	2	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	2	0	1	0	2	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	0	7	0	5	0	5	0	10	0	8	0	8	1	15	0
14	2	11	0	11	0	31	6	17	1	22	2	28	9	19	4
0	1	1	1	0	1	3	0	4	0	1	0	1	3	4	2

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	0	0	3	0	4	1
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	0	0	0	0	3	0
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	0	0	3	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	0	0	5	0	4	1
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	1	0	7	0	0	1
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	0	4	2	0	0	0
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	3	0	4	0	6	0
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	2	0	0	0	2	1
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	9	0	11	0	20	4
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	0	0	0	0	0
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	0	0	2	0
69	C21	Luyện gang, thép	1	1	2	0	0	1
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	1	0	4	0	0	1
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp ma phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	0	0	3	0	1	3
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	0	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phần lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	0	0	0	0	2
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	0	0	0	0	0
78	D03	Dệt	0	0	0	0	0	0
79	D04	Sự đan tết; sản xuất đăng ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	1	0	0	2	0	0
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cảm lông	0	0	0	2	0	3
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	0	0	3	0	1
82	D07	Dây cáp, dây chấu hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	0	0	4	0
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	4	0	0	0	1	0
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	1	3	0	1	3	0
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	3	9	9	2	6	3
87	E03	Cấp nước; thoát nước	0	1	1	0	7	0
88	E04	Công trình xây dựng	8	1	13	1	16	5
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	2	0	3	1	9
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	7	4	0	5	3	5
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	2	0	0	0	0	0
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
5	0	4	0	3	0	5	5	13	0	11	0	15	2	14	0
3	0	1	1	12	0	7	0	16	0	12	0	11	0	11	0
1	0	1	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	1	0
7	0	27	0	13	1	16	0	13	0	33	1	20	1	23	2
5	0	8	6	2	1	7	0	6	4	6	3	3	0	17	2
4	4	1	0	2	1	6	0	4	0	11	1	4	0	7	1
11	0	8	0	8	0	6	0	2	0	3	0	12	0	3	0
1	0	2	0	4	0	10	12	1	0	0	0	6	1	10	0
22	3	12	0	9	0	26	0	37	0	21	0	51	1	65	1
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0
0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1
1	0	8	0	3	0	5	0	2	0	2	0	0	0	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2
2	0	6	0	0	1	3	0	2	0	0	0	2	1	2	2
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	3	0	0	0	0	2	0	3	3	0	0	0	9	0	0
0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0
0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0
0	0	0	3	0	1	0	5	0	1	0	0	0	0	0	4
0	3	0	3	0	3	0	5	0	3	0	1	0	16	0	5
1	0	2	2	1	1	0	4	3	0	0	2	7	7	1	0
0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	2	1	0	5	1	4	0	4	0	4	0	2	5	2	8
1	3	13	1	5	3	15	3	17	0	13	1	40	1	32	3
3	0	3	2	9	3	2	1	20	1	7	0	23	0	17	0
13	3	12	1	9	4	10	6	11	1	21	11	20	3	18	9
2	0	4	4	5	0	1	2	2	11	2	2	2	4	5	0
9	2	11	0	7	0	3	1	12	7	2	0	1	2	12	12
1	0	0	0	1	0	6	0	2	1	0	0	2	2	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	0	1	0	0	0	2
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	0	1	4	0	0	0
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	0	3	1	4	5	1
96	F04	Máy thủy lực dân nỡ thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	0	4	4	3	3	3
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	1	0	0	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	1	9	9	9	11	4
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	2	0	0	0	0	3
100	F21	Chiếu sáng	0	3	0	0	0	0
101	F22	Sinh hơi	0	0	2	4	0	1
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	4	0	4	2	6	1
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	1	5	9	0	2	5
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hoá lỏng hay hoá rắn các chất khí	1	0	2	0	0	0
105	F26	Sấy	1	0	9	0	1	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chung [4]	0	0	0	0	1	2
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	0	0	0	0	0
108	F41	Vũ khí	0	0	0	0	0	1
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	4	2	8	6	2	4
112	G02	Quang học	0	6	1	1	0	0
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	0	0	0	0	0
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	0	0	0	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	1	2	0	0	1	1
116	G06	Tính toán; Đếm	0	9	4	8	3	11
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	0	1	0	0	2
118	G08	Phát tín hiệu	0	2	1	0	1	0
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	0	4	1	1	5	0
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	0	2	0	0	2
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	0	0	3	0	0
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	2	5	4	4	3	6
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	1	4	6	1	3	5
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	3	0	0	0	1	0
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	1	1	0	0	1	4
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	1	1	0	0	0	1
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	0	1	3	0	1	0	0	2	0	0	1	0	1	0	0
1	0	2	2	5	1	0	0	3	0	4	2	0	1	2	2
1	2	0	2	5	1	4	0	3	1	2	1	1	1	1	2
2	3	1	0	1	3	1	8	4	1	4	4	0	2	1	3
0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	1	0	1	1	0
6	0	6	2	0	11	2	7	4	3	6	10	11	9	8	12
0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	2	0	2
1	2	9	4	1	3	5	0	2	1	4	3	4	11	7	0
0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	4	0	0	2	0	0
2	2	9	0	16	0	9	1	5	5	13	1	8	0	6	2
6	6	6	0	6	3	9	2	3	5	4	7	1	9	9	7
4	0	2	0	0	1	5	0	0	1	1	4	1	2	1	1
13	0	3	0	3	0	5	0	1	0	0	1	3	0	0	1
1	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	3	0	4	0
0	1	0	0	0	1	3	1	0	1	0	0	0	0	1	2
0	0	0	0	5	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0
2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	1	5	3	11	4	14	0	32	4	10	4	11	8	33	9
0	0	0	0	0	2	1	1	0	1	0	0	0	0	11	3
0	0	0	1	0	0	0	1	3	0	1	0	0	3	1	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	0	3	0	1	0	1	0	8	0	2	2	9	0	12	2
2	4	9	2	22	0	4	2	20	4	12	9	19	13	27	20
1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1
2	0	3	2	4	4	8	0	9	0	9	0	3	0	8	1
1	1	2	1	0	0	2	0	4	8	4	0	3	4	3	2
0	0	0	0	3	1	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	8	7	10	8	11	5	5	13	13	10	6	4	20	15	25
1	3	9	6	3	5	4	0	14	7	0	4	11	10	16	12
0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	3	0
3	0	5	0	17	1	5	2	15	1	7	2	7	4	21	1
0	2	1	5	2	3	2	1	3	2	6	0	6	4	6	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Số lượng bằng sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2009 - 2019 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC)/Invention Patents granted by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2009 to 2019 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bản; Đặt bẫy; đánh cá	2	41	1	50	1	158
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	0	0	1	0	1
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	0	0	2	0	2
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	5	32	2	43	3	66
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	1	0	7	0	3
6	A41	Quần áo	0	2	1	3	0	3
7	A42	Mũ nón	0	0	0	0	0	6
8	A43	Sản xuất giấy dệp	0	6	2	11	0	13
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	0	0	4	0	3
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	0	0	0	2	0	0
11	A46	Đồ dùng để chải	0	15	0	17	0	11
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	0	3	0	6	1	18
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	5	590	11	519	1	785
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	0	0	0	0	4	0
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	2	4	1	5	3	1
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	0	19	0	36	1	31
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	1	1	0	1	1	5
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	0	3	0	0	1	0
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	0	0	0
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	0	4	0	4	0	7
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	1	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	0	0	0	0	0	1
24	B08	Làm sạch	0	0	0	5	0	1
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	0	1	0	1	1	0
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	11	0	10	0	23
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	14	0	9	0	19
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	0	7	0	8	1	13
29	B24	Mài; đánh bóng	0	3	0	5	0	0
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	3	0	2	0	9
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	0	1	1	0	6
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	0	4	0	2	1	1
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	0	2	2	2	0	8
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	0	21	0	33	0	17
35	B30	Máy ép	0	0	0	0	0	3
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	1	0	0	0	1
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	17	0	21	0	21

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
3	83	19	116	6	156	8	172	1	177	4	198	23	328	17	480
0	0	3	3	0	8	0	0	0	0	0	1	0	1	0	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	5	0	0
1	22	1	64	4	42	1	51	2	78	2	67	5	112	15	138
0	6	0	2	0	2	0	3	0	2	0	0	0	9	0	38
0	3	0	11	0	10	0	6	0	4	1	3	0	7	1	17
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	5	1	12
0	10	0	20	0	24	0	26	0	23	0	48	7	53	0	98
1	2	0	3	0	5	0	4	0	1	0	6	0	7	0	39
0	3	0	6	0	7	0	4	3	3	0	7	0	5	0	6
0	6	0	26	0	25	0	12	0	3	0	5	1	10	0	13
0	10	6	25	2	5	6	11	6	17	9	25	15	40	4	45
4	656	8	758	6	766	11	810	7	791	5	1112	31	1163	27	1576
2	1	0	2	0	1	0	1	2	8	0	2	0	10	3	9
5	3	1	13	0	3	0	4	1	7	1	7	11	26	0	13
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	73	6	75	3	88	3	69	2	77	6	85	19	98	13	288
1	3	2	6	0	9	0	10	4	10	4	3	2	2	0	14
3	2	1	7	0	10	0	1	1	6	0	5	1	1	0	16
0	3	0	0	0	8	0	2	1	2	2	1	1	2	0	3
1	13	1	19	0	14	2	20	0	19	0	16	1	30	3	25
0	0	0	0	0	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0
0	1	0	2	0	3	0	0	1	0	0	2	0	0	0	8
0	2	0	0	0	1	0	2	0	0	0	5	0	2	0	21
1	3	0	7	0	6	0	3	0	2	6	3	4	7	3	19
0	15	0	21	0	30	0	19	0	12	0	31	5	50	0	60
0	4	0	20	0	15	1	25	0	14	0	10	0	9	0	52
0	27	0	18	0	22	0	25	0	37	0	36	5	14	5	39
0	5	1	6	0	6	0	27	0	11	0	14	1	21	0	12
0	3	0	6	0	4	0	4	0	3	0	12	1	4	2	14
0	4	0	0	0	0	0	10	0	5	0	6	1	4	1	10
0	2	0	2	0	2	0	10	1	7	1	4	4	5	5	12
0	2	0	12	1	1	0	7	0	2	0	1	2	5	0	7
0	24	1	38	0	41	0	25	5	53	4	28	3	70	0	121
0	1	0	1	0	2	0	1	0	4	0	4	0	0	1	1
0	0	0	3	0	2	0	1	0	0	0	1	0	9	0	2
0	24	0	45	1	47	0	35	3	38	1	31	0	46	0	111

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	8	0	9	0	27
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	3	0	4	0	3
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	0	1	0	4	0	2
42	B44	Nghệ thuật trang trí	0	6	0	0	1	2
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	0	17	1	26	2	17
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	0	0	0	0	1	2
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	0	45	0	50	2	53
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	0	2	0	11	0	14
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	0	0	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	2	31	0	38	0	50
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	0	4	0	9	0	7
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	2	0	4	0	1
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	1	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	1	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	1	0	0	0	0	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	8	4	0	10	1	15
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	1	8	0	7	4	17
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	0	3	0	3	0	7
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	0	13	6	16	7	8
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	0	0	0	0	2	3
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	0	0	0	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	1	444	9	445	4	502
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	0	49	3	48	0	75
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	0	34	0	21	1	26
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	2	9	0	14	2	36
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	0	37	0	48	0	60
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	2	43	1	50	1	60
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	0	0	1	0	0
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	0	0	0	2
69	C21	Luyện gang, thép	0	6	0	5	0	5
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	5	8	0	5	0	16
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	1	3	0	1	0	8
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	1	0	2
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	11	0	8	0	17	0	25	0	21	3	23	4	23	0	49
0	2	0	4	0	2	0	3	0	3	0	11	0	7	0	5
0	1	0	1	0	2	1	1	0	6	0	3	6	4	6	0
1	1	0	1	0	1	0	4	0	2	0	1	2	8	0	1
3	23	1	38	0	54	5	54	1	35	2	75	6	82	3	95
0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	6	1	10	1	11
2	80	8	127	6	109	2	173	2	127	2	265	2	259	0	250
0	19	1	3	0	21	0	15	4	20	3	38	4	12	3	13
0	1	3	0	0	0	1	0	1	2	0	5	10	3	0	0
1	38	0	60	1	49	7	83	2	101	6	158	9	227	5	143
0	3	0	7	0	6	0	1	3	5	11	9	3	12	0	19
0	1	0	2	0	0	1	1	0	10	0	8	1	10	0	13
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0
0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	3	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	27	0	14	1	25	0	19	0	16	5	16	2	23	0	27
12	33	3	47	0	39	0	31	2	26	5	28	6	40	13	98
0	14	0	4	0	12	1	17	0	16	0	10	1	18	6	35
6	18	1	27	4	16	3	16	6	21	1	16	7	27	0	46
0	4	1	4	0	1	0	2	2	5	1	5	1	14	1	25
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	588	5	554	4	456	11	390	5	433	16	670	24	722	19	917
0	124	0	79	0	110	0	74	6	100	12	120	0	126	8	256
2	49	2	91	0	65	0	56	1	99	2	55	1	99	4	108
0	35	2	70	0	91	3	74	3	135	4	109	10	117	16	158
0	33	0	70	0	55	0	73	0	97	0	102	8	22	2	114
1	62	1	128	5	106	5	68	4	86	9	72	19	134	21	202
0	4	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	6	0	5
0	3	0	1	0	0	0	2	0	2	0	0	0	5	0	1
0	35	1	16	0	37	1	27	0	32	0	28	1	19	0	59
0	13	1	16	0	46	4	42	3	85	2	33	0	21	6	106
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	71
0	16	3	7	0	13	0	15	1	28	0	7	3	17	2	33
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	4	0	11	0	17
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	0	0	2	0	1
78	D03	Dệt	0	0	0	2	0	2
79	D04	Sự đan tết; sản xuất đăng ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	1	0	11	0	5
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cảm lông	0	1	0	0	0	0
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	1	0	20	0	11
82	D07	Dây cáp, dây chèo hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	0	0	0	0
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	0	3	0	6	0	5
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	2	6	0	4	0	1
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	4	8	2	8	0	15
87	E03	Cấp nước; thoát nước	1	4	0	4	2	6
88	E04	Công trình xây dựng	6	13	3	11	0	15
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	3	0	13	1	2
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	0	5	0	3	0	4
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	6	1	13	0	9
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	0	9	1	19	2	25
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	0	27	3	27	5	40
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phân lực, không thuộc các đề mục khác	1	11	0	0	3	8
96	F04	Máy thủy lực dân nỡ thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	1	3	1	2	0	20
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	0	0	0	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	4	45	0	30	7	81
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	1	0	1	0	4
100	F21	Chiếu sáng	0	1	0	3	0	8
101	F22	Sinh hơi	0	0	0	3	0	7
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	0	9	0	3	0	10
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	0	4	0	7	1	10
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hoá lỏng hay hoá rắn các chất khí	0	0	0	7	0	4
105	F26	Sấy	0	0	0	1	0	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chung [4]	2	3	0	3	0	0
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	5	0	1	0	4
108	F41	Vũ khí	0	0	0	0	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	0	20	2	27	1	41
112	G02	Quang học	0	11	0	16	0	15
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	11	0	12	0	17
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	0	0	2	0	1

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	3	0	20	0	5	0	14	0	21	3	13	0	15	0	28
0	4	0	1	0	2	0	0	0	1	0	15	0	5	0	11
0	6	0	0	0	5	0	1	0	15	0	1	0	1	0	11
0	7	0	15	0	6	0	3	0	11	0	9	0	36	0	38
0	2	0	7	0	2	0	5	0	2	0	11	0	16	1	35
0	34	0	53	0	45	0	32	0	33	0	16	0	53	9	78
0	2	0	3	0	8	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2
0	1	0	5	0	10	4	23	0	14	1	13	0	29	0	40
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	4	0	5	0	11	2	5	2	10	2	16	0	19	3	8
5	10	4	33	1	32	8	33	6	32	22	31	25	43	9	28
0	3	1	2	2	4	4	2	1	10	5	5	6	8	9	24
4	34	10	15	9	36	5	49	4	41	4	59	33	73	11	66
2	18	2	10	3	19	4	15	4	9	1	12	5	16	5	28
0	6	0	9	0	12	0	4	0	7	0	13	1	19	0	34
0	8	0	11	0	30	0	10	0	10	0	22	3	36	2	28
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	42	0	30	1	52	1	31	3	34	2	57	1	54	0	58
0	53	5	65	4	73	2	66	6	65	2	75	5	94	3	109
0	6	2	5	1	24	3	6	2	20	2	17	12	4	25	18
1	8	0	3	0	7	1	16	1	20	1	15	3	33	3	12
0	1	0	1	2	6	0	0	2	3	0	4	1	2	1	5
0	62	3	57	0	96	13	74	11	106	7	146	11	124	8	136
0	0	0	4	0	5	0	5	0	5	0	7	0	12	0	5
0	5	0	5	0	3	0	6	2	11	1	7	5	34	0	18
0	0	0	3	0	4	0	2	0	10	0	14	0	8	0	11
2	3	4	7	1	22	0	22	0	28	5	25	2	47	5	27
0	9	2	6	0	8	1	14	3	11	4	13	5	55	1	22
1	5	0	3	0	3	0	12	0	7	0	4	0	16	0	30
0	0	0	0	0	0	0	0	2	7	5	17	0	8	0	2
0	12	0	9	0	9	0	22	0	8	1	22	0	12	0	17
0	8	0	5	0	4	0	10	0	5	0	8	0	15	0	13
0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	1	0	0
1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	27	0	41	0	41	2	39	3	32	11	46	18	63	19	78
0	7	0	9	0	10	1	13	0	17	0	29	3	54	8	61
0	13	0	12	0	17	0	14	1	22	7	41	2	41	1	104
0	0	0	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	1	2	0	2	0	0
116	G06	Tính toán; Đếm	0	23	0	17	1	24
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	2	0	0	0	2
118	G08	Phát tín hiệu	0	0	1	0	1	3
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	0	6	0	5	0	4
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	1	0	3	0	9
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	24	0	17	0	15
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	1	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	1	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	2	40	1	72	1	51
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	0	14	0	15	0	26
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	1	0	0	0	6
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	0	106	2	129	3	129
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	0	9	0	10	2	5
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
5	4	0	2	0	8	0	6	0	3	0	6	2	3	1	12
0	23	0	28	1	43	2	66	3	61	3	107	6	113	9	166
0	1	0	2	0	5	0	14	0	15	0	13	1	28	1	29
0	3	0	0	0	2	0	7	0	7	0	3	3	18	2	16
1	0	0	3	0	0	0	3	2	5	0	15	2	20	1	25
0	10	0	7	0	7	0	24	0	8	1	22	1	36	7	37
0	17	0	8	0	20	0	18	0	38	0	17	0	27	0	21
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	2	0	0	0	4	0	7	0	1	0	6	1	12
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	77	3	44	1	50	1	75	2	95	5	125	4	92	14	191
0	28	0	27	1	25	0	35	1	38	5	49	3	97	10	57
0	5	0	10	0	7	1	17	0	15	0	19	0	19	3	31
0	201	0	249	0	363	2	403	0	307	2	355	4	483	12	648
1	12	0	13	0	11	1	9	0	10	0	18	1	44	0	66
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Số lượng bằng giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2009 - 2019 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Utility solution patent granted by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2009 to 2019 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bản; Đặt bẫy; đánh cá	8	3	9	3	10	3
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	0	0	0	1	0
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	0	0	0	0	0
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	1	0	7	0	2	0
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	0	0	0	0	0
6	A41	Quần áo	0	2	0	0	0	0
7	A42	Mũ nón	0	0	0	0	0	0
8	A43	Sản xuất giấy dếp	0	1	0	0	0	5
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	1	0	0	0	0
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	4	0	2	0	0	0
11	A46	Đồ dùng để chải	0	1	0	0	0	0
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	2	0	0	0	11	2
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	8	0	0	0	4	0
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	1	0	0	0	2	0
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	0	0	0	0	0	0
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	7	0	0	0	2	1
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
5	3	15	0	11	1	10	2	12	0	25	0	56	5	61	10
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	4	4	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	0	4	1	3	0	8	0	10	4	10	0	45	5	29	0
0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	3	0
0	0	0	1	3	0	3	0	0	0	0	1	2	0	1	0
0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	1	0	12	0	27
0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0
0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	1	4	2	1	1	10	0	11	2	5	2	12	1	5	12
6	0	12	2	11	0	18	2	10	8	16	2	56	4	33	17
3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	0	0
0	2	0	1	0	0	2	0	0	3	0	0	12	2	1	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	2	4	12	0	7	0	6	1	13	1	20	6	11	4
2	2	1	0	0	0	2	2	0	0	0	0	3	0	1	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	0	0	0	0	2	0
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	0	0	0
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	0	0	0	1	0	2
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	0	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất lỏng; phân loại	0	0	1	0	0	0
24	B08	Làm sạch	0	0	0	0	0	0
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	0	0	1	0	0	0
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	0	0	0	0	0
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	5	0	0	0	0
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	0	0	0	3	0	1
29	B24	Mài; đánh bóng	1	1	0	0	1	0
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	0	0	1	0	0
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	2	1	0	1	0	0
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	1	0	2	0	0	0
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	0	0	1	0	1	0
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	1	0	0	0	0	0
35	B30	Máy ép	0	0	0	0	0	0
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	0	0	0	0	0
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	0	0	0	0	0
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	0	0	0	0	6
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	0	0	0	0	0
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	0	0	3	0	0	0
42	B44	Nghệ thuật trang trí	0	0	0	1	0	0
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	0	0	0	4	0	1
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	0	0	0	0	4	0
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	0	3	1	2	0	1
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	5	0	0	1	0	0
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	0	0	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	0	1	1	2	2	0
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	0	0	2	0	3	0
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	0	0	0	0	0
51	B68	Nghề làm yếm cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	0	0	0	0	0	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	11	0	0	0	0	0
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	1	2	6	0	2	0
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	0	0	0	0	0	0
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	0	0	1	0	1	0
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	0	0	0	0	5	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	2	3	1	0	0	0	0	0	1	1	2	3	3	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	2	0	1	0	2	0
0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	5	0
0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	5	0	1	0
0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	4
11	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	2	0	1	0	4	1	0	0	0	0	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	2	0	6	0	2	0
2	5	0	2	3	1	2	0	0	0	1	0	1	9	0	5
0	0	0	0	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0
0	0	0	5	2	0	0	0	2	0	0	1	2	1	1	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	5	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	4	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	1	0	0	0	2
0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0
1	1	0	0	0	2	2	0	2	1	4	3	1	2	4	2
0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0
2	0	2	0	3	1	2	1	1	0	3	3	1	2	3	6
2	0	1	0	0	0	7	0	0	0	0	0	5	0	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
1	5	5	1	1	2	2	2	2	3	1	5	16	23	11	11
0	0	0	2	0	0	3	3	0	0	0	2	1	7	3	2
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	2	0	0	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	6	0	3	0	3	0	5	1	9	0	6	0
0	0	3	0	3	0	5	0	8	0	3	0	28	3	13	4
0	0	0	0	0	0	0	1	5	0	0	0	3	0	5	0
0	0	1	0	5	0	1	0	7	0	11	1	8	0	16	0
1	0	0	0	3	0	0	0	9	0	6	0	24	0	10	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	0	0	0	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	0	0	1	0	1	0
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	1	0	2	0	0	0
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	0	0	0	0	0	0
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	1	0	0	0	0	0
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	0	0	2	0	2	0
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	2	0	5	0	3	0
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	0	0	0	0	2
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	0	0	0	0
69	C21	Luyện gang, thép	0	0	0	0	0	0
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	0	0	0	0	0	0
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuyếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	0	0	0	0	0	0
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	0	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phần lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	0	0	0	0	0
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	0	0	0	0	0
78	D03	Dệt	0	0	0	0	0	0
79	D04	Sự đan tết; sản xuất dệt ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	1	0	0	2	0	0
80	D05	Máy; thêu; sản xuất hàng có cảm lông	0	0	0	0	0	0
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	0	0	0	0	0
82	D07	Dây cáp, dây chấu hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	0	0	0	0
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	4	0	0	0	0	0
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	0	0	0	0	0	0
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	0	1	0	0	2	5
87	E03	Cấp nước; thoát nước	2	0	0	0	1	0
88	E04	Công trình xây dựng	1	0	0	3	2	2
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	1	1	0	0	0	0
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	4	1	5	2	0	0
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	0	0	0	0	0
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	0	1	0	0	0	0
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	0	0	3	0	0	0
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	0	0	1	0	0	3

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
1	0	5	0	7	0	3	0	16	0	16	0	29	2	22	3
5	0	1	0	3	0	4	0	7	0	2	5	4	0	7	0
1	0	0	4	0	0	1	0	2	0	1	1	1	0	0	0
6	0	0	0	3	0	14	0	3	0	3	0	11	0	7	0
0	0	2	0	0	0	1	0	5	0	0	0	5	0	3	6
8	0	12	0	5	0	2	0	18	0	2	0	35	3	48	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	5	0	1	0	2	0	0	0	0	0	7	0	7	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3
0	0	1	0	0	0	6	0	0	0	2	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	2	0	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1
0	7	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	2
0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	1	0	6	7	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	3	3	0	0	2	1	1	0	0	0	8	0	2	0
1	0	1	0	0	0	2	2	8	3	5	0	31	3	23	0
0	0	0	2	6	0	2	0	4	0	1	0	16	0	7	0
7	1	17	1	1	0	8	1	3	0	12	1	27	0	9	2
1	1	2	0	0	3	0	0	1	6	0	0	1	0	2	7
3	0	1	0	3	2	1	0	5	0	11	7	13	0	3	1
1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	5	0	0
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	2	5	2	0	0
1	0	1	0	0	1	1	0	1	0	2	1	5	0	1	0

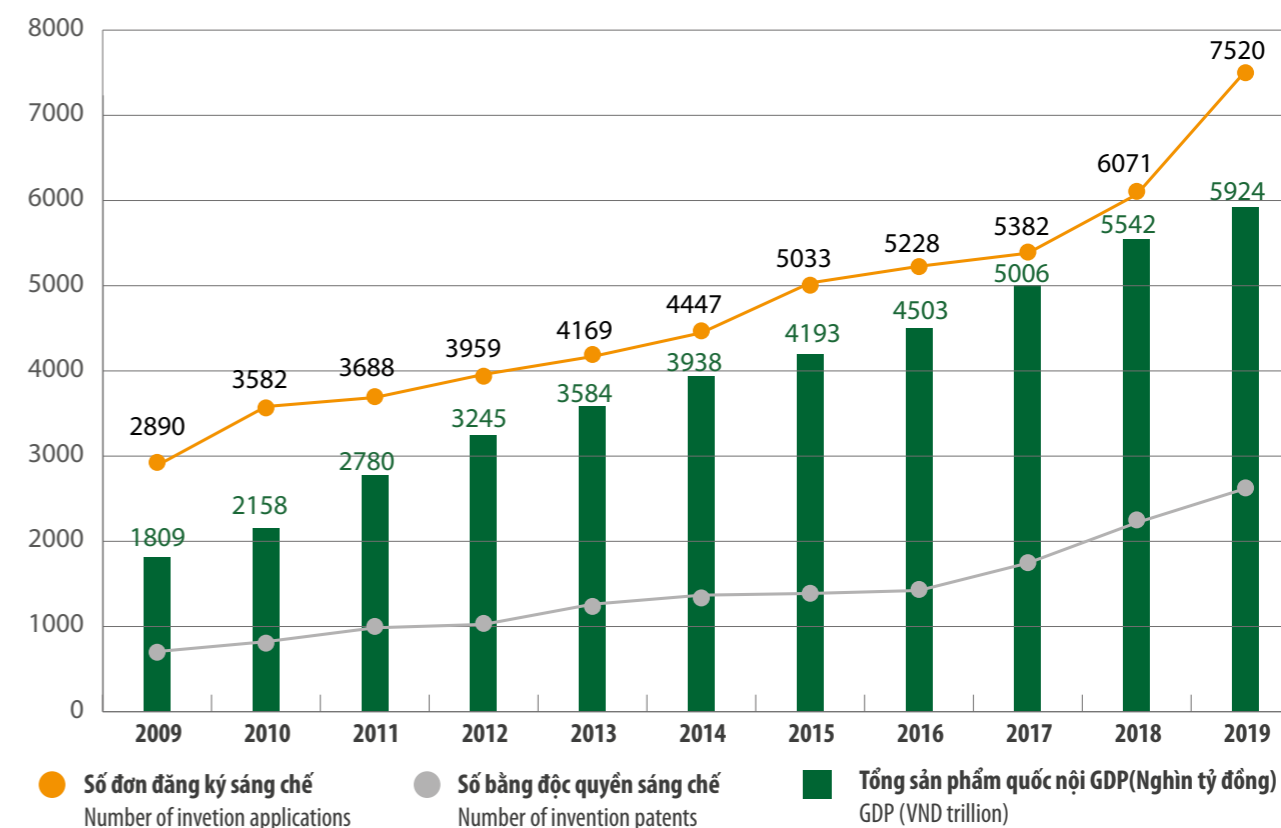
STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/CLASS TITLE	2009		2010		2011	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
96	F04	Máy thủy lực dân nở thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	1	0	0	0	0	1
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	0	0	0	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	0	3	1	3	0	1
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	0	0	0	0	0
100	F21	Chiếu sáng	1	0	0	0	0	0
101	F22	Sinh hơi	0	0	0	0	0	0
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	0	0	0	0	2	0
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	0	0	1	1	2	1
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hoá lỏng hay hoá rắn các chất khí	0	0	0	0	2	1
105	F26	Sấy	1	0	0	0	0	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chung [4]	0	1	0	0	0	0
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	0	0	0	0	0
108	F41	Vũ khí	0	0	0	0	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	1	0	1	0	1	1
112	G02	Quang học	1	0	0	0	0	0
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	0	0	0	0	1
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	0	0	0	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	0	0	0	0	1	0
116	G06	Tính toán; Đếm	0	0	0	2	0	0
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	0	0	0	0	0
118	G08	Phát tín hiệu	0	0	0	0	0	1
119	G09	Giáo dục; Mặt mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	0	0	1	0	0	0
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	0	0	0	0	0
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	0	0	0	0	0
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	0	1	0	2	1	2
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	0	0	0	2	3	0
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	0	0	0	0	0
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	0	0	0	0	0	0
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	0	0	0	1	0	1
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2012		2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
2	0	2	1	0	2	1	2	1	1	0	0	3	2	4	7
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
2	7	0	3	0	0	0	0	11	0	4	1	5	1	3	3
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1
0	1	0	0	0	1	0	0	3	0	2	1	4	1	8	0
1	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0
3	0	1	0	2	0	3	2	0	1	2	0	10	0	6	0
3	0	3	2	1	0	1	0	1	0	3	4	7	0	8	2
0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	5	0	4	0	1	0	1	0	10	0	4	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	4	0
0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	1	2	0	2	0	0	1	6	1	4	0	13	0	30	0
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	6	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	1	1	0	0	1	3	3	1	4	9	1	5	2	16	0
0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	1	3	0	6	0	1	0	2	0
0	0	3	0	3	0	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	3	0	0	1	1	2	5	4	2	2	4	1	4	8	3
0	7	0	1	0	0	0	1	2	0	5	3	7	2	8	4
1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	6	0
0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	3	2	14	0
0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	5	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Mối tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và số đơn, bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2003 – 2019
 / The correlation between GDP and invention applications/patents during 2003-2019

Năm / Year	Số đơn đăng ký sáng chế Number of invention applications	Số Bằng độc quyền sáng chế Number of invention patents	Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Ngàn tỷ đồng) GDP (VND trillion)
2003	1150	774	613
2004	1431	698	715
2005	1947	668	914
2006	2166	669	1062
2007	2860	725	1247
2008	3199	666	1616
2009	2890	706	1809
2010	3582	822	2158
2011	3688	985	2780
2012	3959	1025	3245
2013	4169	1262	3584
2014	4447	1368	3938
2015	5033	1388	4193
2016	5228	1423	4503
2017	5382	1745	5006
2018	6071	2219	5542
2019	7520	2620	5924

(Nguồn GDP: Trích từ số liệu đăng trên trang web của Tổng cục Thống kê - <http://www.gso.gov.vn>)
 (Source: statistics on the General Statistics Office's website - <http://www.gso.gov.vn>)



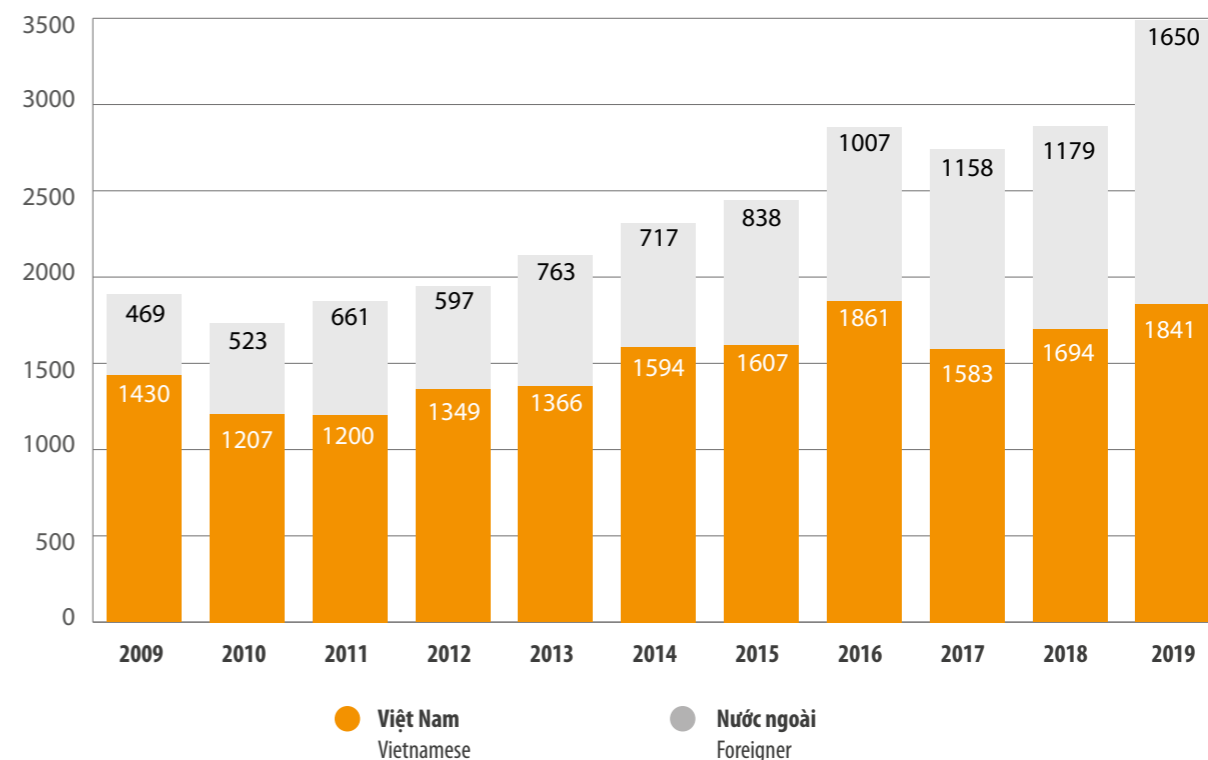
Mối tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và số đơn, bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2009 – 2019
 The correlation between GDP and invention applications/patents during 2009-2019

3. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP/ INDUSTRIAL DESIGN

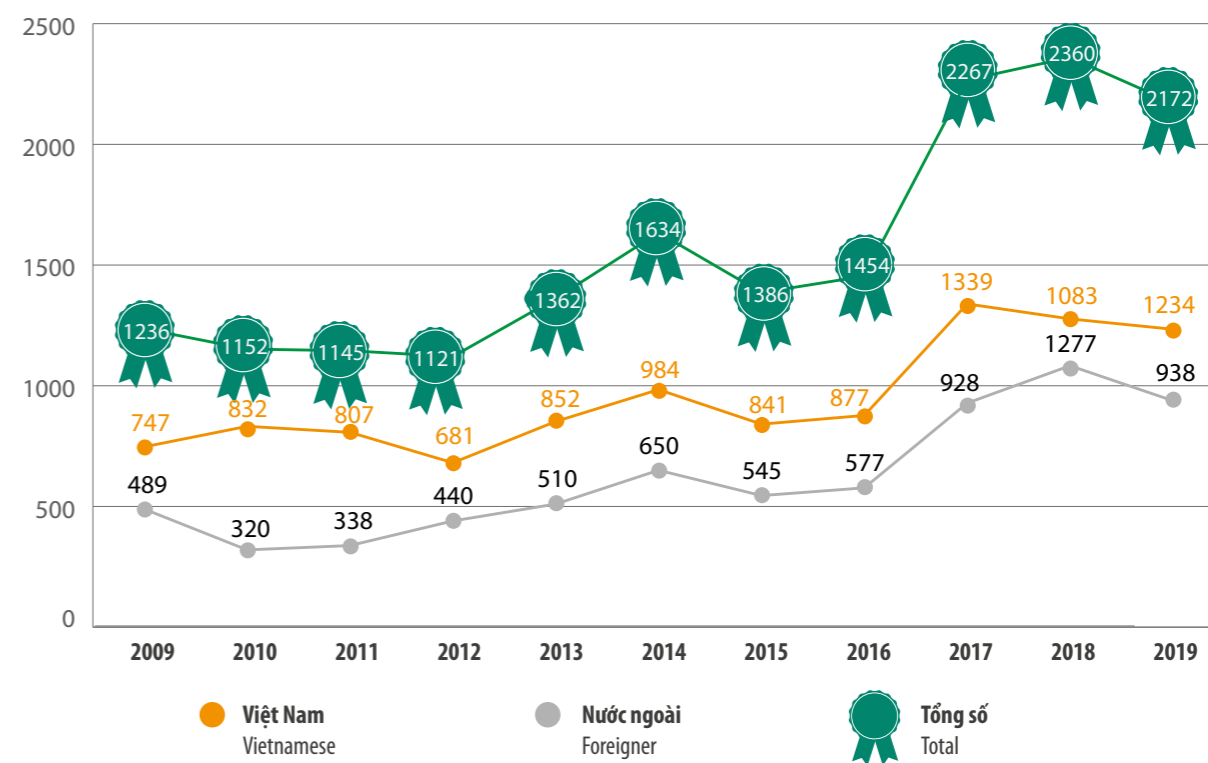
- Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp và bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ 1988 đến 2019

Industrial design applications filed and Industrial design patents granted from 1988 to 2019

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp Filed industrial design applications			Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp Granted industrial design patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
	1988 - 1989	58	8	66	14	0
1990	194	6	200	91	9	100
1991	420	2	422	219	5	224
1992	674	14	688	433	6	439
1993	896	50	946	528	21	549
1994	643	73	716	524	27	551
1995	1023	108	1131	626	85	711
1996	1516	131	1647	798	68	866
1997	999	157	1156	261	62	323
1998	931	126	1057	728	94	822
1999	899	137	1036	841	94	935
2000	1084	119	1203	526	119	645
2001	810	242	1052	333	43	376
2002	595	235	830	368	9	377
2003	447	233	680	359	109	468
2004	686	286	972	412	235	647
2005	889	446	1335	508	218	726
2006	1105	490	1595	678	497	1175
2007	1338	567	1905	896	474	1370
2008	1088	648	1736	908	429	1337
2009	1430	469	1899	747	489	1236
2010	1207	523	1730	832	320	1152
2011	1200	661	1861	807	338	1145
2012	1349	597	1946	681	440	1121
2013	1366	763	2129	852	510	1362
2014	1594	717	2311	984	650	1634
2015	1607	838	2445	841	545	1386
2016	1861	1007	2868	877	577	1454
2017	1583	1158	2741	1339	928	2267
2018	1694	1179	2873	1277	1083	2360
2019	1841	1650	3491	1234	938	2172
Tổng số Total	33027	13640	46667	20522	9422	29944



Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Industrial design applications filed from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner



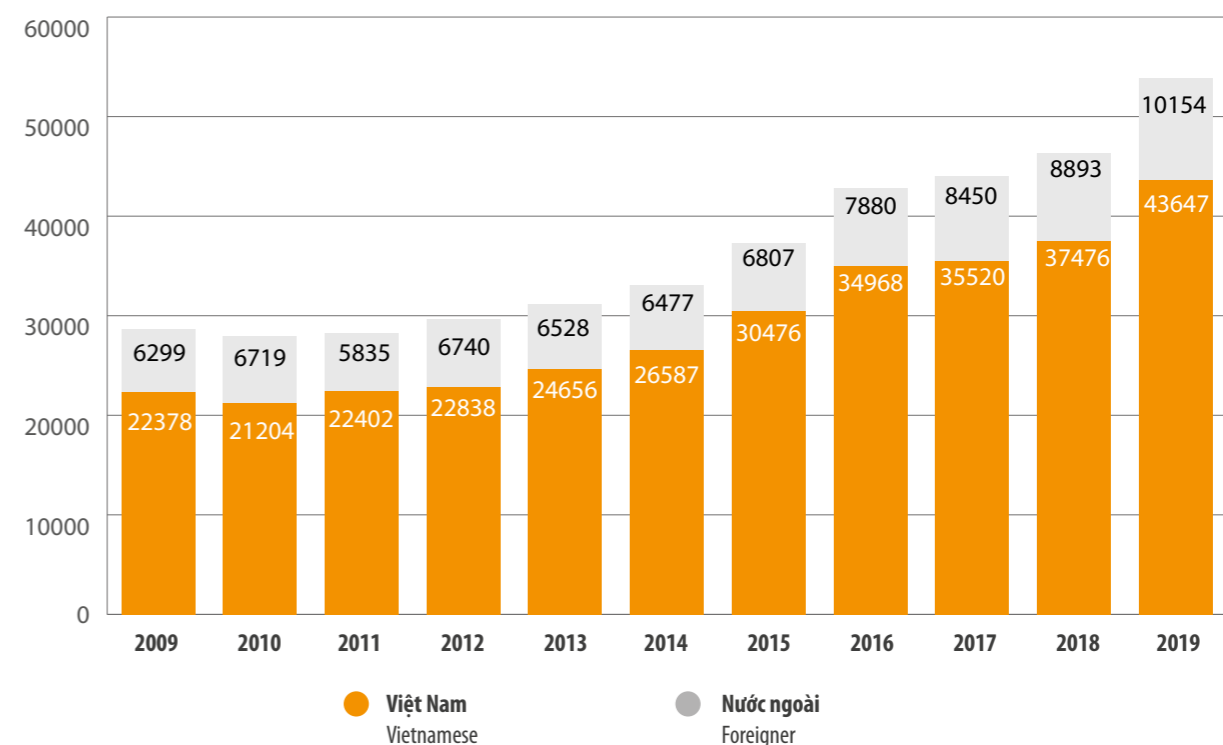
Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Industrial design patents granted from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner

4. NHÃN HIỆU / TRADEMARK

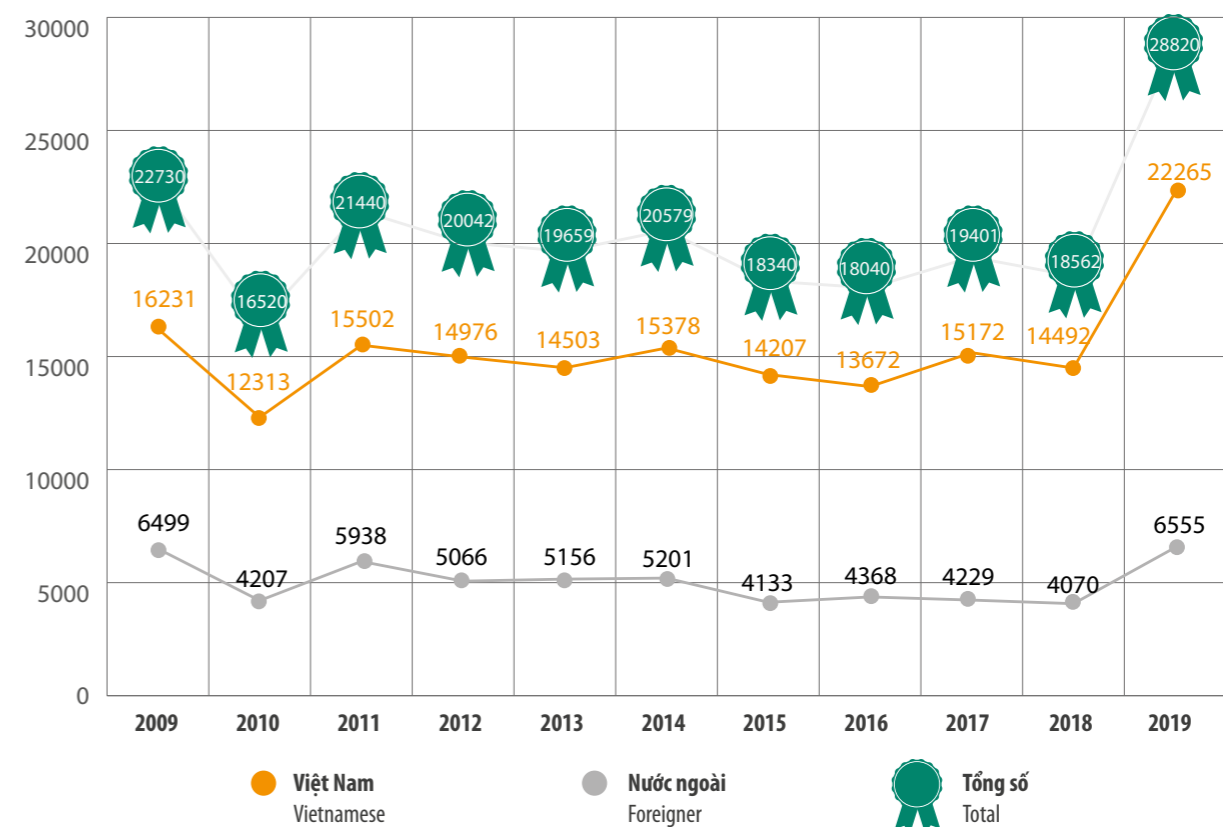
• Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ 1982 đến 2019

National trademark applications filed and Trademark certificates granted from 1982 to 2019

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp Filed national trademark application			Số lượng giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp Granted trademark certificates		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1982-1989	716	1005	1721	380	1170	1550
1990	890	592	1482	423	265	688
1991	1747	613	2360	1525	388	1913
1992	1595	3022	4617	1487	1821	3308
1993	2270	3866	6136	1395	2137	3532
1994	1419	2712	4131	1744	2342	4086
1995	2217	3416	5633	1627	2965	4592
1996	2323	3118	5441	1383	2548	3931
1997	1645	3165	4810	980	1506	2486
1998	1614	2028	3642	1095	2016	3111
1999	2380	1786	4166	1299	2499	3798
2000	3483	2399	5882	1423	1453	2876
2001	3095	3250	6345	2085	1554	3639
2002	6560	2258	8818	3386	1814	5200
2003	8599	3536	12135	4907	2243	7150
2004	10641	4275	14916	5444	2156	7600
2005	12884	5134	18018	6427	3333	9760
2006	16071	6987	23058	6335	2505	8840
2007	19653	7457	27110	10660	5200	15860
2008	20831	6882	27713	15826	7464	23290
2009	22378	6299	28677	16231	6499	22730
2010	21204	6719	27923	12313	4207	16520
2011	22402	5835	28237	15502	5938	21440
2012	22838	6740	29578	14976	5066	20042
2013	24656	6528	31184	14503	5156	19659
2014	26587	6477	33064	15378	5201	20579
2015	30476	6807	37283	14207	4133	18340
2016	34968	7880	42848	13672	4368	18040
2017	35520	8450	43970	15172	4229	19401
2018	37476	8893	46396	14492	4070	18562
2019	43647	10154	53801	22265	6555	28820
Tổng cộng Total	442785	148283	591095	238542	102801	341343



Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
National trademark applications filed from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner



Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ năm 2009 đến 2019 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Trademark certificates granted from 2009 to 2019 by the Vietnamese and the Foreigner

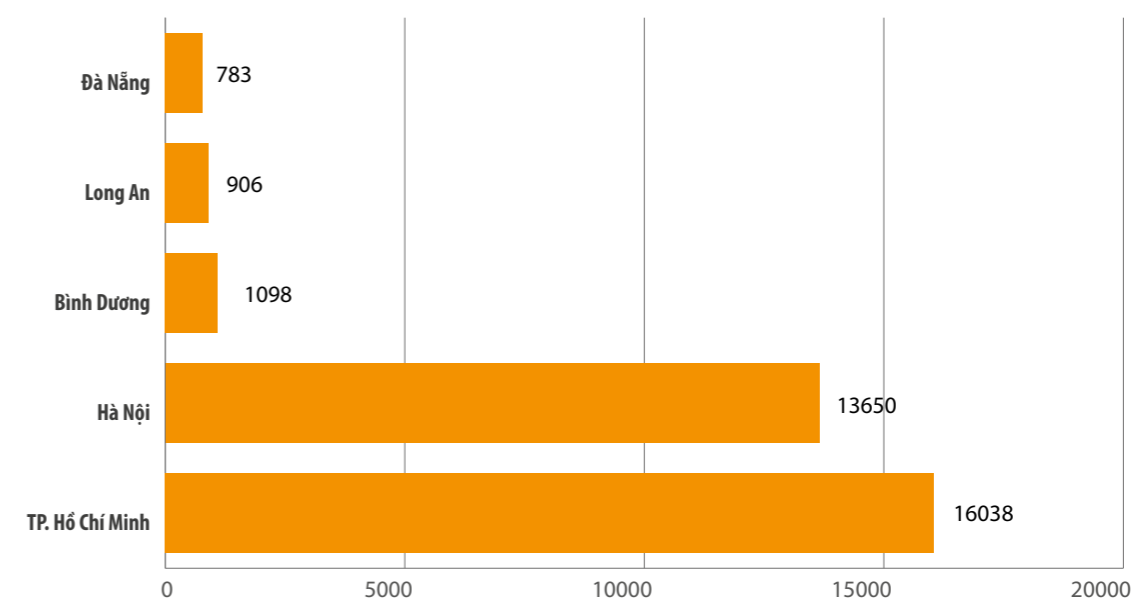
• Đơn đăng ký nhãn hiệu theo nước xuất xứ (bao gồm đơn nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ và đơn nộp thông qua Văn phòng quốc tế của WIPO), từ năm 2008 đến 2019 / Trademark applications by country of origin (including applications directly filed with IP Viet Nam and through WIPO International Bureau) from 2008 to 2019

Nước/Vùng lãnh thổ Country/Territory of origin	2008		2009		2010		2011		2012	
	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications
Áo(AT) Austria	2	17	1	24	1	28	0	58	4	35
Ôxtrâyli(AU) Australia	70	88	74	69	84	61	71	95	63	65
Canada (CA) Canada	90	81	99	0	51	0	108	3	47	0
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	94	295	116	324	76	299	105	408	119	296
Trung Quốc (CN) China	337	491	309	369	323	457	312	637	408	442
CH Séc (CZ) Czech Republic	21	20	3	12	4	15	4	37	1	10
CHLB Đức (DE) Germany	65	299	43	350	54	323	53	700	79	301
Đan Mạch (DK) Denmark	4	25	8	19	13	25	6	53	8	38
Tây Ban Nha (ES) Spain	4	27	3	37	18	47	24	104	29	65
Pháp (FR) France	143	359	91	320	120	369	79	554	129	397
Anh (GB) Great Britain	165	188	101	101	159	61	136	208	163	120
Ấn Độ (IN) India	993	764	858	0	870	0	362	0	453	0
Italia (IT) Italy	25	123	52	128	63	161	41	337	37	194
Nhật Bản (JP) Japan	615	649	508	182	622	227	720	381	937	363
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	1045	851	1083	47	1071	72	517	124	537	112
Malaysia (MY) Malaysia	192	161	238	0	174	0	180	3	223	0
Hà Lan (NL) Netherlands	94	135	110	0	110	0	97	120	94	0
Thụy Điển (SE) Sweden	11	19	11	13	13	12	8	43	17	18
Singapo (SG) Singapore	430	417	286	75	379	56	268	127	327	60
LB Nga (RU) Russian Federation	19	47	14	60	12	57	7	109	8	98
Thái Lan (TH) Thailand	241	209	241	0	188	0	218	1	286	0
Mỹ (US) The United States of America	1112	1156	954	253	1235	344	1386	585	1692	490
Việt Nam (VN) Vietnam	20930	0	22378	0	21204	0	22402	0	22838	0
Các nước khác Other countries/territories	0	0	1096	544	1179	1622	1133	570	1079	942

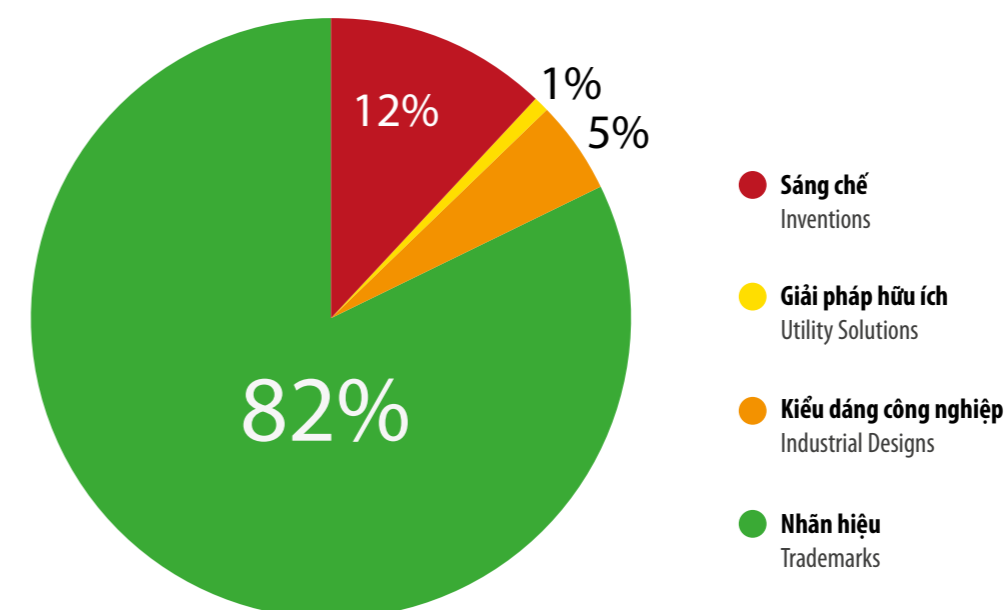
Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
		Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications
0	23	1	31	5	28	10	42	0	24	0	30	3	25		
100	134	76	88	86	219	89	210	97	144	99	271	106	185		
52	0	90	0	74	0	70	0	77	0	57	0	85	8		
107	393	114	267	86	374	126	312	111	237	94	332	78	271		
486	693	464	440	599	569	937	882	1107	817	1576	1719	2341	1520		
6	19	1	14	3	21	1	45	5	6	4	29	15	12		
89	347	72	398	65	417	61	453	133	331	82	459	49	281		
6	45	13	34	6	56	6	48	11	16	11	42	17	35		
17	28	27	37	26	78	46	79	16	79	17	75	41	41		
146	388	131	365	152	464	82	473	94	391	79	611	48	299		
164	144	154	127	133	231	187	134	165	133	149	173	115	136		
252	5	310	29	284	19	225	16	116	0	180	37	139	37		
42	189	47	180	30	232	67	230	42	153	55	296	61	173		
955	466	910	385	742	581	911	581	1266	514	1023	954	1061	652		
640	90	694	91	854	245	1028	294	1161	262	1546	511	1913	386		
213	0	188	0	158	0	296	0	231	0	228	0	254	0		
112	0	119	0	149	0	78	0	66	0	56	0	47	0		
17	12	33	20	21	15	14	8	19	9	16	18	15	11		
283	60	249	57	295	158	411	159	9	149	368	242	460	233		
12	120	12	90	15	128	13	91	459	172	39	206	38	133		
392	0	519	0	431	0	462	0	400	0	375	42	433	42		
1222	695	1175	538	1258	942	1201	862	1321	688	1248	971	1251	770		
24656	0	26587	0	30476	0	34969	0	35520	0	37476	0	43589	0		
1215	910	1078	1023	1322	1596	1559	1385	1544	0	1591	1764	1642	1062		

• Đơn đăng ký nhãn hiệu nộp trực tiếp cho Cục Sở hữu trí tuệ theo nhóm hàng hoá/dịch vụ từ 2003 đến 2019
/Trademark applications directly filed with IP Viet Nam by class of goods/services from 2003 to 2019

Nhóm hàng hoá/ dịch vụ Class of goods/ services	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
01	343	356	397	485	706	742	804	744	907	1058	955	1178	1276	1436	1472	1384	1561
02	216	321	405	351	465	382	486	365	521	507	604	697	625	1213	1209	1126	1237
03	807	836	921	1078	1301	1320	1523	1634	1654	1988	2145	2436	2916	3236	3910	4245	4575
04	60	87	108	100	182	200	184	228	276	244	293	307	357	568	429	427	478
05	2928	4169	5756	7759	9157	10119	9601	8302	6934	7177	6944	7333	6317	7337	6523	6796	7568
06	230	346	353	440	558	586	602	758	787	883	810	856	946	1157	1086	1141	1397
07	353	452	479	565	1	650	693	792	886	927	965	953	1102	1288	1324	1332	1525
08	59	103	79	106	166	154	172	178	201	236	275	281	307	368	373	455	452
09	815	1060	1193	1457	1797	1702	1645	1663	1857	1839	1956	2054	2274	2525	2771	3280	4130
10	92	126	142	174	233	218	251	242	315	363	435	430	426	660	608	681	897
11	417	587	664	775	829	810	1040	1012	1162	1096	1280	1284	1601	2246	2017	2097	2357
12	347	584	650	746	817	673	553	510	529	647	706	712	805	850	947	878	942
13	4	7	2	13	15	11	20	17	24	34	14	21	27	37	25	34	33
14	86	112	131	236	223	268	212	266	293	359	345	537	444	467	489	590	602
15	5	20	12	7	20	14	22	23	24	53	32	41	38	57	61	71	69
16	429	435	452	645	733	748	775	836	860	871	930	977	963	1101	991	1089	1260
17	81	101	126	183	206	184	195	244	250	268	301	290	348	405	370	384	419
18	166	175	266	332	397	405	379	378	528	537	591	552	748	800	818	962	1161
19	418	415	565	572	676	741	762	821	868	791	681	753	899	1241	1358	1315	1488
20	266	312	333	453	515	537	591	601	658	699	645	643	757	884	840	917	1164
21	241	242	279	329	363	341	424	431	462	578	619	563	689	758	817	836	981
22	28	33	37	30	46	49	49	73	141	87	88	116	108	136	119	152	162
23	32	37	31	41	46	37	42	33	64	71	61	65	71	122	77	108	89
24	145	131	155	199	222	218	295	270	353	417	340	381	420	483	383	484	540
25	671	697	895	1094	1269	1223	1304	1427	1575	1800	1955	2020	2430	2713	2519	2714	3329
26	18	39	58	67	75	91	71	86	106	124	130	91	139	163	156	153	154
27	8	30	24	27	38	33	58	44	76	83	77	85	85	135	165	152	173
28	129	158	192	231	203	270	229	314	357	437	394	489	450	583	586	664	756
29	557	622	650	1013	1047	878	1061	1092	1156	1419	1648	1688	2132	2356	2444	2795	3399
30	1029	1263	1504	1536	1698	1446	1874	1759	1973	2337	2760	2759	3262	3743	3725	4056	4769
31	366	514	370	381	428	441	475	486	645	648	837	895	1005	1298	1202	1472	1612
32	446	590	714	772	847	775	803	816	834	849	984	969	1091	1417	1495	1546	1950
33	134	256	252	321	387	471	411	413	424	569	625	477	602	545	563	683	744
34	120	147	118	128	158	168	108	106	154	185	205	312	398	442	642	581	839
35	1653	2035	2262	3085	3945	4292	4595	4940	5530	5377	5698	6225	8271	9736	10114	11386	13313
36	276	308	393	781	1391	1317	1163	1326	1428	956	894	791	1084	1494	1777	2231	2801
37	396	462	507	768	1128	1254	1138	1538	1544	1211	979	921	1181	1423	1582	1630	2243
38	67	91	163	248	356	417	332	327	437	470	323	310	395	447	521	603	634
39	280	386	502	623	975	979	934	1109	1271	1146	921	1054	1172	1545	1462	1579	2062
40	152	167	227	309	397	404	468	511	532	628	484	504	477	689	657	616	704
41	295	407	572	832	1187	1353	0	1398	1600	1580	1651	1655	1892	2468	2838	3016	3815
42	327	448	570	753	983	1089	0	1110	1216	1211	973	973	1182	1505	1673	1981	2678
43	290	468	609	893	1307	1281	0	1467	1662	1768	1925	2217	2623	3469	3889	4290	5220
44	99	135	212	334	449	476	0	567	690	714	797	806	979	1397	1640	1964	2382
45	16	42	49	85	221	278	0	261	306	352	321	317	382	494	485	619	677



Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nộp nhiều nhất năm 2019
Five top trademark applications by Vietnam's provinces/cities in 2019



Tỷ lệ các loại đơn đăng ký SHCN nộp trực tiếp năm 2019
Direct applications broken down by subject matters in 2019

5. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ / GEOGRAPHICAL INDICATION

- Đơn đăng ký và giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý nộp vào Cục Sở hữu trí tuệ từ 2001 đến 2019

Geographical indication applications filed with IP Viet Nam and certificates granted from 2001 to 2019

Năm / Year	Người Việt Nam by the Vietnamese		Người nước ngoài by the foreigner		Tổng số Total	
	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates
2001	2	2	1	0	3	2
2002	2	0	0	1	2	1
2003	12	0	0	0	12	0
2004	3	0	0	0	3	0
2005	2	1	0	0	2	1
2006	4	2	1	0	5	2
2007	3	6	1	1	4	7
2008	7	2	1	0	8	2
2009	6	2	0	0	6	2
2010	7	6	0	1	7	7
2011	4	5	1	0	5	5
2012	7	5	0	0	7	5
2013	3	6	1	0	4	6
2014	2	5	0	1	2	6
2015	4	1	3	0	7	1
2016	9	5	0	2	9	7
2017	7	6	2	0	9	6
2018	5	9	1	0	6	9
2019	11	10	3	0	14	10
Tổng số / Total	100	73	15	6	115	79

6. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP / TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

- Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo chủ thể

Licensing contracts by holders

Năm/ Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts				Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered licensing contracts			
	Các bên ký kết / Contracting party				Các bên ký kết / Contracting party			
	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số / Total	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số / Total
2003	84 (114)	75 (247)	9 (14)	167 (375)	34 (45)	60 (232)	5 (5)	99 (272)
2004	160 (215)	62 (160)	20 (92)	242 (467)	157 (222)	66 (139)	15 (84)	238 (445)
2005				177				353
2006	77 (133)	60 (211)	9 (109)	146 (453)	77 (141)	55 (373)	4 (5)	135 (519)
2007	61 (87)	65 (268)	27 (867)	153 (1222)	53 (72)	70 (300)	12 (818)	135 (1190)
2008	132 (267)	77 (441)	20 (45)	230 (723)	132 (260)	76 (477)	33 (103)	241 (840)
2009	66 (96)	59 (255)	27 (144)	152 (495)	74 (98)	65 (387)	24 (146)	163 (622)
2010	69 (169)	66 (475)	19 (99)	154 (743)	69 (147)	60 (399)	16 (71)	145 (617)
2011	84 (102)	56 (205)	30 (193)	170 (500)	64 (73)	54 (281)	25 (156)	143 (510)
2012	136 (309)	60 (320)	16 (148)	212 (777)	89 (198)	45 (169)	8 (208)	142 (575)
2013	90 (146)	93 (369)	21 (122)	204 (637)	109 (152)	46 (144)	9 (45)	164 (341)
2014	110 (257)	73 (455)	24 (104)	206 (816)	90 (188)	104 (461)	22 (166)	216 (815)
2015	135 (315)	92 (714)	28 (400)	255 (1429)	95 (251)	85 (612)	23 (106)	203 (969)
2016	112 (200)	89 (361)	14 (84)	215 (645)	118 (240)	89 (455)	18 (362)	225 (1057)
2017	150 (292)	75 (283)	14 (35)	239 (610)	107 (191)	61 (337)	10 (59)	178 (587)
2018	157 (221)	53 (162)	11 (30)	221 (413)	150 (287)	75 (226)	14 (17)	239 (530)
2019	122 (204)	50 (134)	26 (79)	198 (417)	177 (261)	41 (98)	10 (31)	228 (390)

VN-VN: Chuyển giao giữa người Việt Nam-người Việt Nam
Licensing contract between the Vietnamese and the Vietnamese

VN-NN: Chuyển giao giữa người Việt Nam-người nước ngoài
Licensing contract between the Vietnamese and the foreigner

NN-NN: Chuyển giao giữa người nước ngoài-người nước ngoài
Licensing contract between the foreigner and the foreigner

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in bracket are the numbers of licensed subject matters)

• **Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng / Licensing contracts by subject matters**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts by subject matters				Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng đã được đăng ký Number of registered licensing contracts by subject matters			
	Các đối tượng / subject matters				Các đối tượng / subject matters			
	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total
2003	1 (1)	3 (3)	163 (371)	167 (375)	0	4 (8)	86 (259)	90 (267)
2004	1 (10)	9 (15)	232 (442)	242 (467)	1 (10)	6 (11)	227 (429)	234 (450)
2005	2 (2)	5 (7)	135 (605)	142 (614)	1 (1)	8 (10)	169 (584)	178 (595)
2006	0	4 (9)	142 (444)	146 (453)	0	2 (3)	134 (516)	136 (519)
2007	0	3 (3)	150 (1219)	153 (1222)	0	6 (11)	129 (1179)	135 (1190)
2008	3 (16)	5 (51)	221 (642)	229 (709)	3 (16)	2 (8)	237 (830)	242 (854)
2009	3 (3)	0	160 (619)	163 (622)	2 (2)	0	150 (493)	152 (495)
2010	3 (4)	2 (4)	149 (735)	154 (743)	2 (3)	3 (7)	140 (607)	145 (617)
2011	5 (5)	0	165 (495)	170 (500)	4 (4)	1 (2)	138 (504)	143 (510)
2012	1 (1)	1 (1)	210 (775)	212 (777)	1 (1)	1 (1)	139 (573)	142 (575)
2013	8 (28)	1 (1)	195 (608)	204 (637)	4 (4)	1 (1)	159 (336)	164 (341)
2014	2 (4)	3 (4)	201 (808)	206 (816)	5 (18)	1 (1)	210 (796)	216 (815)
2015	1 (1)	5 (14)	249 (1414)	255 (1429)	3 (8)	6 (27)	194 (934)	203 (969)
2016	10 (13)	16 (16)	189 (616)	215 (645)	6 (6)	18 (18)	201 (1033)	225 (1057)
2017	3 (3)	2 (2)	234 (605)	239 (610)	3 (6)	0	175 (581)	178 (587)
2018	3 (3)	2 (11)	216 (399)	221 (413)	5 (5)	3 (3)	231 (522)	239 (530)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in blanket are the numbers of licensed subject matters)

• **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo chủ thể / Assignment contracts by holders**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts				Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
	Các bên ký kết/ Contracting party				Các bên ký kết/ Contracting party			
	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total
2007	287 (826)	29 (87)	208 (522)	524 (1435)	237 (670)	18 (38)	199 (461)	454 (1169)
2008	315 (751)	27 (52)	229 (574)	571 (1377)	270 (609)	36 (111)	232 (589)	538 (1309)
2009	370 (866)	50 (185)	288 (752)	708 (1803)	604 (1714)	24 (44)	20 (43)	648 (1801)
2010	369 (790)	67 (169)	214 (590)	650 (1549)	304 (696)	69 (214)	203 (505)	576 (1415)
2011	456 (958)	29 (141)	225 (848)	710 (1947)	325 (693)	37 (153)	179 (820)	541 (1666)
2012	477 (1156)	57 (288)	258 (899)	792 (2343)	357 (700)	31 (87)	206 (908)	594 (1695)
2013	513 (1214)	57 (169)	294 (690)	864 (2073)	423 (912)	60 (189)	220 (558)	703 (1659)
2014	540 (1123)	48 (172)	348 (806)	935 (2101)	456 (1116)	53 (303)	334 (802)	843 (2221)
2015	648 (1723)	51 (110)	352 (903)	1051 (2736)	492 (1413)	49 (174)	307 (827)	848 (2414)
2016	720 (1712)	43 (88)	359 (1087)	1122 (2887)	614 (1192)	46 (86)	334 (885)	994 (2163)
2017	761 (1540)	58 (129)	361 (914)	1180 (2583)	630 (1663)	46 (97)	339 (961)	1015 (2721)
2018	781 (1604)	69 (529)	398 (1231)	1248 (3364)	633 (1156)	50 (136)	267 (614)	950 (1906)
2019	901 (1908)	47 (104)	394 (958)	134 (2970)	746 (1426)	54 (107)	376 (959)	117 (2492)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in blanket are the numbers of assigned subject matters)

• **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo đối tượng / Assignment contracts by subject matters**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts				Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
	Các bên ký kết/ Contracting party				Các bên ký kết/ Contracting party			
	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total
2007	15 (16)	16 (90)	493 (1329)	524 (1435)	22 (25)	9 (55)	423 (1089)	454 (1169)
2008	31 (56)	16 (21)	524 (1300)	571 (1377)	28 (53)	15 (44)	495 (1212)	538 (1309)
2009	23 (50)	23 (46)	602 (1813)	648 (1909)	20 (43)	24 (44)	604 (1714)	648 (1801)
2010	28 (43)	22 (39)	600 (1467)	649 (1549)	25 (42)	19 (37)	532 (1336)	576 (1415)
2011	29 (52)	25 (78)	656 (1817)	710 (1947)	18 (23)	21 (56)	502 (1587)	541 (1666)
2012	43 (81)	15 (53)	734 (2209)	792 (2343)	28 (51)	16 (35)	550 (1609)	594 (1695)
2013	58 (85)	22 (45)	784 (1943)	864 (2073)	42 (77)	22 (82)	639 (1500)	703 (1659)
2014	59 (94)	17 (42)	859 (1965)	935 (2101)	67 (102)	10 (26)	766 (2093)	843 (2221)
2015	55 (123)	24 (48)	972 (2565)	1051 (2736)	45 (97)	22 (47)	781 (2270)	848 (2414)
2016	74 (216)	39 (64)	1009 (2607)	1122 (2887)	53 (95)	18 (40)	923 (2028)	994 (2163)
2017	63 (119)	32 (73)	1085 (2391)	1180 (2583)	71 (224)	41 (86)	903 (2411)	1015 (2721)
2018	74 (177)	46 (112)	1128 (3075)	1248 (3364)	47 (77)	27 (45)	876 (1784)	950 (1906)
2019	99 (222)	42 (113)	1201 (2635)	1342 (2970)	103 (214)	49 (112)	1024 (2635)	1176 (2492)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in bracket are the numbers of assigned subject matters)

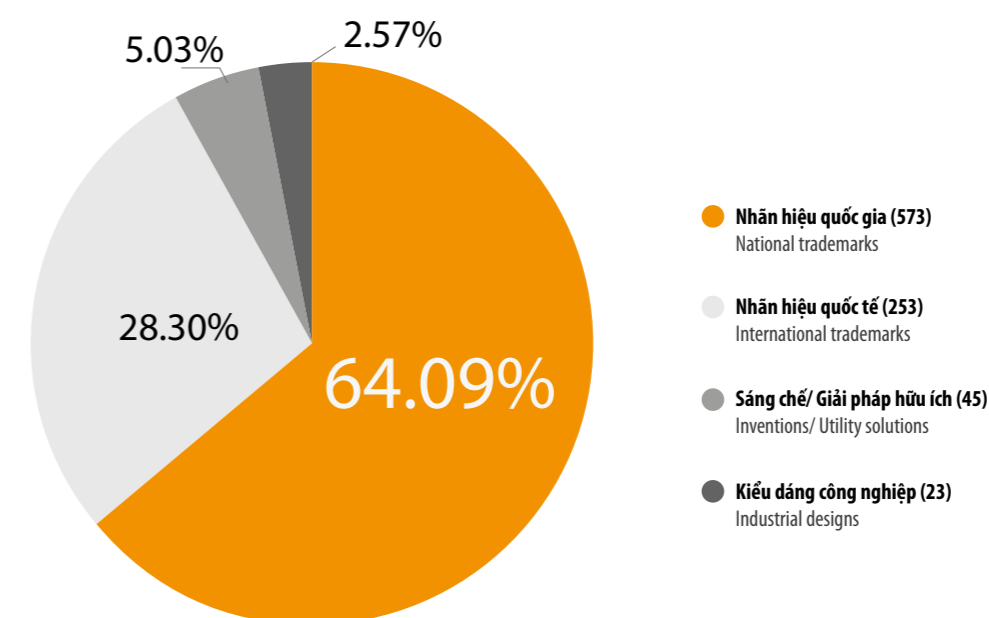
7. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP / SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS

• **Đơn khiếu nại liên quan đến quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ (*)**

Appeals request against decisions on refusal of protection of IP applications

IP Subject matter	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
SC & GPHI Invention and Utility Solution	4	2		11	7	10	15	16	22	43	36	47	48	34	32	48	48
KDCN Industrial Design	46	32	7	12	10	3	13	11	11	22	17	23	19	29	19	42	05
NH Trademark	376	395	428	367	363	409	882	884	1172	1288	1311	1292	1261	1060	1267	673	792
Tổng số / Total	426	429	435	390	380	422	910	911	1205	1353	1364	1362	1328	1123	1318	763	845

(*) Chỉ tính số liệu đơn khiếu nại nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ
The number of requests filed with IP Viet Nam only



Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại năm 2019
Appeal requests settled in 2019 by subject matters

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2019

INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES ANNUAL REPORT



IP VIETNAM

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (IP VIET NAM)

INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIETNAM (IP VIET NAM)

384-386 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

384-386 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Vietnam

Tel: (024) 3858 3069, (024) 3858 3452, (024) 3858 3793, (024) 3858 4002

Fax: (024) 3858 8449, (024) 3858 5156

Website: <http://www.ipvietnam.gov.vn>

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

IP VIET NAM REPRESENTATIVE OFFICE IN HO CHI MINH CITY

Lầu 7, Tòa nhà Hà Phan, Số 17 - 19 Tôn Thất Tùng, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

7 Floor, Ha Phan Building, No.17 - 19 Ton That Tung Str., Pham Ngu Lao Ward, 1 Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: (028) 3920 8483, (028) 3920 8485

Fax: (028) 3920 8486

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

IP VIET NAM REPRESENTATIVE OFFICE IN DA NANG CITY

Tầng 3, Số 135, đường Minh Mạng, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

3 Floor, No. 135, Minh Mang Str., Khue My Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City, Vietnam

Tel: (0236) 388 9955 **Fax:** (0236) 388 9977

ISBN: 978-604-9941-91-7



9 786049 941917